



thời thanh niên của
BÁC HỒ

thanh niên

Thời Thanh Niên Của Bác Hồ

(NXB Thanh Niên - 1976)

Tác giả: Hồng Hà

Số trang: 174 trang

Nguồn: vnmilitaryhistory.net

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

Giới Thiệu

Cuốn sách *Thời thanh niên của Bác Hồ*, tác giả Hồng Hà, do Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản lần đầu năm 1976. Sách kể chuyện những hoạt động của Bác Hồ từ lúc Người rời Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước tháng 6 năm 1911 đến tháng 6 năm 1923 khi Người rời Pháp đi sang Liên Xô.

Tác giả viết cuốn sách này dựa vào những hồ sơ, tài liệu, hiện vật liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh tại cơ quan lưu trữ quốc gia của các nước Anh, Mỹ, Pháp, Liên Xô mà tác giả đến công tác. Ngoài ra, còn có những cuộc phỏng vấn của tác giả đối với các đồng chí, đồng sự, bạn bè người nước ngoài của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại các nước nói trên.

I. LÊN ĐƯỜNG

Mùa xuân năm 1908, giữa lúc hàng ngàn nhân dân Huế nằm chần ngang cầu Tràng Tiền và vây quanh tòa Khâm sứ để chống thuế, chống đi phu thì anh Nguyễn Tất Thành đang cấp sách đến trường Quốc học Huế. Cổng trường xây hình gác chuông đắp hai con rồng bằng mảnh sứ. Từ trong sân trường, các học sinh nghe vọng tới tiếng đồng bào kéo đi đấu tranh dọc bờ sông Hương. Anh Thành không thể không suy nghĩ về thời cuộc và anh nhìn rõ thêm kẻ thù của dân tộc.

Điều đó anh hiểu từ lúc anh còn ở quê làng Sen, tỉnh Nghệ An, sống giữa những người thân của anh. Nguyễn Tất Đạt, tức cả Khiêm, anh ruột, và Nguyễn Thị Thanh, tức Bạch Liên, chị ruột của anh, đều là những người hoạt động ủng hộ nghĩa quân Nghệ An lúc bấy giờ và bị tù nhiều năm. Cha anh là bạn của nhà yêu nước Phan Bội Châu. Những lần ông Phan Bội Châu đến chơi nhà, anh lắng nghe giọng nói đầy sức lôi cuốn của ông. Thơ văn của Phan Bội Châu để lại trong tâm hồn anh những cảm xúc mãnh liệt, dạt dào tình yêu Tổ quốc.

Anh Thành thích câu thơ của Tùỵ Viên mà ông Phan Bội Châu thường ngâm:

Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch

Lập thân tối hạ thị văn chương

(Mỗi bữa không quên ghi sổ sách

Lập thân hèn nhất ấy văn chương)

Ông Phan mượn những câu thơ ấy để tỏ sự khinh ghét thứ văn chương trống rỗng và làm cầu bước tới ghé ông quan. Đối với anh Thành, những câu thơ ấy kêu gọi ở anh lòng ham muốn hành động ích nước, lợi dân. Anh là một thanh niên sôi nổi nhưng có óc nghĩ sâu sắc. Anh nhận ra những bài học xuyên tạc lịch sử dân tộc, những ngày giờ tập dịch tiếng Pháp trong lớp chỉ nhằm đào tạo những người thừa ngoan ngoãn cho chế độ thống trị. Đây không

phải là con đường và lý tưởng của anh. Anh muốn cống hiến tuổi trẻ của anh cho việc thực hiện hoài bão mà anh và cả gia đình ấp ủ.

Đạo ấy trong các sĩ phu yêu nước Việt Nam có một chuyển biến mới. Họ muốn thoát ra một phần khỏi ý thức hệ phong kiến và hấp thụ một phần ý thức hệ từ giai cấp tư sản từ Âu, Mỹ truyền sang qua các sách dịch bằng tiếng Trung Hoa. Trào lưu tư tưởng mới ấy xuất phát từ một nền kinh tế tư sản dân tộc đang hình thành và cố gắng ngoi lên chống sự chèn ép của chủ nghĩa thực dân. Các nhà văn thân chủ trương mở hội kinh doanh và mở trường học để truyền bá tinh thần yêu nước trong nhân dân. Hà Nội có những nhà hàng lớn như Đồng Lợi Tế, Hồng Tân Hưng, Quảng Hưng Long, Đông Thành Hưng. Nghệ An có Triệu Dương thương quán. Quảng Nam có Quảng Nam hiệp thương công ty. Sài Gòn và Cần Thơ có nhà Nam Đồng Hương và Minh Tân công nghệ xã. Phan Thiết có hội Liên Thành sản xuất và buôn nước mắm. Hội Liên Thành mở trường Dục Thanh dạy chữ quốc ngữ.

Trường cất bằng gạch, lợp ngói âm dương nhìn ra con sông Mương Máng. Một cây cổ thụ phía trước, một hồ sen phía sau trường tạo một khung cảnh thích hợp cho học tập và tư duy. Trường tổ chức rất quy củ, có cả chỗ nội trú và phòng ăn cho thầy giáo và học sinh. Đồng bào một số địa phương ủng hộ mục đích cao cả của trường, tự nguyện hiến ruộng cho trường để lấy hoa lợi làm học bổng cho học sinh.

Dục Thanh là một trường tư tưởng tiến bộ nhất thời bấy giờ ở miền Trung. Tiếng tăm của nó truyền đi khắp nơi, thu hút nhiều người yêu nước quan tâm đến vận mệnh của dân tộc. Anh Nguyễn Tất Thành bỏ học ở Huế vào thẳng Phan Thiết dạy lớp ba, lớp nhì ở trường Dục Thanh.

Người thầy giáo 21 tuổi ấy truyền cho học trò mình không chỉ những kiến thức văn hóa mà cả tư tưởng yêu nước nữa. Mỗi sáng, trong bộ bà ba trắng, thắt lưng màu hoa lý, chân đi guốc gỗ, thầy Thành vào lớp chọn bốn học sinh, hai trai, hai gái đứng lên bình mấy câu văn trong tập sách của Đông Kinh Nghĩa Thục. Trong Tiếng gió biển thổi qua song cửa gỗ là tiếng thầy Thành giảng văn:

... Trời đất hỡi! Dân ta khốn khổ!

Đủ các đường thuế nọ thuế kia

*Lưới vây, chài quét trăm bề,
Róc xương róc thịt còn gì nữa đâu!
... Tiếng tiếng giở ra từng giọt máu
Đêm đêm khuya tỉnh giấc hồn mê!
Ai ơi, có mển non cùng nước
Nhớ tổ, mau mau ngoảnh cổ về.*

Mỗi tháng một lần, thầy Thành dẫn học sinh lên chơi động Thành Đức. Thầy trò mang theo cơm nước, ăn uống, nghỉ ngơi, trò chuyện bên gốc những cây thị đến chiều tối mới về. Những dịp sáng trăng, thầy Thành đưa học sinh ra bãi biển ngồi trên những ghềnh đá ngấm trăng và ngâm hát những bài ca yêu nước:

*Á té á năm châu là bậc nhất.
Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn...
Đứng làm trai trong vòng trời đất.
Phải làm sao cho rõ mặt non sông.
Kìa kìa, mấy bậc anh hùng.
Cũng vì thuở trước học không sai đường...*

Thầy Thành giảng cho học sinh hiểu tư tưởng của Rút-xô, Mông-tét-xki-ơ, Von-te..., những văn hào và triết gia Pháp đã xướng ra những thuyết nhân đạo, dân quyền tự do bình đẳng, bác ái trong khuôn khổ chế độ tư bản chủ nghĩa chống lại những học thuyết phong kiến cổ hủ. Những học thuyết ấy còn đè nặng xã hội Việt Nam gấp nhiều lần so với xã hội các nước châu Âu.

Thầy Thành còn chú ý rèn luyện thể lực cho học sinh. Cứ đúng 5 giờ sáng, thầy trò ra sân trường tập thể dục. Hàng tuần, vào ngày thứ năm, tập các môn điền kinh như nhảy sào, nhảy cao, xà đơn, kéo dây. Anh Thành đã chinh phục và cảm hóa được lớp trẻ của trường Dục Thanh, của thị xã Phan Thiết bằng sự nhiệt tình, sự tận tâm và cái đẹp của tâm hồn anh. Anh tiêu biểu cho một kiểu thầy giáo và người thanh niên mới nhất và có trí tuệ nhất. Vì anh sống có lý tưởng trong sáng, có lòng ham muốn học hỏi. Và nhất là có khả năng tổng kết kinh nghiệm để tìm ra lẽ phải.

Anh rất khâm phục tinh thần của các nhà yêu nước Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, nhưng anh không hoàn toàn tán thành cách làm của họ. Một người dựa vào hoàng phái, quan lại và Nhật Bản, một người dựa vào chính ngay thực dân Pháp để mong giành lại độc lập cho nhân dân ta. Anh cảm thấy những chủ trương đó là không đúng. Các phong trào yêu nước liên tiếp thất bại. Trần Quý Cáp bị thực dân xử tử. Phan Chu Trinh bị đày đi Côn Đảo. Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội không thành công. Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, và nhiều người lãnh đạo bị bắt. Phong trào Duy Tân bị đàn áp. Quân Pháp mở cuộc tiến công cuối cùng vào căn cứ của Hoàng Hoa Thám. Giai cấp phong kiến không còn đủ sức tập hợp lực lượng nhân dân chống lại quân thù. Cách mạng Việt Nam đang trải qua những năm tháng khủng hoảng cả về lý luận, đường lối và phương thức.

Anh Thành không bi quan trước tình hình ấy. Anh nhìn thấy ở đây sức quật khởi của đồng bào, truyền thống bất khuất của dân tộc và thôi thúc tìm đường cứu nước. Trong thoái trào chung của cách mạng, hội Liên Thành phải thu hẹp hoạt động và trường Dục Thanh chuẩn bị đóng cửa.

*

* *

Năm 1911, thầy giáo Nguyễn Tất Thành từ giả trường học thân yêu vào ở Sài Gòn. Lúc này đang là thời kì bọn thực dân Pháp, sau khi hoàn thành việc xâm lược nước ta, triệt để khai thác có hệ thống các nguồn tài nguyên phong phú và sức lao động rẻ mạt của nhân dân ta. Đường xá, cầu cống, nhà máy mọc lên cùng với sự hình thành đầu tiên của một giai cấp công nhân. Và cũng lần đầu tiên, anh Thành thấy lớp người mới ấy của Xã hội làm việc trong các nhà máy xây, máy cưa, nấu rượu, làm nước đá, làm đường các xưởng đóng tàu và sửa chữa ô tô, khuôn vác hàng trên các bến tàu. Bọn thực dân tự do cướp đất, mở nhiều đồn điền quanh Sài Gòn, trồng chè, cà phê, cao su và bắt đầu cho xuất cảng một khối lượng khá lớn nông sản, lâm sản. Cảng Sài Gòn mở thêm bến, xây thêm kho, mộ thêm công nhân tăng thêm xe vận tải. Các tàu Pháp, Anh, Đức, Hà Lan, Na Uy, Nhật Bản mỗi tháng vào cảng dăm ba chục chiếc.

Sài Gòn mới mở một trường dạy nghề ba năm chuyên đào tạo công nhân hàng hải và công nhân cơ khí cho xưởng Ba Son. Trường chật hẹp, trên đầu các thợ học việc chằng chịt những dây cua-roa. Anh Nguyễn Tất Thành xin vào học ở trường này. Anh muốn trở thành một công nhân đứng máy. Người thanh niên ấy mang đến Sài Gòn bầu nhiệt huyết và cái mới trong cách nghĩ và cách sống. Giữa một xã hội phong kiến và thuộc địa coi khinh lao động chân tay, anh bỏ nghề dạy học, tự nguyện và hăm hở đi vào nghề thợ máy để có điều kiện tiếp xúc với kỹ thuật mới, đặc biệt là với lớp người mới đang điều khiển nó là giai cấp công nhân.

Anh đến trường học nghề, lòng canh cánh hoài bão giải phóng nhân dân. Cứu nước, cứu dân bằng con đường nào? Thời ấy khi Nhật Bản đánh thắng Nga hoàng, đứng vào hàng đầu các nước đế quốc trên thế giới, trong tầng lớp sĩ phu yêu nước Việt Nam có xu hướng phục và thân Nhật Bản. Đối với họ, Nhật Bản là một hình ảnh mới một kiểu mẫu mới đầy hấp dẫn. Họ náo nức tìm hiểu kinh nghiệm và lịch sử của Nhật Bản. Việc đi sang Nhật Bản học tập và cầu viện trợ đã trở thành phong trào, quen gọi là phong trào Đông Du.

Anh Thành đã từng khước từ lời rủ anh sang Nhật Bản. Có tình thần suy nghĩ độc lập, có năng lực tư duy xuất chúng, anh đánh giá đúng chỗ được và chỗ không trong đường lối cách mạng của các nhà yêu nước lúc đó. Anh cho rằng để cứu nước phải bắt đầu bằng việc xem xét, quan sát thật nhiều, tìm ra lý luận cách mạng đúng để có hành động cách mạng đúng. Và anh tự quyết định một hướng đi cho mình: sang châu Âu, nơi trào lưu tư tưởng tự do, dân quyền, dân chủ và khoa học kỹ thuật đang phát triển, xem xét các nước ở đây làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào.

Một người bạn thân của anh Thành ở Sài Gòn biết ý định ấy hỏi anh lấy đâu ra tiền mà đi. Anh Thành giơ hai bàn tay, quả quyết: “Đây, tiền đây, tôi sẽ làm việc, tôi sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”. Anh Thành không dựa vào sự quyên góp của người giàu hay của bất cứ ai. Anh dựa vào nghị lực và sức lao động của chính anh. Anh vượt lên trên những người yêu nước cùng thời trên lĩnh vực tư tưởng xã hội bằng một phương thức chính xác để tìm chân lý, bằng

tinh thần tự lực tự cường đến cao độ và một quyết tâm sắt đá không gì lay chuyển được.

Sài Gòn là một thành phố có nhiều điều kiện giúp anh Thành thực hiện những ước mơ của mình. Anh thường thấy ngoài bến những con tàu rất to rúc còi chạy ra biển như gọi anh lên đường. Lúc đó ở Sài Gòn có hai công ty tàu biển lớn chạy đường Pháp-Đông Dương: hãng Mét-xa- giơ-ri Ma-ri-tim, còn gọi là hãng “Đầu ngựa” do ống khói các tàu của hãng sơn hình đầu con ngựa và hãng Sác-giơ Rê-uy-ni, còn là hãng “Năm Sao”, do các ống khói các tàu của hãng sơn hình năm ngôi sao. Hãng Năm Sao mới mở được ít năm chạy thường xuyên từ Pháp sang Đông Dương. Đường phố Sài Gòn dán nhiều quảng cáo của nó in bằng hai thứ tiếng Pháp và Hán với hình vẽ con tàu đang rẽ sóng kèm hành trình: Đơng-kéc, Lơ Ha-vơ, Boóc-đô, Mác-xây, Po Xa-ít, Gi-bu-ti, Cô-lôm-bô, Xin-ga-po, Sài Gòn, Tua-ran, Hải Phòng. Hãng Năm Sao tuyển người Việt Nam xuống làm dưới tàu, phụ với công nhân Pháp các công việc: làm bếp, làm bánh, rửa bát đĩa, lau quét tàu, phục vụ hành khách, cạo sơn, đánh đồng... Tất cả mọi nghề ấy của người Việt Nam mang một tên gọi trên tàu: bồi.

Tiếng gọi của lý tưởng không cho anh Thành học hết ba năm ở trường dạy nghề. Mới học ba tháng, anh bỏ học. Trưa ngày 2-6-1911, anh ra bến Nhà Rồng (Sài Gòn). Vừa lúc một chiếc tàu của hãng Năm Sao từ Tua-ran (tức Đà Nẵng) cập bến. Đây là tàu “Đô đốc La-tu-sơ Tơ-lê-vin”. Anh Thành lên thẳng tàu xin việc làm. Lúc đầu, chủ tàu ngần ngại vì thấy anh gầy gò, có vẻ một anh học trò hơn là một người lao động. Sau người đó cũng nhận và hẹn anh hôm sau đến. Anh Thành xuống tàu làm bắt đầu từ ngày 3-6-1911 với một tên mới: Văn Ba. Cùng xuống làm tàu hôm đó với anh còn có 4 thanh niên Việt Nam, những nông dân nghèo khổ, mù chữ, bỏ làng và gia đình đi kiếm ăn: Lê Quang Chi, Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Tuân và Đặng Quan Rao. Trên tàu có ba người Việt Nam làm cho hãng tàu từ trước. Đây là các bác Nguyễn Văn Hùm, Bùi Văn Viên, Nguyễn Văn Ba, những người hôm trước đã đưa anh Thành đến gặp chủ tàu.

“Đô đốc La-tu-sơ Tơ-lê-vin” là một trong những tàu lớn đầu thế kỷ, vừa chở hàng, vừa chở khách, dài 124 mét 10, rộng 15 mét 20,

chạy máy hơi nước có 2800 sức ngựa, trọng tài 5572 tấn. Đáy tàu có hầm chứa 900 tấn nước ngọt và 15 tấn than để có thể chạy một mạch 12000 hải lý không phải ghé bến. Ở boong trên cùng có buồng sĩ quan, thủy thủ người Pháp, phòng ăn, phòng hút thuốc lá và một dãy buồng cho 40 khách đi về hạng nhất. Khoang cuối cùng phía giữa tàu là nơi đặt các thứ náy móc, ba nồi hơi lớn và chỗ ngủ cho các bồi tàu như anh Thành. Ở đây không khí ngọt ngào, tranh tối tranh sáng, suốt ngày đêm tiếng máy chạy sinh sịch rung chuyển vách hầm, nhứt tai nhứt óc, người không quen rất khó ngủ.

Viên thuyền trưởng Lu-i Ê-đu-a Mai-sen, 38 tuổi, quê ở Đơong-kéc, miền Bắc nước Pháp, giao anh Ba làm phụ bếp: nhặt rau, vác khoai, rửa nồi, cào lò, xúc than, dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn... Làm việc quần quật suốt từ sáng tinh mơ đến đêm, anh Ba mình đầy bụi than và mồ hôi. Có khi hai, ba giờ sáng, cai nhà bếp còn đến gọi dậy đi khuôn thực phẩm dự trữ ướp lạnh ở kho đưa lên bếp. Lương anh Thành ghi trên sổ tàu là 45 phrăng một tháng (tức 4 đồng 5 hào tiền Đông Dương). Nhưng sau khi trả tiền ăn, tiền nộp cho cai bếp, góp vào quỹ bảo hiểm cho riêng thủy thủ người Pháp, trừ đầu trừ đuôi mọi khoản, thực tế anh chỉ còn được lĩnh 10 phrăng. Trong khi đó, viên thuyền trưởng Mai-sen lĩnh lương chính mỗi tháng 300 phrăng, chưa kể phụ cấp, và lớp “gác-xông” trên tàu, tức bồi người Pháp, làm cùng thứ việc như anh Thành thì hưởng lương nhiều gấp ba lương anh. Trong bộ quần áo xanh của bồi tàu, anh Thành khuôn vác lên thang, xuống thang, khi xách nước, xúc than, lúc dọn chảo, gọt măng, anh phải đem hết sức ra mới làm xong hết việc. Bùi Quang Chiêu kỹ sư canh nông người Việt vào quốc tịch Pháp, đi vé tàu hạng nhất cùng với gia đình sang Pháp du lịch, trông thấy anh Thành liền gọi anh lại bảo: “Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi. Con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn”.

Không, anh Thành đã chọn cách đi riêng của anh. Lao động đối với anh là phương tiện để đi tìm chân lý. Sự nghiệp của anh bắt đầu bằng đôi bàn tay trắng. Nhưng đôi tay sẽ làm nên tất cả, bất chấp gian nguy và khổ cực, bất chấp sóng dữ và những chân trời xa lạ không có người quen. Người thanh niên có chí lớn và sự táo bạo ấy cũng là người Việt Nam yêu nước đầu tiên tự dẫn mình vào con đường “vô sản hóa”. Tuổi trẻ, khi tình yêu Tổ quốc đã bùng lên, bao giờ cũng đẹp, đầy dũng khí và niềm tin. Anh Thành lặn mình vào

cuộc sống của quần chúng vô sản chính là đang tạo ra cho lòng anh mảnh đất thuận lợi cho giác ngộ giai cấp nảy mầm.

Tàu “Đô đốc La-tu-sơ Tơ-lê-vin” điếm danh chuẩn bị nhỏ neo rời Sài Gòn. Tổng số thủy thủ, nhân viên có mặt trên tàu là 72 người. Viên chánh sở đăng ký hải hải Sài Gòn đóng dấu chứng nhận vào sổ tàu và cho phép chạy. Anh Văn Ba cùng con tàu rời bến Nhà Rồng đi Xin-ga-po trên đường sang Pháp. Sài Gòn thay mặt tổ quốc lưu luyến tiễn anh ra đi. Hôm đó là ngày mùng 5 tháng 6 năm 1911.

II. BỐN BIỂN

Anh Văn Ba từ sông Lam của quê hương, từ Tiền Giang và Hậu Giang đi ra đại dương nuôi ước mong một ngày trở về giải phóng những dòng sông của Tổ quốc. Tàu “Đô đốc La-tu-sơ Tư-lê-vin” chạy với tốc độ 13 hải lý/giờ. Ấn Độ Dương đang mùa bão. Có lần sóng to chồm lên sàn tàu cuốn anh xô vào đồng dây xích, nhờ vậy anh không bị rơi xuống biển. Anh say sóng và mệt lữ vì công việc vất vả, nhưng đêm đến vẫn chịu khó ngồi giúp những bạn mù chữ viết thư về gia đình. Anh Ba nhìn thấy biển cả hùng vĩ và, trong hành trình đầu tiên, anh nhìn thấy vết thương của nhân loại: những thuộc địa của bọn thực dân.

Ngày 8-6, tàu tới Xin-ga-po thuộc địa Anh. Ngày 14-6, tàu tới Cô-lôm-bô, lại thuộc địa Anh. Ngày 30-6, tàu tới Po Xa-ít, vẫn thuộc địa Anh. Thời ấy mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh. Ngày 6-7, tàu cập bến Đa-răng trong cảng Mác-xây. Đây là đất Pháp đầu tiên mà anh trông thấy và đặt chân lên, nơi đầu tiên trông đời anh thấy có những người Pháp gọi anh bằng “Ông”. Một ngày ở lại Mác-xây, đi thăm phố xá, anh Ba nhận xét: Thì ra, người Pháp ở bên Pháp không ác như thực dân Pháp ở Việt Nam. Thì ra, bên Pháp cũng có người nghèo như bên ta.

Ngày 15-7, tàu anh Ba tới Lơ Ha-vơ, một cảng ở miền Bắc nước Pháp. Làm dưới tàu cực khổ 14 thủy thủ, nhân viên bỏ nghề tàu lên các bến dọc đường. Khi tàu đến Lơ Ha-vơ, tổng số người làm trên tàu chỉ còn có 58 người, trong đó có anh Ba. Anh đã thắng sóng gió và điều kiện làm việc cực nhọc dưới tàu biển.

Kể từ khi hạ thủy, tàu thủy tàu “Đô đốc La-tu-sơ Tư-lê-vin” đã chạy được 8 năm. Hãng Năm Sao cho tàu vào đà ở Lơ Ha-vơ để sửa chữa, đưa tất cả thủy thủ, nhân viên sang làm ở một tàu khác của hãng để trở lại Đông Dương. Anh Ba không theo, bèn lên bộ đi làm thuê. Cách bến Lơ Ha-vơ khoảng hai ki-lô-mét ngay bên cạnh biển, có một thị trấn xinh đẹp xây trên một ngọn đồi nhìn thẳng xuống cảng La Ha-vơ. Đây là thị trấn Xanh-tơ An-đrét-xơ. Dọc

những con đường yên tĩnh đầy bóng râm uốn khúc lưng đồi là những biệt thự nhiều cây và vườn hoa trồng tỉa tỉ mỉ, phần lớn là của gia đình những chủ tàu, nhà buôn giàu có và công chức cấp cao. Anh Ba cho gia đình viên chủ tàu của anh có một biệt thự đẹp ở đây. Lúc ấy, cách chỗ anh ở vừa đúng 200 ki-lô-mét, cũng có một người Nga yêu nước đến ở Pháp. Đây là Lê-nin, lãnh tụ của phong trào cách mạng Nga, ngụ tại nhà số 4, phố Ma-ri Rô-dơ, quận 14, Pa-ri.

Sự nhàn hạ tương đối của nghề làm vườn so với nghề làm tàu không quyến rũ được anh Ba và cũng không làm anh rời bỏ được mục tiêu của anh. Ngày ấy anh thích xem mặt trời mọc trên biển. Phía chói lọi ấy là Tổ quốc mến yêu. Hai tiếng thiêng liêng ấy lại gọi anh lên đường. Anh bỏ nghề làm vườn ở Xanh-tơ An-drét-xơ, trở lại làm nghề thủy thủ trên một tàu chở hàng của hãng Năm Sao chạy vòng quanh châu Phi. Người ta cho anh biết: khí hậu châu Phi rất khắc nghiệt, tàu chở hàng chạy không êm như tàu chở khách, đi rất mệt, hành trình lại dài mà anh Ba một thân một mình, không có bầu bạn. Anh Ba hăng hái ra đi và anh nói: “Tôi là thanh niên, tôi khỏe, tôi chịu được. Tôi chỉ muốn đi xem các nước”.

Đi và quan sát, sống với những người cùng khổ ở các chân trời khác nhau, từ Địa Trung Hải, qua kênh Xu-ê, biển Đỏ đến Ấn Độ Dương rồi Đại Tây Dương, anh Ba thấy rõ ở đâu nhân dân thuộc địa cũng khổ và anh càng thấy tính cấp bách của sự phá xiềng.

Anh còn vượt Đại Tây Dương đến nước Mỹ, nơi sinh ra bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 với những lời bất hủ: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Nhưng anh nhanh chóng nhìn thấy phía sau tượng thần Tự Do ở lối vào cảng Niu-oóc là tội ác man rợ của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Anh đi làm thuê ở Brúc-clin và anh thường xuyên đến thăm khu người da đen ở Hác-lem. Anh vô cùng xúc động trước điều kiện sống của người da đen và anh phần nộ đến cùng cực trước hành động hung ác của bọn phân biệt chủng tộc Mỹ. Chủ nghĩa tư bản đã làm sống lại chế độ nô lệ ngay trên nước Mỹ, và người da đen mà anh được tận mắt thấy phải chịu những nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất. Anh quan tâm đến số phận của màu da có

nhiều đau khổ ấy. Hình ảnh bọn đế quốc tra tấn, hành hạ người da đen làm anh không bao giờ nguôi cảm giận: một đám đông người da trắng lôi ra một người da đen, xô đẩy, đấm đá, giày xéo, đánh đập, chửi rủa, trói người da đen vào gốc cây, tưới dầu xăng vào người, bẻ dần từng chiếc răng và móc mắt người đó, gí miếng sắt nung đỏ vào lưỡi rồi châm lửa đốt. Người da đen bị nướng chín, thui vàng, cháy thành than trong tiếng vỗ tay reo hò của bọn giết người. Những người da trắng nào dám bên vực người da đen cũng bị đối xử tàn nhẫn như thế. Anh Ba phải thốt lên: “Văn minh là như vậy đó sao!”. Anh thông cảm vô cùng với những người da đen, giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất. Anh đi đến kết luận: tất cả bọn đế quốc đều phản đông và tàn ác. Anh đi với một tư duy sâu sắc và cuộc khảo sát phong phú ấy vào buổi đầu thế kỷ là vốn quý của anh và cũng là của cách mạng Việt Nam. Anh đã nhìn thấy biết bao nhiêu đất nước và cuộc sống khác nhau, biết bao nhiêu màu da và nỗi khổ khác nhau. Vào tuổi 25, anh đã là người đi nhiều nhất trong những người Việt Nam ở bất cứ thời nào. Anh đi cho Dân tộc và Dân tộc qua anh nhích gần đến thế giới và loài người. Những chặng đường anh đi vào thời điểm ấy là lịch sử cả một thế giới đang chuyển động mạnh.

Anh đến nước Anh vào lúc nước này đang ở thời cường thịnh nhất. Anh lên bộ đi tìm việc làm ở Luân Đôn, thủ đô nước Anh. Thành phố nhiều sương mù ấy không ưu đãi anh. Để sống, giữa những ngày đông buốt rét nhất, không đủ quần áo ấm, anh vẫn phải đi cào tuyết cho một trường học. Hai ngày sau, anh phải chuyển sang một nghề khác: đổ than xúc than dưới hầm tối cho một chủ nhà người Anh. Cả ngày không nhìn thấy mặt trời và lửa lò nóng hầm hập. Tiền công thì rẻ mạt nhưng anh vẫn dành dụm để có tiền đi học tiếng Anh. Người thanh niên ấy có chí lớn và có nghị lực lớn để rèn luyện mình và vươn tới. Từ những lúc lên đênh trên biển hàng tháng trời hoặc lao động trên đất Mỹ, anh bao giờ cũng giữ phong cách một người Việt Nam chân chất, hồn hậu, không nói tục, không say rượu, không đánh bạc và bao giờ cũng dành thời gian đọc sách báo, học hỏi thêm. Anh biết hòa trong quần chúng và trong cuộc sống xã hội, nhưng anh biết gạn lọc tiếp thụ cái hay, loại ra cái xấu.

Cung vua ở Luân Đôn nguy nga, lộng lẫy hơn rất nhiều các cung vua ở Huế mà anh đã thấy, phản ánh sự mâu thuẫn rõ nét giữa cuộc sống xa hoa, ăn bám, lãng phí của triều đình và cuộc sống lao động, cực khổ, tối tăm của lớp người vô sản. Những cung điện vàng son ấy, những tốp lính cận vệ đội mũ đồng vàng chéo và đội kỵ binh đánh rùa hung đỏ hô tống xe vua ấy, Lê-nin khi ở Luân Đôn cũng từng thấy và từng phê phán. Anh hay ra vườn Hay-đơ tòa hơi sương, ngồi giờ sách tiếng Anh ra học hoặc dự những diễn đàn ngoài trời, ở đây nhiều nhà chính trị và nhà triết học đứng trên ghế cao diễn thuyết thao thao bất tuyệt.

“Các nhà triết học mới chỉ giải thích thế giới bằng những cách khác nhau, điều quan trọng là phải biến đổi nó”. Dòng chữ vàng ghi lời nói bất hủ ấy của Các Mác trên mộ của Người ngay giữa Luân Đôn thật sự là một lời kêu gọi hành động.

Anh thủy thủ Văn Ba còn trong quá trình đi tìm cơ sở lý luận cho hành động cách mạng của mình: Anh đến làm thuê ở khách sạn Dray-ton Cốc với tên chính của anh: Nguyễn Tất Thành. Khách sạn này ở phố Đi A-vơ-niu, khu Oét I-linh, về phía Tây của Luân Đôn, với mặt tường ngoài xây bằng gạch mộc màu đỏ nâu. Nhà bếp chỗ anh Thành làm ở dưới tầng hầm, thùng rửa bát và thùng gỗ giặt khăn ăn ở gác trong cùng. Từ đây anh Thành viết bức thư cho nhà yêu nước Phan Chu Trinh lúc đó đang ở Pa-ri, nhà số 6, phố A-bê đờ lê-pê. Ông Phan Chu Trinh, người tỉnh Quảng Nam, nhận thấy quan trường thối nát, từ quan ở bộ Lễ đi hoạt động chính trị. Ông sang Nhật Bản rồi Trung Quốc gặp ông Phan Bội Châu, khi trở về nước bị thực dân ở Đông Dương bắt và kết án tử hình. Nhờ Hội nhân quyền và Giăng Giô-rét, một lãnh tụ Đảng xã hội Pháp, can thiệp ông được tha và sang Pháp. Thư của anh Nguyễn Tất Thành viết:

“Hy mã⁽¹⁾ nghi bá đại nhơn.

Cháu kính chúc Bác, em Dật⁽²⁾ và ông Trọng mấy các anh em ta ở Pa-ri đều mạnh giỏi. Nay cháu đã tìm được nơi để học tiếng. Mấy 4 tháng rưỡi nay chỉ làm với Tây, nói tiếng Tây luôn luôn. Tuy ở Anh xong chẳng khác gì ở Pháp và ngày tháng luống những chỉ lo làm khỏi đói, chớ chẳng học được bao nhiêu. Và cháu ước ao rằng 4, 5

tháng nữa lúc gặp Bác thì sẽ nói và hiểu được tiếng Anh nhiều nhiều.

Bên ta có việc gì mới? Và nếu Bác dịch mấy hồi sau xong rồi xin Bác gửi cho cháu.

Chuyến này Bác sẽ đi nghỉ hè đâu?

Nay kính,

Cuồng Kiệt⁽³⁾Nguyễn Tất Thành”.

Đối với nhà yêu nước tiền bối đã lừng danh, anh tỏ lòng kính trọng và cũng muốn báo tin rằng ngọn lửa yêu nước trong trái tim anh vẫn sục sôi giữa thủ đô nước Anh. Và chính anh đã tham gia Công đoàn lao động hải ngoại, thu hút nhiều kiều bào yêu nước ở Anh, chính anh đã cùng công nhân Anh đi biểu tình bên bờ sông Tâm-đơ đòi tự do, dân chủ và quyền lợi chính đáng của người lao động. Ở anh, sự hăng say theo đuổi lý tưởng như dòng thác mạnh đẩy anh đi tới, vượt qua đói rét khổ cực và mọi khó khăn.

Ít lâu sau, anh Thành chuyển đến làm phụ bếp cho một khách sạn lớn và nổi tiếng hơn là khách sạn Các-tơn ở phố Hay-ma-két. Khách sạn chiếm một tòa nhà 6 tầng chạy hai mặt phố. Nhà bếp ở dưới tầng hầm với những lối đi chật hẹp, những ngách lò xây vòm cuốn, những đường ống kẽm dẫn khói lên trên. Ở đây, anh Thành làm việc dưới sự điều khiển của đầu bếp người Pháp E-xcô-phi-ê mà tài nấu bếp của ông cả thế giới phương Tây ngày trước đều biết, tặng ông cái tên gọi: “vua đầu bếp”. Anh làm những công việc rửa bát và anh chịu khó nhặt ra những thức ăn thừa của khách giao cho nhà bếp để cho người nghèo chứ không đổ tuột vào thùng rác. Lời nói hòa nhã, đức tính giản dị, thương người, lối sống đứng đắn, tác phong cần cù của anh được mọi người trong nhà bếp quý mến và người đầu bếp có cảm tình đặc biệt với anh, đưa anh từ nghề rửa bát sang nghề làm bánh ngọt. Và cái món bánh kem va-ni nhân đào sở trường nổi tiếng của ông, E-xcô-phi-ê đã dạy lại cho anh Nguyễn Tất Thành.

Trong khu nhà bếp này anh Thành lao động và giữ thói quen đọc báo hằng ngày. Bên lò bếp than anh đã khóc khi đọc tin cái chết dũng cảm của một nhà yêu nước Ai-rơ-len và anh nhắc đến khí tiết anh hùng của Tổng Duy Tân mà anh tôn kính.

Anh là một thanh niên không sống bàng quan và ích kỷ, mà sống có sự suy xét trước thời cuộc. Tâm mắt đại dương của anh giúp anh hiểu nhanh mọi sự kiện và đưa anh đến gần những quan điểm tiến bộ nhất của thời đại. Tháng 8-1914, giữa Luân Đôn, anh biết tin chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Anh viết thư cho ông Phan Chu Trinh:

“Bác kính mến,

Tiếng súng đang rền vang. Thây người đang phủ đất. Năm nước lớn đang đánh nhau. Chín nước đã vào vòng chiến. Cháu bỗng nhớ cách đây vài tháng cháu có nói với Bác về cơn dông sấm động. Số mệnh sẽ còn dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước được ai sẽ thắng. Các nước trung lập còn đang lưỡng lự và các nước tham chiến không thể đoán biết được ý đồ của họ. Tình hình diễn ra là ai thò mũi vào thì chỉ có thể đứng về phe của địch thủ bên này hoặc địch thủ bên kia. Người Nhật Bản hình như có ý định nhúng tay vào. Cháu nghĩ trong ba hoặc bốn tháng tình hình châu Á sẽ có nhiều chuyển biến.

Xin gởi lời hỏi thăm Bác và em Dật. Mong Bác trả lời sớm về địa chỉ sau đây:

Gửi Nguyễn Tất Thành số nhà 8, phố Xtê-phen, Tót-ten-ham Luân Đôn”.

Nghĩ về châu Á, anh Thành nóng ruột nghĩ đến Tổ quốc. Đất nước sẽ ra sao trong chiến tranh? Làm gì được cho đồng bào lúc này?. Anh chỉ là một thanh niên chưa đủ hiểu biết và kinh nghiệm, một thanh niên đang tìm đường. Anh mong đợi ở các vị tiền bối cách mạng làm một cái gì thức tỉnh nhân dân. Anh gửi cho ông Phan Chu Trinh một bưu thiếp trong có mấy vần thơ:

“Chọc giời quấy nước tiếng ùng ùng

Phải có kiên cương mới gọi hùng...

...Ba hột đạn thềm hai tất lưới

Sao cho ích giống mới cam lòng

Hy Mã nghi bá đại hơn thâu

Cường Diệt Nguyễn Tất Thành”.

Một gợi ý, một kiến nghị hay một lời kêu gọi bóng bẩy mà tha thiết từ đáy lòng một thanh niên gửi tới nhà yêu nước đàn anh?

Chiến tranh ngày càng ác liệt. Tháng 4-1917, Mỹ mới nhảy vào vòng chiến đứng về phe đồng minh. Quân Đức chiếm toàn bộ nước Bỉ, Ba Lan, Xéc-bi, Ru-ma-ni, vùng đất gần biển Ban-tích, Lít-va, một phần nước Bạch Nga và một phần quan trọng của nước Pháp.

Thực dân Pháp vét ở Việt Nam đưa sang Pháp gần 10 vạn người làm bia đỡ đạn cho chúng. Nhân dân Việt Nam bị bóc lột đến cùng cực để nuôi chiến tranh. Cách mạng sôi sục ở nhiều nước, ngay trong lòng nước Đức và mạnh nhất ở nước Nga của Sa hoàng. Vua Duy Tân nổi dậy ở Huế. Nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa. Mọi vùng đất của đế quốc Pháp đều có chuyển biến, báo hiệu cơn giông. Anh Nguyễn Tất Thành muốn đến gần những trung tâm nóng bỏng. Anh bỏ nghề phụ bếp ở Luân Đôn, sang Pháp. Đây là vào cuối năm 1917.

(1)Hy mã: biệt hiệu của ông Phan Chu Trinh.

(2)Con trai ông Phan Chu Trinh

(3)Cuồng điệt: người cháu hăng say.

III. LỬA ĐẠN

Chiến tranh đang bước vào thời kỳ ác liệt nhất. Quân Đức dùng đến những loại đại bác cỡ lớn. Chúng thả trên biển rất nhiều thủy lôi, một trong những thứ vũ khí khủng khiếp lúc đó. Bất chấp nguy hiểm, anh Thành vượt biển Măng-sơ đến Pháp và đến tuyến lửa. Anh quyết tâm đến đất nước này vì nhiều lẽ. Không như bên Anh, ở đây có hàng vạn người Việt Nam, phần lớn là công nhân và binh lính, một môi trường hoạt động thích hợp với anh. Và cũng không ở đâu thuận lợi bằng ở Pháp để anh vừa nghiên cứu kẻ thù từ trong sào huyệt của nó, vừa có những tin tức nhanh nhạy và thường xuyên về Tổ quốc của anh. Từ lâu anh muốn tìm hiểu về nền văn minh nước Pháp và nhân dân Pháp với truyền thống cách mạng cùng những tư tưởng tự do, dân quyền, dân chủ. Sau khi qua các đại dương và các lục địa, sống và làm thuê ở hai nước tư bản hùng mạnh là Anh và Mỹ, anh Thành muốn dừng chân trên đất Pháp, hoàn thành đợt khảo sát và rèn luyện đầu tiên của mình. Những kinh nghiệm và hiểu biết mà anh tích lũy được trong cuộc hành trình 6 năm ròng sẽ giúp anh so sánh, phân tích chính xác trong khi sống trên đất Pháp và cũng giúp anh tìm thấy nhanh chân lý.

Những cuộc báo động liên tiếp, những thị trấn, làng mạc bị tàn phá, những cán thương binh từ mặt trận đưa về Pa-ri, những đồng bào của anh lìa vợ con, quê hương phơi xác trên chiến trường châu Âu..., tất cả đã làm anh hiểu rõ bản chất của chiến tranh đế quốc. Những người lính Việt Nam bị cưỡng ép sang Pháp dưới roi vọt, dùi cui của bọn thực dân. Và khi anh Thành thấy trên lưng hay cổ tay họ một con số do bọn thực dân thích vào da họ bằng chất ni-tơ-rát bạc thì anh lại nhờ đến cảnh tượng tự trong những chợ buôn nô lệ ở châu Phi. Thời chiến cũng như thời bình, sự khốn khổ của người dân thuộc địa là nguồn lợi của bọn thực dân. Chỉ có điều khác là khi có chiến tranh, bị đẩy ra trận, những người da đen, da vàng hèn hạ ấy được các quan toàn phong cho cái danh hiệu là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”...

Lúc anh Thành tới Pháp chính là lúc nhân dân biết rõ sự lừa bịp của bọn tư bản và nhiều cuộc phản chiến đã xảy ra trong quân đội Pháp. Có những đại đội không tuân lệnh chỉ huy, vứt súng và không chiến đấu. Có những đơn vị khi có lệnh xung phong đã phản đối: “Không đến lượt chúng tôi mà đến lượt các chủ nhà băng”. Lính phản chiến đông, bọn chỉ huy bốc thăm lấy ra một số người đem đi bắn. Năm 1917, trong quân đội Pháp có 554 án tử hình vì phản chiến.

Hăng-ri Bác-buýt cũng đã cất cao tiếng nói phản chiến. Là một nhà văn, cũng bị tuyên truyền của giai cấp tư bản lừa bịp, khi chiến tranh nổ ra, Bác-buýt xung phong ra trận, mặc dù lúc đó ông đã 41 tuổi và người gầy yếu. Ông làm lính thường và ông chiến đấu ngoài mặt trận cùng các đồng đội là công nhân, nông dân, trí thức. Gần hai năm sống ở tuyến tuyến, trải qua nhiều thử thách và gian khổ, chứng kiến nhiều cảnh bất công đau lòng, nghe được nhiều nỗi tâm sự nhói trong tim, ông nhận ra không phải ông đang “bảo vệ Tổ quốc” như người ta nói mà chính đang bảo vệ két bạc cho bọn tư bản. Giác ngộ và phẫn nộ, ông viết tiểu thuyết “Lửa” đăng trên một tờ báo Pa-ri mà anh Thành rất chú ý đọc. Tiểu thuyết ấy miêu tả sinh động nỗi khổ và tâm hồn của những người lính ngoài mặt trận. Và Bác-buýt đã kết luận: “Không thể thoát khỏi chiến tranh bằng cách thụ động buông súng xuống. Chỉ có thể thủ tiêu chiến tranh bằng cách quay súng lại bắn vào giai cấp tư sản thống trị của chính nước mình”. Anh Thành hiểu thêm một điều: trong chiến tranh của bọn đế quốc, nhân dân lao động ở chính quốc và nhân dân ở thuộc địa đều khổ như nhau, xương máu hi sinh chỉ phục vụ cho lợi ích của bọn cá mập tư bản thực dân. Gần một vạn đồng bào anh đi lính sang Pháp không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước.

Thành phố Pa-ri mà anh đến lần đầu tiên năm 1917 ấy vẫn giữ được trong chiến tranh vẻ đẹp và những nét đáng yêu của nó. Pa-ri không phải là của riêng giai cấp tư bản tham tàn và ích kỷ. Pa-ri còn là của nhân dân lao động yêu đời và hồn hậu, cởi mở và phóng khoáng, tha thiết với tự do, dân chủ, mang trong mình truyền thống cách mạng vẻ vang và những di sản văn hóa, tư tưởng tiến bộ.

Phố Ăng-xiê Cô-mê-đi vẫn còn quán cà phê Prô-cốp mở từ năm 1686, một trung tâm hoạt động chính trị, văn học và triết học, nơi

thường lui tới ngày trước của La Phong-ten, Bắng-gia-manh, Phrăng-clanh, Đắng-tông, Ma-ra, Rô-be-pi-e, Na-pô-lê-ông, Vích-to Huy-gô, Muýt-xê, La-mác-tin, Ban-dắc, Bô-đơ-le... Phố Pa-le Roayan, nơi lập đại bản doanh Cách mạng 1789, ở đây nhà báo Ca-mii Đê-mu-lanh đã đứng trên bàn giữa phố kêu gọi nhân dân cầm súng nổi dậy kéo đi phá ngục La Ba-xti xóa bỏ chế độ quân chủ chuyên chế. Quảng trường La Công-coóc như còn âm vang tiếng trống của hàng vạn nhân dân rầm rập xuống đường năm 1793 chặ t đầu vua Lu-i 16. Những dãy phố cổ kính ồn ào của khu Ma-re từng chứng kiến năm 1832 cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân trên các chiến lũy. Bức tường rêu phủ trong nghĩa trang Pe La-xe-dơ còn ghi sự tích cảm động của người chiến sĩ công nhân năm 1871 lập công xã Pa-ri, lần đầu tiên trong lịch sử tuyên bố thủ tiêu chế độ người bóc lột người, chính quyền thuộc về giai cấp vô sản, cuối cùng dưng cảm hy sinh trước mũi súng quân thù.

Bên dưới lớp vỏ của một Pa-ri nhộn nhịp, đông đúc, hoa lệ và có vẻ tự do ấy là sự bất công, sự bóc lột, sự nhơ bẩn và sự tàn nhẫn của xã hội tư bản. Pa-ri, thành phố của những mâu thuẫn, của những nhà triệu phú kéch xù và những người nghèo xác xơ ; của những người ăn bám và những người lao động cực nhọc ; của những biệt thự tráng lệ và những nhà ổ chuột ảm thắ p ; của những mục chủ người cuốn đầy vàng và những người thất nghiệp nằm co quắ p trên sàn chợ Mô-be ; của những cửa hàng lộng lẫy và những cỗ xe khắ p khểnh đắ y bán hạt dẻ rang ; của những khóm hồng vườn Ba-ga-ten và những đồng giẻ rách hôi hám trong khu chợ Rậ n...

Nhiều nhà cách mạng từ khắp nơi trên thế giới đến Pa-ri lắng nghe ở đắ y tiếng rì rào của những bài học lịch sử, nhìn thấy ở xã hội ấy một vài tia sáng cho tư duy và phương thức hoạt động của mình, rút ra từ thành phố ấy những tinh hoa trí tuệ cần cho cuộc đấu tranh ngày mai. Các-mác đến Pa-ri tháng 11-1843 giữa lúc giai cấp tư sản Pháp đắ ng giàu lên, xây nhà cao cửa rộng và những khu phố sang trọng trong khi quần chúng lao động đói rét, thất nghiệp, bệnh tật sống chui rúc ở những căn nhà chặ t hẹp. Nước Đứ c nửa phong kiến, lạc hậu về kinh tế so với nước Pháp, không có sự tập trung to lớn người lao động như ở Pháp, những con người buộ t phải bán sức lao động để sống. Học thuyết của Mác về đấu tranh giai cấp hình thành chủ yếu do kinh nghiệm Pháp. Các cuộc cách mạng

đánh đổ chế độ nô lệ và chế độ phong kiến ở Pháp đã chứng minh rằng đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của lịch sử. Các Mác dựa trên kinh nghiệm của Công xã Pa-ri để sửa lại một điểm trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản theo ý mới là: giai cấp công nhân phải phá hủy, phải đập tan bộ máy nhà nước phản động sẵn có và không thể chỉ giản đơn chiếm lấy bộ máy ấy.

Sau Các Mác, Ăng-ghe-n đến ở Pa-ri nghiên cứu phong trào công nhân Pháp đi tới những nhận xét tài tình: “Ở đây, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cách mạng chống giai cấp tư sản thống trị mang hình thức gay gắt chưa từng thấy ở một nước nào” và “giai cấp vô sản không phải là một vết thương như bản của xã hội như cách nhìn của một nhà triết học mà chính là giai cấp cách mạng nhất sẽ đem lại chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cho loài người”.

Sau Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin đến ở Pa-ri nhìn thấy qua phong trào công nhân Pháp đà tiến mới của cách mạng vô sản. Và từ Pa-ri, Người viết bài cho báo chí cách mạng Nga ca ngợi Công xã Pa-ri, coi Công xã Pa-ri là hành động đầu tiên của cách mạng vô sản để đập tan bộ máy nhà nước tư sản, là hình thức chính đã được tìm ra mà người ta có thể và phải dùng để thay thế bộ máy đã bị đập tan.

Sau Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin, anh Thành đến với Pa-ri với tên gọi mới: Nguyễn Ái Quốc, với chí lớn tìm ra con đường đập đổ cả một chế độ áp bức nhân dân. Nguyễn Ái Quốc – một bí danh mới, một thời kì mới và cũng là lời công khai tuyên chiến của anh với chủ nghĩa thực dân. Khác với điều kiện hoạt động của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin, anh là một người dân mất nước, sống cuộc sống của người lao động giữa Pa-ri, làm việc ngay dưới nanh vuốt của chính kẻ thù.

Vừa tới Pa-ri, anh Nguyễn Ái Quốc đến ở nhà số 6 phố Vi-la đê Gô-bơ-lanh, một phố yên tĩnh của quận 13. Đây là nhà luật sư Phan Văn Trường, cùng ở có cụ Phan Chu Trinh mà anh Nguyễn Ái Quốc có thư từ thăm hỏi luôn khi anh còn ở Luân Đôn. Ông Trường nhường cho anh ở nhờ một buồng con trên gác ba, vừa đủ kê một cái bàn, một cái giường và một cái tủ con.

Đạo ấy, nhà số 6 phố Vi-la đê Gô-bơ-lanh là một trung tâm gặp gỡ của nhiều Việt kiều ở Pa-ri. Có khi bà con đến chơi, ăn ngủ liền mấy ngày. Trong số đó có ông Khánh Ký mở hiệu ảnh dưới tỉnh thường hay về Pa-ri. Ông Khánh Ký tên thật là Nguyễn Văn Xuân,

quê ở Nam Định, sang Pháp đã lâu, buôn bán lúc thì ở Tác-bơ – miền Nam nước Pháp, lúc thì ở Gơ-răng Công-bơ. Ông đi lại nhà số 6 như người nhà và truyền lại nghề ảnh cho cụ Phan Chu Trinh. Gần 10 năm ở Pháp, đời sống eo hẹp dần, cụ Phan phải kiếm thêm một nghề để có đồng ra đồng vào. Cụ làm nghề ảnh tư ngay tại nhà số 6. Để sống, anh Nguyễn – cả người Việt lẫn người Pháp quen gọi anh Nguyễn Ái Quốc như thế - cùng với một kiều bào khác tên là Tuyết giúp việc cho cụ Phan đồng thời học nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh.

Cụ Phan là một nhà yêu nước chân thành, nổi tiếng ở Việt Nam và nước ngoài. Cụ hơn anh Nguyễn 19 tuổi. Còn ông Trường vốn là thông ngôn, học đến tiến sĩ luật học, làm nghề luật sư ở Pa-ri. Ông giỏi tiếng Pháp, vào quốc tịch Pháp, có nghiên cứu chủ nghĩa Mác, quen biết nhiều nhà trí thức và chính trị Pháp. Điều mà anh Nguyễn băn khoăn hỏi hai người lúc đó là làm gì cho đất nước khi đồng bào khao khát cách mạng thì không được trả lời thỏa đáng, rõ ràng.

Anh Nguyễn vừa làm nghề ảnh vừa chăm chỉ học thêm ông Trường tiếng Pháp. Anh mở rộng mọi tiếp xúc với bà con kiều bào. Anh nói về Tổ quốc, về sự tàn ác của bọn thực dân xâm lược và nỗi khổ của nhân dân. Anh tâm sự và kêu gọi mọi người cần làm một cái gì cho việc giải phóng đất nước. Sống giản dị và trong sạch giữa Pa-ri, hàng ngày anh đi bộ từ đường Gô-bơ-lanh lên phố Mông-giơ và nhiều nơi trong khu La-tinh đông người Việt Nam ở, tìm gặp bà con kiều bào để tuyên truyền tinh thần yêu nước. Anh thường xuyên đến những quán báo đường Xanh Mi-sen đọc nhờ máy tờ báo từ Đông Dương gửi sang để theo dõi tình hình nước nhà, lui tới thư viện Xanh-tơ Giơ-nơ-vi-e-vơ ở đường Păng-tê-ông để đọc sách. Anh niềm nở đón tiếp những thủy thủ Việt Nam về Pa-ri chơi và hỏi chuyện công việc làm ăn của họ. Anh dành chủ nhật vào bệnh viện Cô-sanh thăm kiều bào ta nằm chữa bệnh.

Những người Việt Nam tại Pháp lúc đó thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo và thiếu lý tưởng. Trong giới kiều bào thanh niên, phần lớn là học sinh đại học sống bằng học bổng của chính phủ Pháp hoặc bằng tiền của gia đình ở trong nước gửi sang. Ý lại vào những nguồn tài chính đó, nhiều người học thì ít, dành nhiều thời giờ vào việc chơi bi-a hoặc những thú vui khác nhằm thỏa mãn tính tò mò

của tuổi trẻ. Anh Nguyễn bằng kinh nghiệm của mình thuyết phục các bạn thanh niên cố học một nghề, tự lao động để sinh sống, coi việc không dựa vào tiền của chính phủ Pháp, không xin tiền của gia đình là một vấn đề danh dự của người thanh niên. Cùng nhau lập quỹ tương trợ ra báo, tạp chí để thông báo tin tức, kinh nghiệm cho nhau, kết đoàn, dùm bọc nhau để trở thành một sức mạnh. Và nhất là định cho mình một mục đích sống và làm việc: giúp ích Tổ quốc, đồng bào. Sự lười biếng cũng tệ hại như sự bàng quan đối với vận mệnh của đất nước.

Anh Nguyễn tích cực hoạt động để thu hút kiều bào vào Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp. Anh trở thành linh hồn của hội với tất cả nhiệt tình sôi nổi, đức tính kiên trì và nhãn quan sáng suốt của anh. Người thanh niên ấy cống hiến tất cả cho tập thể và cho hoài bão lớn của mình. Và so với mọi thanh niên lúc bấy giờ, anh có một sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị và tính sáng tạo thiên tài. Anh từng sống với nỗi khổ của nhân dân lao động cho nên anh hiểu hơn ai hết nguyện vọng của họ.

Phải nói rằng trong nhà anh ở, mỗi người một tính nết và một tác phong, một lối sống và một quan điểm. Cụ Phan ít chịu học tập và nghiên cứu. Cụ hay đi chơi đánh bi-anh ở nhà Lu-đô, số nhà 14 phố Xoóc-bon. Cụ luôn luôn cho rằng nguyên nhân mọi sự đau khổ của nhân dân ta là bọn quan lại phong kiến sâu dân một nước, chứ không phải bọn thực dân xâm lược Pháp. Dân ta có thể dựa vào Pháp để cầu tiến bộ, dân chủ và cụ tin ở chính phủ Pháp sẽ mang lại một số cải cách cho nhân dân Việt Nam. Cụ phản đối bạo lực cách mạng, sợ những cuộc đảo lộn lớn. Cụ thường nói: “Bất bạo động, bạo động đắc tử, bất vọng ngoại, vọng ngoại giả ngu” (Đừng bạo động, bạo động là chết, đừng trông ngoài, trông ngoài là ngu).

Còn ông Trường thì không muốn hoạt động với quần chúng, tự phụ, nông nổi, nhút nhát, hay sợ liên lụy đến bản thân. Anh Nguyễn không tán thành quan điểm của cụ Phan và ông Trường. Còn cụ Phan và ông Trường thì cho rằng hoạt động của anh Nguyễn và Hội những người Việt Nam yêu nước là quá khích và trẻ con. Nhiều cuộc tranh luận chính trị giữa ba người đã diễn ra. Hai viên mật thám Đơ-ve-dơ và Đê-dia-rê chuyên theo dõi nhà số 6 báo cáo lên cấp trên: “gần đây, cứ tối đến thường có những cuộc tranh luận to

tiếng trong nhà số 6, phố Vi-la đê Gô-bơ-lanh. Có dấu hiệu cho thấy tư tưởng của Phan Chu Trinh khác xa tư tưởng Nguyễn Ái Quốc”. Một báo cáo của Bộ thuộc địa Pháp lúc đó nhận xét: “Nguyễn Ái Quốc nổi lên là một người lãnh đạo có uy tín đối với người Việt tại Pháp trong khi vai trò của Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường lu mờ dần”.

Các nhà cách mạng dân tộc tư sản lớp trước anh Nguyễn mang theo những màu sắc của chủ nghĩa cải lương vào chủ nghĩa yêu nước. Còn anh Nguyễn đã đem đến cho kiều bào ta lòng hăng hái của tuổi trẻ và chủ nghĩa yêu nước chân chính.

Anh Nguyễn khám phá dần cái thế giới mới đối với anh là Pa-ri. Nhiều khu trong thành phố chưa có điện, những tàu thủy chở củi rúc tàu chạy nối đuôi nhau trên sông Xen nước trong vào lúc xuân sang ; những bà nội trợ đứng chờ lấy nước ở những vòi nước ngoài đường, những quán cà phê nhan nhản lúc nào cũng đông khách ; những cỗ xe ngựa chạy lóc cóc trên đường phố lớn ; những quầy bán sách cũ trên bờ sông Xen ; tiền rao của hàng nghìn thứ quà rong và cửa thợ chữa rong. Và như người ta nói: “Tất cả mọi tiếng động của Pa-ri là một bài thơ”. Mỗi quận, mỗi khu phố của nó có lịch sự riêng, có màu sắc độc đáo, có đặc điểm xã hội và chính trị không gì lẫn được.

Pa-ri bắt đầu có những cơ sở công nghiệp lớn, nhiều nhất là thuộc ngành cơ khí, chế tạo xe hơi, hóa chất. Bộ mặt xã hội và chính trị còn thay đổi nhanh hơn bộ mặt kinh tế của nó. Trong lòng nó, một đội ngũ công nhân ngày càng phát triển đông, hăng hái và mạnh mẽ với những buổi mít tinh, luận chiến, những cuộc bãi công và biểu tình, với cả một truyền thống đấu tranh của nhiều thế kỷ.

Là người yêu nước, anh Nguyễn ham mê tìm hiểu lịch sử cách mạng của nhân dân Pháp và Pa-ri. Anh như được thấy những hình ảnh và nghe rõ hơi thở của nó trong các bảo tàng và khu di tích. Kể từ năm 1880, đã trở thành tục lệ, cứ vào hạ tuần tháng 5, nhân dân Pa-ri đến nghĩa trang Pe La-se-dơ mít tinh tưởng nhớ các chiến sĩ công xã. Anh Nguyễn cũng đến đây viếng những người anh hùng của chính quyền vô sản đầu tiên trên đất Pháp. Anh sống với những cuộc vùng lên của công nhân chống giai cấp tư sản trong Viện bảo

tàng cách mạng 1848 ở phố Coóc-đơ-li-e. Anh gặp lại những nhân vật và sự kiện lịch sử dựng bằng sáp tại Viện bảo tàng Grê-vin.

Là công nhân, anh quan sát với mỗi cảm tình lớn lao những công nhân Pháp nghèo khổ và đói rét mà anh thường gặp ở ngoại ô, đi bộ rất xa từ nhà máy về nhà, vai đeo túi vải, mệt mỏi và buồn nản. Anh Nguyễn từng sống với giai cấp công nhân nhiều nước khác nhau không thể không đến với giai cấp công nhân Pháp. Và anh đã đến một cách giản dị, tự nhiên và chân thành. Nhiều người Pháp quen anh lúc đó đến ngày nay vẫn còn nhớ mãi đôi lòng bàn chai của anh lúc mới đến Pa-ri.

Anh thông thường nhanh chóng với giai cấp vô sản trên đất Pháp và anh thấy ngay những chỗ giống nhau giữa giai cấp ấy và nhân dân anh: cả hai cùng một nỗi khổ, cùng một kẻ thù và cùng một lợi ích. Điều phát hiện ấy là bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển tư tưởng cách mạng của anh và trong lịch sử cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20, khác xa và tiến bộ rất xa so với những nhận thức của các nhà yêu nước đi trước anh. Cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa gắn bó với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chính quốc. Tư tưởng ấy đưa anh Nguyễn đi với bộ phận cách mạng của giai cấp công nhân.

Đảng xã hội Pháp, tổ chức duy nhất lúc đó ở Pháp bênh vực quyền lợi của nhân dân thuộc địa, có sức thu hút anh. Anh Nguyễn tìm đến các cuộc mít tinh, hội họp, diễn thuyết do Đảng xã hội tổ chức. Anh nghe một cách hứng thú những diễn giả người Pháp lên án thực dân Pháp ở các thuộc địa và cả những lời công kích các ông chủ tư bản. Đảng xã hội Pháp đạo ấy có một bộ phận chuyên tuyên truyền tổ chức những người thuộc địa sống ở Pháp. Những lần đi nghe nói chuyện, anh Nguyễn có dịp làm quen với những cán bộ Đảng xã hội, trong số đó có Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê. Pôn hỏi thăm anh Nguyễn, đời sống và đất nước của anh, làm cho anh có nhiều cảm tình ngay từ đầu.

Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê kém anh Nguyễn hai tuổi. Pôn là một nhà văn, nhà báo hiểu biết rộng, đồng thời là một họa sĩ và nhạc sĩ, trong chiến tranh đã từng chỉ huy một đơn vị xe thiết giáp. Pôn thuộc cánh tả Đảng xã hội, là một nghị sĩ trẻ trong quốc hội Pháp, có đức tính hồn hậu, khiêm tốn và một lối nói hấp dẫn. Pôn giới thiệu anh

Nguyễn làm quen với Mác-sen Ca-sanh, một nhà cách mạng nổi tiếng, và nhà văn hào Hăng-ri Béc-buyt. Anh Nguyễn còn quen với nhiều nhà hoạt động công đoàn cách mạng như Ga-xtông Mông-mút-xơ, chủ bút báo. Đời sống công nhân, Mô-nát và Buốt-đơ-rông, với nhiều nhà báo như Giăng Lông-ghê, cháu ngoại Các-mác, chủ nhiệm báo Dân chúng. Tất cả những người bạn mới ấy đều quan tâm hỏi thăm anh tình hình đời sống khổ cực của nhân dân Việt Nam, đồng tình với nguyện vọng chính đáng của đồng bào anh và đã giúp cho anh rất nhiều lời khuyên, kinh nghiệm..., bài học và tin tức bổ ích.

Những mối quan hệ xã hội mới ấy đưa dần anh Nguyễn vào một môi trường hoạt động chính trị sôi động. Nhưng, đối với anh, niềm phấn khởi duy nhất trong những sự quen biết ấy là anh đã thấy trên đất Pháp rất nhiều người Pháp và một chính đảng Pháp ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào anh để giành độc lập, tự do.

Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê cùng Ma-ri-anh Lê-ô-ni, một cán bộ của Đảng xã hội, thường rủ anh Nguyễn đi dự những buổi nói chuyện về chính trị. Một đêm tan buổi họp chính trị ở hội trường Muy-chuy-a-li-tê, cả ba người đi trên hè phố Pa-ri khuya vắng, chỉ còn tiếng vó ngựa thong thả kéo xe chở hàng đến chợ Han-lơ, Ma-ri-anh bảo Pôn: “Nguyễn đúng là Phéc-đi-năng...” không ai trả lời. Ma-ri-anh nói thẳng điều thắc mắc của chị với anh Nguyễn: Chị đọc một cuốn chuyện trinh thám tả một người châu Á bị cảnh sát lùng bắt ráo riết. Anh ta liền cải trang thành một người châu Âu lấy tên là Phéc-đi-năng, giống đến nỗi hoạt động ngay trước mặt cảnh sát mà cảnh sát không biết. Và chị Ma-ri-anh bị cuốn tiểu thuyết ám ảnh, không biết anh Nguyễn có phải là Phéc-đi-năng thật không. Pôn liền bảo: “Cô muốn yên tâm thì cứ gọi Nguyễn là Phéc-đi-năng để đừng thắc mắc nữa”. Từ đó, Ma-ri-anh gọi anh Nguyễn là Phéc-đi-năng.

Cả Ma-ri-anh và Pôn đều mừng rỡ khi biết tin anh Nguyễn được kết nạp vào Đảng xã hội Pháp. Đây là người Việt Nam đầu tiên vào một chính đảng Pháp. Khóa đảng viên Đảng xã hội năm 1918 anh Nguyễn vừa gia nhập đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng thành 11.970 người so với 100.000 người trước năm 1914. Cả một lớp đảng viên đông đảo chết trong số gần hai triệu người Pháp chết vì chiến tranh. Khóa đảng viên vào cuối năm 1918 ấy, lịch sử Đảng xã

hội Pháp gọi là “Thế hệ lửa đạn”. Một thế hệ trẻ, trong đó có anh Nguyễn, lớn lên trong chiến tranh thế giới, với những suy nghĩ mới và sự hăng say mới, sẽ tác động sâu sắc đến chiều hướng chuyển biến về sau trong nội bộ Đảng xã hội Pháp.

IV. PHÁO HIỆU

Mùa đông đầu tiên sau chiến tranh ở Pa-ri hết sức khắc nghiệt. Nhân dân thiếu than để sưởi và nạn đói cơ bản hoành hành làm cho đời sống người lao động thêm khổ cực. Than ở vùng mỏ Pa đờ-ca-le - miền Bắc nước Pháp không đưa về được do thiếu phương tiện vận chuyển và đường xá bị bom đạn chưa sửa xong. Người ta phải lấy hàng vạn tấn than của vùng Pháp chiếm đóng bên Đức chở bằng đường thủy về Pa-ri. Ban đêm vẫn thi hành lệnh giới nghiêm và sáng ra, người xếp hàng đông trước các cửa hàng bánh mì và thực phẩm. Bọn chủ ra sức bóc lột công nhân. Hàng vạn người thất nghiệp, người ăn xin lang thang trên các vỉa hè. Một làn sóng bãi công lang khắp nước Pháp. Công nhân ở hầu khắp các ngành công nghiệp ngừng việc đòi tăng lương và ngày làm không quá 8 giờ. lần đầu tiên trong đời, anh Nguyễn hòa mình vào cuộc đấu tranh rộng lớn ấy của Đảng xã hội và các công đoàn Pháp, thấy được phần nào tính gay gắt của cuộc xung đột giai cấp.

Nhưng đối với anh Nguyễn, số phận của đồng bào và Tổ quốc anh sau chiến tranh vẫn là mối quan tâm hàng đầu của anh. Bọn thực dân quên ngay hàng vạn người Việt Nam đã bỏ mình trên đất Pháp, đất Đức và ở vùng Ban-căng. Anh Nguyễn còn thấy ở phía bắc Pa-ri còn hàng vạn người Việt Nam khác đào đắp đất từ tháng này sang tháng khác, ăn ở tồi tệ, sống như tù khổ sai, duy chỉ không có cùm ở chân vì họ không biết chạy đi đâu.

Khi đại bác của đế quốc đã ngáy thịch người da đen, da vàng thì những lời hứa hẹn bay bướm của thực dân tan biến ngay và người Việt Nam trở thành “giống người hèn hạ”. Anh Nguyễn căm giận khi đọc thấy trên báo chí của bọn thực dân những đoạn viết như sau: “Đối với cái giống An Nam, chỉ có một cách cai trị tốt nhất là thống trị bằng vũ lực... Dạy học cho người An-nam hoặc cho phép họ tự học là một mặt cấp cho họ những súng bắn nhanh để chống lại chúng ta, mặt khác đào tạo nên những con chó có kiến thức chỉ tổ làm rầy rà hơn là có ích đối với chúng ta”. Ở Việt Nam, người Pháp là chúa tể được tự do bóc lột, đánh đập, bắt giết người bản xứ. Còn người Việt

Nam nếu lên tiếng kêu ca, phàn nàn thì lập tức bị bỏ tù. Người Pháp nắm độc quyền buôn bán, ngoại thương chiếm ruộng đất, đi lại tự do, còn người Việt Nam là đối tượng của một chính sách ngu dân, bần cùng hóa, không có quyền tự do đi lại trên đất nước của mình. Sau chiến tranh số người bị đưa đi giam ở Côn Đảo, Sơn La, đưa đi đày ở Guy-an và Tân Thế Giới lại tăng lên.

Anh Nguyễn muốn tố cáo với mọi người ở khắp mọi nơi tội ác của chủ nghĩa thực dân và những bất công tà trời ở Việt Nam. Giăng Lông-ghe thông cảm với anh, khuyến khích anh viết tin, viết bài đăng báo Dân chúng. Là một trạng sư, Giăng Lông-ghe lấy vợ là Gien-ni Mác, con gái Các Mác, chuyên nghiên cứu phong trào công nhân thế giới và cũng như người cha, Sác-lơ Lông-ghe, một chiến sĩ Công xã Pa-ri, Giăng rất nhiệt tình với những người bị áp bức. Giăng Lông-ghe gọi anh Nguyễn là “đồng chí thân ái”, giúp anh Nguyễn hiểu biết một số vấn đề chính trị, đồng thời cũng được anh Nguyễn giúp hiểu được tình cảnh của nhân dân thuộc địa.

Nhờ Lông-ghe, anh Nguyễn biết được một vũ khí mới để chống thực dân và làm cho thế giới biết đến đồng bào của anh. Vũ khí ấy là ngòi bút. Nhưng anh viết bằng tiếng Pháp chưa thạo. Anh tự bảo mình phải học viết cho kỳ được. Chính Ga-xtông Mông-mút-xô, chủ bút báo đời sống công nhân đã tận tình dạy anh viết báo.

Ga-xtông bảo anh Nguyễn:

– Có tài liệu gì, anh cứ viết rồi tôi đăng cho.

Anh Nguyễn đáp:

– Tài liệu thì có, chỉ tội tôi không viết được.

Ga-xtông động viên:

– Anh cứ viết ba dòng, năm dòng cũng được. Có thể nào thì viết thế ấy. Nếu viết có sai meo mực thì tôi sửa cho.

Anh Nguyễn viết ba, bốn dòng, chép ra hai mảnh giấy, một gửi cho Ga-xtông, một anh giữ lại. Anh sung sướng thấy bài được đăng báo, đem so bài báo đã đăng với bào báo giữ lại xem sai, dở chỗ nào để rút kinh nghiệm. Ít lâu sau, Ga-xtông nói:

– Anh viết được ba dòng rồi, bây giờ thử kéo dài ra.

Anh Nguyễn cố gắng kéo dài mãi cho đến lúc viết được mười dòng. Lúc này, Ga-xtông lại khuyến khích:

– Anh kéo dài nữa đi cho tài liệu thành một bài nhỏ.

Thế là anh Nguyễn cố viết được một cột báo, rồi một cột rưởi. Nhưng Ga-xtông lại dặn:

– À bây giờ anh viết được rồi thì nên làm một cách khác, rút ngắn bài lại. Từ một cột rưởi, nay chỉ viết một cột thôi. Viết cho thật chặt chẽ, xem đi xem lại, những cái gì lồi thòi, dài dòng không cần thiết thì bỏ đi.

Anh Nguyễn đếm một dòng có bao nhiêu chữ, một cột có bao nhiêu dòng để rút ngắn cho đến lúc còn một cột và còn mười dòng. Ga-xtông vui vẻ nói:

– Được rồi đấy, viết dài được, viết ngắn được, bây giờ có vấn đề gì thì viết dài hay viết ngắn, tùy ý anh. Câu chữ viết cho rõ ràng, không lủng củng. Chữ nào không hiểu mà muốn dùng thì hỏi anh em, chớ có dùng ầu.

Anh Nguyễn viết về những chuyện thật xảy ra ở Việt Nam và các thuộc địa khác, những chuyện mà người đọc và ngay cả đảng viên xã hội Pháp cũng không biết. Anh Nguyễn rút ra bài học của thứ lao động trí óc này: quyết tâm thì khó mấy cũng làm được. Và đêm nào cũng vậy, dù bận gì anh cũng bỏ ra hai tiếng để học tập thêm.

Mác-sen Ca-sanh cũng nhiều lần đến gặp anh Nguyễn hỏi về sự tàn bạo của thực dân Pháp ở Việt Nam. Đạo đó, Mác-sen Ca-sanh vào tuổi 50, phụ trách ban tuyên truyền của Đảng xã hội, là một giáo sư triết học có tài hùng biện, nhiệt tình và chân thành. Câu chuyện của anh Nguyễn là những tài liệu quý giúp Ca-sanh viết báo và đấu tranh tại quốc hội Pháp. Anh Nguyễn còn nói về tội ác của thực dân Pháp tại cuộc họp của chi bộ Đảng, ở nhiều buổi sinh hoạt của Đoàn thanh niên xã hội các quận nội thành Pa-ri và lần đầu tiên trước đông đảo người nghe tại hội trường Nhà địa lý, số nhà 184, đường Xanh Giéc-manh, trên mặt tường phía trước có quả cầu đá nổi bản đồ thế giới – nơi đây năm năm về trước Lê-nin đã từng diễn thuyết về vấn đề dân tộc.

Công ăn việc làm của anh Nguyễn chưa ổn định. Các đồng chí trong Đảng lấy được cho anh một giấy phép lao động, một thủ tục cần thiết đối với người nước thuộc địa để đi xin việc làm ở Pa-ri. Anh Nguyễn tìm được việc rửa ảnh, phóng ảnh và sửa ảnh ở hiệu

ảnh Lê-ne, số nhà 7 ngõ Công-poanh, với lương tháng 120 phrăng. Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê giao cho anh thợ nhà in Déch-ki-ni, một đảng viên xã hội, tìm giúp anh Nguyễn một buồng trọ. Lúc đó nhà ở trong Pa-ri khan hiếm do nhiều ngôi nhà bị chính quyền trưng dụng trong chiến tranh, hơn nữa ít người muốn cho người An-nam thuê. Cuối cùng Déch-ki-ni kiếm được một chỗ trọ cho anh Nguyễn ; một căn buồng nhỏ hẹp trên gác ba nhà số 9 ngõ Công-poanh.

Đây là một ngõ cụt, mặt đường lát đá với rặng cây dẻ dại hai bên đường và hơn chục ngôi nhà lụp xụp. Nhà số 9 xây từ thế kỉ trước có 3 cửa ra vào. Một cửa bước thẳng vào sân sau nhà, một cửa chính của quán cà phê nhỏ ở tầng dưới cùng và một cửa ngách để đi lên gác. Bà Gia-mô, chủ nhà, cho anh Nguyễn thuê gian buồng mỗi bề khoảng 3 mét, không bếp, không nước, không điện, không lò sưởi, gió thổi vi vu qua khe cửa và hơi ẩm làm mốc từng mảng tường. Cả gian buồng chỉ có một cửa nhỏ nhìn ra tấm tường của nhà bên cạnh chắn trước mặt, phải đứng chếch sang bên cửa mới nhìn thấy một mảng trời con. Khung cửa trông xuống một sân lát gạch mấp mô có đàn gà thả rông và một chuồng gà của một nhà hàng xóm. Chủ nhà bắt anh Nguyễn trả trước tiền thuê buồng và trả thứ thuế kì lạ là thuế tường.

Buồng anh Nguyễn chỉ đủ kê một cái giường sắt, một cái bàn con và một cái tủ gỗ nhỏ. Trên bàn có một cái thau, trong thau có một bình đựng nước để rửa mặt. Khi anh Nguyễn viết hoặc đọc sách thì anh đốt thau và bình nước xuống gầm giường. Hàng ngày anh giặt quần áo ở vòi nước bên ngoài buồng, đầu cầu thang, và anh xách nước từ đây về buồng dùng. Anh tự nấu lấy cơm bằng một cái bếp cồn để ở góc buồng, sáng ăn một nửa, còn một nửa để tối ăn. Ngày nào cũng thế, anh xuống nhà tìm trong hộp gỗ đựng thư treo ở gần cửa ra vào lấy từ, báo chí do bưu điện mang đến. Đi đâu về anh cũng lấy các thứ trong hộp thư rồi mới lên buồng. Mùa đông, mỗi sáng anh để một viên gạch vào lò bếp của nhà trọ ở tầng dưới nhìn ra sân trong, chiều đến anh lấy viên gạch ra, bọc nó vào tờ báo để lót ở chỗ giường nằm cho đỡ rét.

Gian buồng chật hẹp, tồi tàn và ẩm thấp ấy trong nhà số 9 ngõ Công-poanh đối với anh Nguyễn từ khi anh rời nhà số 6 phố Vi-la đê Gô-bơ-lanh, là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc sống của anh

giữa Pa-ri. Nó đánh dấu về sự độc lập về kinh tế và chính trị của anh với cụ Phan Chu Trinh và ông Phan Văn Trường, lấy nhà đó làm địa chỉ liên lạc với một số nơi.

Nhà số 9 ngõ Công-poanh trở thành một trung tâm mới thu hút mọi tầng lớp Việt kiều. Anh Nguyễn tiếp nhiều kiều bào là lính chiến đến kể với anh nỗi khổ của họ trong các trại lính sau nhiều năm làm bia đỡ đạn cho bọn thực dân. Họ không có quyền gì, ngoài quyền bị bóc lột và đánh đập như con vật. Họ yêu cầu anh Nguyễn viết sách, ra báo cho họ đọc. Anh chỉ cho họ thấy âm mưu của thực dân giữ họ lại trên đất Pháp, tuy chiến tranh đã kết thúc, là nhằm sử dụng nhân công rẻ mạt để dọn dẹp, khôi phục những nhà máy của bọn đại tư bản và để phá hoại phong trào bãi công của công nhân dân Pháp. Anh vận động họ đấu đòi bọn thực dân đưa họ trở về Việt Nam. Cả những sinh viên Việt Nam ở cư xá sinh viên phố Xom-mơ-ra cũng tìm đến anh. Và người ta thấy những Việt kiều thường xuyên đi lại nhà số 9 là Trần Văn Kha, Trần Xuân Hộ, Nguyễn Văn Thịnh, Bạch Thái Thông, Lã Quý Lợi, Nguyễn Văn Khương, Trần Quân Lâm, Bùi Công Ngôn,... Sự tiếp xúc rộng rãi ấy càng giúp anh hiểu rõ nỗi bất bình của nhân dân ta đối với bọn thống trị Pháp và lòng khao khát độc lập của mọi người. Anh lắng nghe nhiều ý kiến và anh cũng tìm thấy nhiều người hăng hái ủng hộ anh.

Ngõ Công-poanh thuộc quận 17, một khu phố ở rìa Pa-ri, khu phố của những người lao động. Từ đây, anh Nguyễn quan sát cuộc sống của nhân dân và sinh hoạt của xã hội, khám phá bộ mặt thật và tâm trạng thật của Pa-ri mà cũng là của nước Pháp. Anh đã nhìn thấy cảnh tượng trái ngược nhau giữa quận anh ở và quận 8 ngay bên cạnh. Quận 8 với Khải hoàn môn là khu phố của những khách sạn lộng lẫy, những tòa nhà sang trọng của giai cấp bóc lột, những vườn hoa sặc sỡ. Đây là nơi trưng khoe sự xa hoa, sự giàu có và sự lười biếng. Đây là thiên đường của bọn ăn bám đủ loại và đủ thứ quốc tịch. Một con chó nhà giàu ở đây sống sang và tốn hơn rất nhiều một người công nhân.

Còn cái quận anh Nguyễn ở là một thế giới khác tách riêng ra. Nhà cửa thấp bé, phố xá chật chội, bẩn thỉu, cửa long trông như những mặt người hốc hác. Anh Nguyễn nghĩ đến cảnh ép mía ở quê anh. Nước mía chảy về một phía tre ép, còn bã mía thì dòn lại ở một

phía khác. Ở đây một bên là sự giàu sang và nhàn rỗi, còn bên khác là sự cực nhọc và thiếu thốn. Cái quận của công nhân và người nghèo mà anh Nguyễn sống và nhìn thấy hàng ngày chính là khu phố của những người sản xuất nhưng đang chết đói dần.

Giữa quận là một đoạn phố, ở đó có một trường tiểu học, một nhà máy và một nhà phát cháo bình dân. Anh Nguyễn phần nộ nhìn cái cảnh tượng tàn bạo ấy do chủ nghĩa tư bản tạo ra. Thời niên thiếu, đưa trẻ học ở trường về sự tôn trọng đặc quyền tối cao của bọn chủ. Lớn lên, làm công nhân để làm giàu cho chúng. Về già, người công nhân ấy sau bao nhiêu năm lao động vất vả bị vứt ra vỉa hè sống bằng bát cháo bố thí của bọn chủ.

Sáng nào đi làm anh Nguyễn cũng lướt qua nơi phát cháo cứu tế ấy. Trời mưa cũng như trời nắng, lúc nào anh cũng thấy ở đây khoảng ba chục người già, ăn mặc rách rưới, đi giày há mõm. Để giết thời giờ trong khi chờ mở cửa quầy phát cháo, họ đọc mấy mảnh báo Ma-tanh hoặc Pơ-ti Pa-ri-diêng nhặt từ một đồng rác. Hôm nào trời lạnh, họ thổi phù phù trong lòng bàn tay hoặc đi đi lại lại cho ấm người. Một bác già nói với anh Nguyễn: “Lò sưởi của chúng tôi đấy”.

Họ đói khổ nhưng tất cả đều hòa nhã và do gặp nhau luôn, họ bắt đầu quen anh Nguyễn. Một bác làm cho anh Nguyễn chú ý. Bác ta sạch sẽ, chỉnh tề. Một hôm anh Nguyễn đến bắt tay và nói:

- Nếu bác đồng ý, tôi xin mời bác đi ăn với tôi vào chủ nhật tới.
- Ông tốt quá, nếu tôi từ chối thì không tiện. Xin nhận lời mời của ông.

Ngày chủ nhật, hai người vào một quán ăn bình dân. Bác công nhân nói với anh Nguyễn:

- Tôi không dám bắt chuyện trước với ông vì ông là một người nước ngoài và hơn nữa tôi nghĩ mình là một lão già khổ sở, một đứa ăn mày cho nên không dám gọi ông. Nhưng mỗi lần ông đi qua trước mặt, tôi lại thấy đau lòng và muốn khóc. Thấy ông tôi lại nhớ đến đứa con trai út của tôi chết trong chiến tranh. Nó có lẽ bằng tuổi ông. Hồi trẻ tôi đã đi nhiều nước, tôi đã từng đến nước của ông, tới cả Sài Gòn, Hải Phòng. Sau tôi lấy vợ, nhà tôi mở một cửa hiệu nhỏ, còn tôi thì vào làm nhà máy. Chúng tôi có ba con, hai trai, một gái.

Chiến tranh đã giết tất cả vợ con của tôi. Còn tôi, sau nhiều năm đi làm trong nhà máy bây giờ phải sống bằng cháo bố thí.

Mắt bác công nhân rớm lệ. Anh Nguyễn nghĩ đến hàng triệu người vô sản đang đấu tranh, nghĩ đến những khuôn mặt công nhân hăng hái và cương nghị mà anh từng gặp ở các buổi mít tinh và sinh hoạt chính trị.

Tình hình sôi động của Pa-ri sau chiến tranh thế giới thứ nhất lôi cuốn anh Nguyễn vào nhiều cuộc diễn thuyết và hội họp. Nhưng anh là một người muốn hành động. Vì Tổ quốc và vì nhân dân. Một dịp tốt đã đến. Tháng giêng năm 1919, đại biểu các nước thắng trận và thua trận kéo đến họp Hội nghị hòa bình tại lâu đài Véc-xây cách Pa-ri khoảng 23 ki-lô-mét về phía tây nam. Nhiều đoàn đại biểu thay mặt các dân tộc bị áp bức và phụ thuộc như A-rơ-len, Ấn Độ, Triều Tiên, Ả-rập cũng đến Véc-xây vì nghe có tuyên bố của tổng thống Mỹ Uyn-xơn hứa trao trả độc lập. Lúc đó, đoàn đại biểu Triều Tiên đòi tự trị cho nước mình lập bàn giấy ở số nhà 38 phố Sa-tô-đoong, Pa-ri, và mở ở đây một phòng thông tin bày nhiều sách báo. Anh Nguyễn làm quen được với người phụ trách đoàn. Người này tặng anh nhiều sách báo nói về cuộc đấu tranh của nhân dân Triều Tiên và cung cấp cho anh nhiều tin về hội nghị Véc-xây. Anh Nguyễn còn liên lạc và làm quen với đoàn đại diện Ai-rơ-len do nhà yêu nước Ô Xi-lai dẫn đầu. Anh có người quen là bác sĩ Si Ton-phan trong đoàn đại biểu Trung Quốc, ở nhà số 13 phố Hô-xman. Gặp biết bao nhiêu người cùng cảnh ngộ và hiểu biết thêm biết bao nhiêu dân tộc cùng nỗi khổ đau như dân tộc anh.

Anh Nguyễn nảy ra sáng kiến: thay mặt những người Việt Nam yêu nước, anh gửi đến hội nghị Véc-xây bản yêu cầu đòi tự do, dân chủ và quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam.

Mặc bộ quần áo đi mượn của một người bạn, anh cầm bản yêu cầu ấy đi trong những hành lang thếp vàng của lâu đài Véc-xây đến trao cho văn phòng của hội nghị. Sáng sớm hôm sau, anh đến bấm chuông nhà số 6 phố Đô-bi-nhi. Đây là nhà của Giuyn Căm-bông, đại sứ Pháp đi dự hội nghị Véc-xây cùng với thủ tướng Pháp Clê-măng-xô. Bước vào văn phòng kiểu âm-pia của nhà ngoại giao Pháp từng làm đại sứ nhiều năm ở Đức, anh Nguyễn trao một bản yêu cầu của nhân dân Việt Nam và đề nghị đưa ra trước hội nghị.

Anh Nguyễn còn gửi bản yêu cầu nói trên đến nhiều nghị sĩ quốc hội Pháp và tất cả các đoàn đại biểu đồng minh dự hội nghị, trong đó có đoàn đại biểu chính phủ Hoa Kỳ, kèm theo bức thư sau đây:

“Thưa ngài,

Nhân dịp chiến thắng của đồng minh, chúng tôi xin mạn phép gửi đến ngài kèm theo đây bản ghi những yêu sách của nhân dân An Nam. ôi mong ngài ủng hộ bản yêu sách này

Tin tưởng ở độ lượng cao cả của ngài, chúng tôi mong ngài ủng hộ bản yêu sách này trước những người có thẩm quyền.

Xin ngài vui lòng nhận lấy sự biểu thị lòng kính trọng sâu sắc của chúng tôi.

Thay mặt nhóm những người Việt Nam yêu nước.

Nguyễn Ái Quốc.”

Hầu hết các đoàn đại biểu và các nghị sĩ Pháp đều trả lời anh. Thư của đoàn đại biểu Mỹ như sau:

“Đoàn Mỹ tại Hội nghị hòa bình.

Pari, ngày 19-6-1919

Thưa ông Nguyễn Ái Quốc,

Đại tá Hao-xơ giao cho tôi báo để ông biết là đã nhận được bức thư của ông đề ngày 18-6-1919 và cảm ơn ông đã gửi cho chúng tôi bản yêu sách của nhân dân An Nam nhân dịp chiến thắng của đồng minh.

Xin ông nhận những tình cảm quý trọng của tôi.

Đại biện xứ quán Mỹ”

Và hôm sau, đoàn Mỹ lại gửi thêm cho anh một bức thư khác:

“Đoàn Mỹ tại hội nghị hòa bình.

Pari, ngày 19-6-1919

Kính thưa ông Nguyễn Ái Quốc,

Tôi lấy làm hân hạnh báo để ông biết chúng tôi đã nhận được thư ông đề ngày 18-6-1919 và xin nói rằng chúng tôi sẽ trình thư đó lên tổng thống.

Ký: Thư ký riêng của tổng thống Mỹ”

Thư của đoàn đại biểu nước Cộng hòa Ni-ca-ra-goa viết:

“Khách sạn Ruýt-xi, số 1, phố Đờ-ru-ô.

Ngày 19-6-1919

Thưa ông Nguyễn Ái Quốc,

Chúng tôi hân hạnh báo để ông biết chúng tôi hân hạnh nhận được thư ông đề ngày 16-6 vừa qua cùng với Bản yêu sách của nhân dân An Nam mà ông gửi cho ông Xan-va-đo Sa-mô-rô, đại biểu Ni-ca-ra-goa tại Hội nghị hòa bình.

Ông Sa-mô-rô giao cho tôi chuyển lời cảm ơn ông về bản tài liệu nói trên đã làm cho ông ta hết sức chú ý.

Xin ông nhận ở đây những tình cảm quý trọng của tôi.

Ký: Thư ký đoàn đại biểu Ni-ca-ra-goa”

Lần đầu tiên nhờ sáng kiến anh Nguyễn, vấn đề quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam được đặt ra với một hội nghị quốc tế với nhiều vị lãnh đạo nhà nước trên thế giới. Anh Nguyễn những yêu sách nói trên là tối thiểu, nếu không được những cái đó thì con người hoàn toàn là nô lệ. Những yêu sách đó khiêm tốn cả về hình thức lẫn nội dung, thế mà bọn đế quốc không để ý tới. Hội nghị Véc-xây chỉ là nơi chia lại thị trường của chúng. Chúng không quan tâm đến nguyện vọng của các dân tộc bị áp bức mà còn trút thêm gánh nặng lên đầu họ. Những tuyên ngôn của Mỹ và những đế quốc khác về tự do, dân chủ, tự trị và độc lập hoàn toàn là bịp bợm. Anh Nguyễn rút ra một kết luận quan trọng: muốn được độc lập và tự do thật sự, các dân tộc bị áp bức phải dựa vào sức mình là chính. Người Việt Nam phải tự giải phóng lấy mình.

Đối với anh Nguyễn, không bao giờ anh nghĩ rằng chỉ cần nộp một bản yêu sách như thế là bọn đế quốc trao trả ngay độc lập. Anh coi đây là dịp tốt để vạch mặt chủ nghĩa thực dân và gây dư luận trên thế giới, làm cho mọi người biết có một dân tộc Việt Nam đang đòi quyền sống. Đây cũng là dịp thức tỉnh nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh.

Ngay sau khi Hội nghị Véc-xây kết thúc, nhậy bén, linh hoạt, tháo vát và sôi nổi tinh thần tiến công, anh Nguyễn đến ngay nhà in Sác-păng-chi-ê, số 70 phố Gô-bơ-lanh, bỏ tiền dành dụm riêng của anh ra thuê in bản yêu sách thành 6000 tờ truyền đơn. Anh cùng kiêu

bào trong hội những người Việt Nam yêu nước mang những truyền đơn đó đến các tòa soạn báo Pa-ri nhờ đăng, đến trao tay nhiều nhà hoạt động chính trị có tên tuổi, đi phân phát ở các cuộc hội họp mít-tinh của Tổng công đoàn Pháp, đảng xã hội Pháp và của Việt kiều. Anh Nguyễn gửi nhiều truyền đơn đó qua bưu điện về Việt Nam và nhờ những thủy thủ Việt Nam, Pháp cùng anh em lính chiến hồi hương chuyển về trong nước.

Anh tổ chức giữa Pa-ri nhiều cuộc họp để giới thiệu bản yêu sách và tuyên truyền việc đấu tranh giành độc lập cho nhân dân Việt Nam. Anh tự đi mời giáo sư Ô-la của trường đại học Xoóc-bon đến chủ tọa một buổi nói chuyện ủng hộ nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam. Nhà diễn thuyết nổi tiếng An-be Sa-lay của Hội nhân quyền Pháp cũng theo đề nghị của anh cổ động cho việc tổ tình đoàn kết với nhân dân Việt Nam. Các báo Nhân Đạo và Dân Chúng đăng bản yêu sách 8 điểm của Nguyễn Ái Quốc. Người Pháp coi hành động của anh Nguyễn là một vụ nổ “quả bom chính trị” giữa Pa-ri làm cho dư luận Pháp hết sức chú ý và lần đầu tiên nhân dân Pháp thấy ra có một vấn đề về Việt Nam. Còn nhân dân Việt Nam thì cho đây là phát pháo hiệu giục giã đấu tranh. Hàng ngũ bọn thực dân bị chấn động.

Thống đốc Nam Kỳ gửi mật điện về Pháp:

“Sài Gòn ngày 25-7-1919

Kính gửi ông An-be Xa-rô, Bộ thuộc địa Pháp. Điện mật số 1791 – Có truyền đơn kích động gửi từ Pa-ri ngày 18-6 cho nhiều tờ báo thuộc địa. Truyền đơn mang đầu đề “Yêu sách của nhân dân An Nam” và ký “Thay mặt nhóm những người Việt Nam yêu nước: Nguyễn Ái Quốc”.

Tôi rất cảm ơn nếu ông điện gấp cho tôi biết ngay lý lịch của người viết truyền đơn nói trên. Người này trong thư gửi về đây còn cho biết đã gửi truyền đơn cho nhiều nhân vật ở chính quốc và theo tinh báo Nam kỳ thì người đó Bộ thuộc địa đã biết.

Ký: Mông-ghi-ô”

Và điện của toàn quyền Đông Dương:

“Gửi cho ông Ghét-xơ, Bộ thuộc địa

Điện mật số 872, - Tôi báo để ông rõ một người Bắc Kỳ hồi hương bị bắt trong người có mang theo truyền đơn “Quyền các dân tộc” của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo Nhân Đạo. Người đó khai rằng tờ truyền đơn này được phân phát ở cảng Mác-xây cho từng người trong số 50 người bản xứ hồi hương lúc tàu sắp khởi hành...

Mô-rít-xơ Long”.

Mấy tờ báo thực dân ở Việt Nam không thể không nói đến sự kiện này. Tờ “Tương lai Bắc Kỳ” lúc đó viết:

“Lại Nguyễn Ái Quốc nữa !

Gần đây chúng tôi mới trích đăng một bản yêu sách viết ở Pa-ri, dưới ký tên Nguyễn Ái Quốc. Nay chuyến tàu gần đây nhất đem chính các bản yêu sách đó đến cho chúng tôi đầu đề là “Quyền các dân tộc”. Bản yêu sách này cũng tới tay nhiều thầy ký, thầy thông của nhiều công sở khác nhau...”

Bọn bồi bút thực dân lòng lộn trên tờ “Tin thuộc địa” ra ngày 26-7 có một bài nhan đề: “Giờ nghiêm trọng” nêu lên: “Làm sau một người dân thuộc địa lại có thể dùng bản yêu sách của nhân dân để công kích chính sách của chính phủ Pháp. Thật là quá quắt. Cứ theo đà này thì bọn dân thuộc địa sẽ lên ngang hàng với người Pháp chúng ta và sớm trở thành ông chủ của chúng ta. Không được, phải kìm giữ họ lại mãi mãi trong vòng nô lệ.

Từ Pa-ri, anh Nguyễn viết một tờ truyền đơn mới nhan đề “Tâm địa thực dân” để trả lời bài báo sặc mùi thực dân kia. Bọn bồi bút thực dân càng công kích anh Nguyễn thì càng có nhiều người Việt Nam biết đến tiếng nói của anh.

Cụ Phan Chu Trinh và ông Khánh Ký đang buôn đồ phim ảnh ở vùng Pháp chiếm đóng bên Đức về Pa-ri đến gặp anh Nguyễn, trách anh đi theo một chủ nghĩa quá khích, gọi những hoạt động của anh ở Pa-ri là không khéo léo, khuyên anh mềm dẻo hơn để hi vọng chính phủ Pháp đem lại một số cải cách cho dân ta. Anh Nguyễn nói rõ với hai người về bản chất dã man và xảo trá của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Các sở mật thám Pháp và Đông Dương bắt đầu lập hồ sơ về Nguyễn Ái Quốc, những tập hồ sơ mỗi tháng một dày lên. Mặc dù đã hát chiến tranh, Bộ thuộc địa Pháp ra chỉ thị duy trì chế độ kiểm

duyệt tất cả những thư từ gửi qua bưu điện ở Việt Nam và gửi cho người Việt Nam ở Pháp do những hoạt động và ảnh hưởng tăng lên của Nguyễn Ái Quốc. Những bức thư đã kiểm duyệt mang dấu chữ số 15 ở góc hoặc đóng một con dấu hình quả trám. Hai viên mật thám chuyên đi theo anh Nguyễn ở Pháp được cấp thêm 25000 phrăng một năm để tăng cường việc thu thập tin tức hoạt động của anh Nguyễn. Những bức ảnh đầu tiên chúng chụp lên ở Pa-ri là vào cuối năm 1919 và chúng được chỉ thị cứ sáu tháng chụp lại một lần. Bản báo cáo của Bộ nội vụ Pháp lúc đó ghi: “Qua cuộc điều tra về sự tuyên truyền trong các giới Việt Nam ở Pa-ri ủng hộ bản yêu sách nhân dân Việt Nam, có thể rút ra kết luận rằng hiện nay linh hồn của phong trào đó là Nguyễn Ái Quốc, tổng thư ký của nhóm những người Việt Nam yêu nước.”

Và trong một buổi nghe nói chuyện ở hội trường Hoóc-ti-quyn-tơ, Pa-ri, khi lần đầu tiên trong thấy đôi mắt kiên nghị và sáng niềm tin tất thắng của anh Nguyễn, viên mật thám Pháp chuyên teo dõi người Việt Nam ở Pháp là Ác-nu, sau này là chánh mật thám Pháp ở Đông Dương, phải thốt lên với bọn đồng sự ở Bộ thuộc địa: “Con người thanh niên mãnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương”.

V. CHÂN LÝ

Tháng 7 ở Pa-ri là tháng của những cuộc thi tranh giải: thi ô tô, thi xe đạp vòng quanh nước Pháp, thi tiếng Hi Lạp và tiếng La-tinh, thi âm nhạc, thi hội họa và điêu khắc. Tháng 7 năm 1919 ấy, một tháng sau khi công bố bản yêu sách đòi quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam, anh Nguyễn Ái Quốc phải thi gan trước sự dọa nạt của cảnh sát và sự công kích của đủ loại tay sai thực dân. Anh hiên ngang thách thức kẻ thống trị dân tộc anh, thách thức đế quốc Pháp có số đất thuộc địa rộng gấp 19 lần nước Pháp và số dân nhiều hơn gấp rưỡi.

Tình hình Việt Nam lúc này càng cho thấy tiếng nói của anh Nguyễn đòi tự do dân chủ cho nhân dân là hoàn toàn đúng và cần thiết. Sau cuộc chiến tranh thế giới, Việt Nam đã kiệt quệ. Nhưng những người Việt Nam mỗi năm vẫn phải đổ mồ hôi sôi nước mắt nộp hàng chục vạn tấn gạo, hơn 400 triệu phơ-răng để nuôi béo bọn áp bức mình. Như thế vẫn chưa đủ. Bọn thực dân đang âm mưu bắt đi hàng vạn người Việt Nam đưa đến các đồn điền để thỏa mãn túi tham của bọn ăn bám. Câu nói vô liêm sỉ của cựu toàn quyền Đông Dương Pôn Đu-me ghi sâu trong đầu óc chúng: “Khi nước Pháp đến Đông Dương thì dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng làm nô lệ”.

Giữa nắng tháng 7, anh Nguyễn cầm bản yêu sách của mình đến nhiều nơi ở Pa-ri và tại mọi cuộc họp, cuộc tiếp xúc, anh nói về tình cảm đồng bào anh. Anh muốn làm cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp biết rõ thuộc địa là cái gì, những việc đã và đang xảy ra ở đó và nỗi đau khổ mà nhân dân Việt Nam đang chịu đựng. Anh phải đấu tranh với những quan điểm sai lầm và nhận thức không đúng về vấn đề thuộc địa trong bộ phận giai cấp công nhân và trong Đảng xã hội Pháp. Không ít người vẫn còn nghĩ rằng thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ mà trên là mặt trời, dưới là cát, vài cây dừa xanh với mấy người da vàng, da đen, thế thôi.

Một hôm, giáo sư Ga-bri-en Sơ-ay, thay mặt Hội Nhân quyền và Công quyền Pháp, gửi đến anh Nguyễn nhận xét bản yêu sách của

anh gửi Hội nghị Véc-xay. Sơ-ray cho rằng những yêu sách về tự do dân chủ của nhân dân Việt Nam mà anh Nguyễn đề ra thì chính phủ Pháp đã thực hiện đầy đủ cả rồi và đấy là “công lao của ông Xa-rô”. Sơ-ây nói với anh: “Người ta cho rằng ông không thấy hết những cải cách mà ông Xa-rô đã thực hiện. Ở đây có thể có sự hiểu lầm. Ông Xa-rô hiện đang ở Pa-ri, nếu muốn gặp ông ta thì ông có thể đến trình bày ý kiến với ông ta và nói là do Mê-na Đô-ki-an hoặc chính tôi giới thiệu. Tôi cho rằng nước Pháp hiện nay muốn tôn trọng các quyền của người bản xứ và Pháp không phải là kẻ thù của Đông Dương”. Anh Nguyễn phải tranh luận với Sơ-ay nhiều tuần liền để bác bỏ những ý kiến nói trên.

Ngay đối với Giảng Long-giê mà anh luôn luôn nhớ ơn vì đã hướng anh đi vào nghề viết báo ở Pa-ri, anh cũng không tán thành quan điểm của Giảng là: chỉ cần đấu tranh ở nghị viện cũng có thể đem lại độc lập, tự do cho nhân dân thuộc địa.

Ở tất cả những nơi anh Nguyễn có mặt, anh luôn đặt ra những tiếng huyên náo ồn ào của Pa-ri vấn đề thuộc địa và các dân tộc bị áp bức. Đạo ấy, một người trí thức Pháp phái tả tên là Lê-ô Pôn-đe có sáng kiến tổ chức một câu lạc bộ lấy tên Phô-bua, theo kinh nghiệm câu lạc bộ thời cách mạng Pháp năm 1789. Câu lạc bộ Phô-bua (nghĩa tiếng Việt là Câu lạc bộ ngoại ô) không phải là một câu lạc bộ có trụ sở chính thức và cũng không phải ở vùng ngoại ô Pa-ri. Đây là một câu lạc bộ lưu động, khi họp chỗ này, khi họp nơi khác ở Pa-ri, mỗi tuần họp một lần vào tối thứ bảy. Thường có độ 300 người đến dự thuộc đủ các xu hướng chính trị, nhiều công nhân và nhiều nhà trí thức có tên tuổi. Bao giờ cũng thế, chủ nhiệm câu lạc bộ là Lê-ô Pôn-đe, người béo đậm chủ trì các buổi họp. Một người lên trình bày vấn đề, sau đó mọi người tự do chất vấn, phát biểu ý kiến, tranh luận, bàn cải dân chủ, sôi nổi và thân mật. Trong các buổi họp như thế người ta thảo luận đến tất cả mọi vấn đề, từ chính trị, văn học, nghệ thuật, triết học đến kinh tế, chăn nuôi, trồng trọt.

Anh Nguyễn Ái Quốc tham gia sinh hoạt câu lạc bộ Phô-bua và hồi đó câu lạc bộ thường họp ở nhà số 61, phố Sa-tô-đô, ở nhà hát La Phuốc-mi số 10 đường Bác-bét và ở hội trường Pranh-ta-ni-a, ở góc phố Cli-si-ri-sô. Anh chăm chú nghe mọi người nói và anh học được rất nhiều điều bổ ích. Rồi anh cũng tham gai tranh luận nhiều

vấn đề: bản năng con người, linh hồn có hay không, ngòi đồng ở Việt Nam. Ma-ri-nét Bơ-noa Rô-banh, một nữ trí thức tranh luận với anh giữa phòng họp vấn đề: chúng ta đã sống một kiếp nào trước đây chưa? Sau khi chết rồi, chúng ta có sống kiếp khác nữa hay không?

Một lần, bác sĩ Va-sê biểu diễn thuật giải lũng tâm hùm để điều khiển nó, còn giáo sư bác sĩ Cu-ê từ Năng-xi tới, tác giả cuốn sách nổi tiếng “Phương pháp Cu-ê”, thì trình bày vấn đề thôi miên. Người nghe nêu nhiều ý kiến, người đồng ý, người phản đối phương pháp chữa bệnh bằng thôi miên. Anh Nguyễn đứng lên kịch liệt phản đối thuật thôi miên, vì theo anh, thực dân Pháp đã dùng thuốc phiện và rượu để thôi miên nhân dân Việt Nam để dễ bề đàn áp bóc lột.

Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê lấy danh nghĩa là nghị sĩ Quốc hội xin cho anh một thẻ vào đọc thường xuyên tại Thư viện quốc gia Pháp ở đường Li-sơ-ri-ơ. Bước qua vòm cổng cao của thư viện, anh Nguyễn vào làm việc, có khi cả ngày trong cái kho tàng văn hóa quý giá đó của nước Pháp. Tại đây, không những anh Nguyễn đọc được mọi sách báo từ Việt Nam gửi sang, khai thác nhiều tài liệu tốt cho việc nghiên cứu đấu tranh của anh còn học tập nhiều điều khác có ích. Anh thích đọc Sếch-pia, Đíc-ken bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Vích-to Huy-gô, Ê-min Đô-la bằng tiếng Pháp. Đặc biệt A-na-tôn Phrăng-xơ và Lép Tôn-xtôi đã chinh phục hoàn toàn lòng ham thích văn học của anh Nguyễn. Anh say mê đọc “Chiến tranh và hòa bình”, “A-na Ca-rê-ni-a”, “Sống lại” của Tôn-xtôi. Những tác phẩm ấy đứng về nhân dân, căm thù chiến tranh, đã kích chế độ vua quan, tôn giáo, pháp luật của giai cấp bóc lột kìm hãm con người, gay ra cảnh bần cùng và bất công trong xã hội. Cách viết của Tôn-xtôi rất giản dị, rõ ràng và dễ hiểu làm cho anh Nguyễn rất thích. Đoạn tả cuộc đi săn của gia đình Rô-xtốp trong tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” rất tiêu biểu, và ngòi bút tài tình của Tôn-xtôi ở đây không những lôi cuốn anh Nguyễn mà còn làm cho anh suy nghĩ và tự nhủ: “Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm”.

Lép Tôn-xtôi, nhà nghệ sĩ vĩ đại, con người khổng lồ, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga, như Lê-nin nói đã gây hứng thú viết văn

và viết tiểu thuyết cho anh Nguyễn, và thật sự là người đỡ đầu văn học cho anh. Anh bắt tay vào viết tập “Những người bị áp bức” mà bọn mật thám Pháp một hôm bẻ khóa buồng anh vào lấy trộm 12 tờ bản thảo đầu tiên. Anh thường cùng Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê đi xem chiếu bóng ở rạp đường Lê-vi và thời ấy chỉ có phim không tiếng, anh thích xem phim của Sác-lô nhất, dí dỏm, sâu sắc, và đầy tính nhân đạo, phanh phui một cách tài tình mặt trái của xã hội tư bản chủ nghĩa. Ngày chủ nhật anh thường đi xem các tác phẩm hội họa ở bảo tàng Lơ Lu-vơ và khi nào có bà con kiều bào quen dưới tỉnh về Pa-ri chơi anh cũng đưa đi xem nhà trưng bày hội họa trước cửa điện Păng-tê-ông. Anh không thích trường phái ấn tượng đang thịnh hành trong hội họa tuy anh hoan nghênh sự tìm tòi cái mới của nó. Anh ưa nghe danh ca Mô-ri-xơ Sơ-va-li-ê hát những bài trữ tình nói về cuộc sống của nhân dân, nhất là bài Va-lăng-tin, Mê-nin-mông-tăng. Anh đọc, anh xem, anh học rất nhiều và anh cho rằng đây là những kiến thức cần thiết, nếu không gọi là bắt buộc, đối với người hoạt động cách mạng. Anh muốn rằng mỗi ngày của tuổi thanh niên phải sống cho ra sống, sống có ích nhất cho sự nghiệp cách mạng, sống có lý tưởng với tất cả những ý nghĩa cao đẹp nhất của nó, không để thời gian trôi qua một cách trống rỗng. Anh công nhân Nguyễn Ái Quốc vào tuổi 29, bằng cố gắng kiên trì của chính mình và sự giúp đỡ tận tình của bè bạn, đồng chí, đã trang bị cho mình một vốn văn hóa quan trọng. Nhưng trong những hoạt động muôn màu muôn vẻ ấy của anh giữa Pa-ri, anh luôn luôn là người chiến sĩ yêu nước cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp của nhân dân. Tư tưởng của anh như chiếc kim của cái địa bàn lúc nào cũng hướng về một phía là lợi ích của đồng bào anh.

Nhưng vào thời điểm này, cứu nước bằng con đường nào đúng nhất thì anh chưa tìm ra. Anh cảm thấy cái thiếu nhất đối với anh là lý luận cách mạng. Anh cố dành thời gian đi nghe những buổi nói chuyện về chính trị. Anh gặp nhiều người để giới thiệu nguyện vọng của nhân dân anh và cũng để thu thập lời khuyên và sự ủng hộ. Người thanh niên đầy nhiệt tình và thông minh ấy rất nhanh chóng tranh thủ được thiện cảm của nhiều người, Cô-lét, nữ văn hào, Gioóc-giơ Pi-ô-sơ, một nhà báo rất Pa-ri, Xu-va-rin, nhà lý luận mác-xít nổi tiếng của Pháp, Ra-pô-po, bạn của Lê-nin, người đã đưa Lê-nin đến làm quen với gia đình Pôn Lơ-pác-ghơ, con rể Các-mác, ở

ngoại ô Pa-ri, Hăng-ri Bác-buýt, nhà văn tiếng bộ, tất cả mọi người đều quý trọng anh Nguyễn và trở thành bạn thân của anh.

Sự nghèo khổ và tình đồng chí bè bạn sự quấy rầy của bọn mật thám và sự cọ sát nóng của những buổi tranh luận chính trị, những tinh hoa của nền văn hóa thế giới và những mặt trái xấu xa của xã hội tư bản chủ nghĩa, cuộc sống sôi động giữa phong trào công nhân và những ước ao hướng về Tổ quốc thân yêu, đã giúp anh Nguyễn tích lũy rất nhiều kinh nghiệm phong phú, tạo ở anh một phong thái hồn hậu, bao dung, lạc quan, và vững vàng.

Như con ông làm tổ, anh kiên nhẫn học hỏi và từng bước đấu tranh giữa một thế giới chìm đắm trong đêm dày của chủ nghĩa tư bản. Nhưng một sự kiện trong đại đã đến, một vòm trời sáng cao lồng lộng đã xuất hiện: cách mạng thành công ở nước Nga rộng mênh mông.

Lúc đó, anh chưa hiểu tầm quan trọng lịch sử của cuộc cách mạng vĩ đại đó. Anh mừng rỡ, vui thích, hoan nghênh ủng hộ nó theo cảm tính tự nhiên và teo một tình cảm chân thành xuất phát từ đáy lòng anh.

Bọn thực dân cố ý bưng bít không cho người thuộc địa biết cuộc Cách mạng tháng Mười Nga. Chúng quen dựa vào sự ngu dốt của người dân để thống trị. Anh Nguyễn đón nghe tin tức anh được biết ở góc trời Nga xa xăm đó có một dân tộc vừa đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và đang tự quản lí đất nước mình, không cần tới bọn vua chúa, tư bản và bọn toàn quyền. Anh chưa hiểu thế nào là chủ nghĩa bôn-sê-vích và con người bôn-sê-vích, cách người ta gọi chủ nghĩa cộng sản và con người cộng sản thời đó ở Nga. Anh chỉ biết rằng nhân dân Nga vùng dậy lật đổ chế độ cũ, làm chủ vận mệnh của mình là những con người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lê-nin. Chỉ điều đó cũng làm cho anh khâm phục và đầy nhiệt tình với dân tộc đó và lãnh tụ của dân tộc đó. Anh còn biết được sau khi giải phóng nhân dân nước mình, Lê-nin còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa và Lê-nin kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng, da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn xâm lược, bọn toàn quyền, công sứ, mật thám và tây đoan. Đối với anh là người dân mất nước, điều ấy ngay từ đầu là niềm cổ vũ lớn, niềm hi

vọng chứa chan. Ở anh nhen lên tình cảm tôn kính với Lê-nin và sự khát khao tìm hiểu con đường của Lê-nin.

Đến khi không che nổi ánh sáng mặt trời, giai cấp tư sản chuyển sang một chiến dịch điên cuồng xuyên tạc và vu khống Cách mạng tháng Mười Nga cùng những người bôn-sê-vích Nga. Nước Pháp do Poanh-ca-rê làm tổng thống. Là một con người cực kỳ phản động, giữ vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị chiến tranh thế giới thứ nhất. Nhân dân đặt cho hắn cái tên “Poanh-ca-rê chiến tranh”. Chính hắn là người cầm đầu chính phủ Pháp chủ trương đánh tiêu diệt cách mạng Nga. Dùng quân sự thất bại, hắn chủ trương bao vây kinh tế Nga và tẩy chay mọi quan hệ với nước Nga. Trong một cuộc bầu cử Hạ nghị viện Pháp, hắn cho dán khắp nước Pháp bức vẽ tuyên truyền chống cộng sản, với nhan đề: “Bôn-sê-vích hai hàm răng ngậm dao”... Trong bức vẽ phía trước là một người bôn-sê-vích mặt mũi hết sức dữ tợn, miệng ngậm một con dao đâm máu, tay sách cái đầu của một người đàn bà, phía sau là những ngôi nhà đang cháy ngùn ngụt.

Bọn đế quốc vẽ ra bức tranh về một nước Nga kiệt quệ, đói rách, hấp hối và chúng tiên đoán ngày tan rã của nước Nga cộng sản đến gần.

Trên đất Pháp, anh Nguyễn nghe được biết bao nhiêu tin kì quặc như: chính quyền xô-viết quốc hữu hóa phụ nữ, ai muốn dùng phụ nữ thì phải xuất trình phiếu của xô-viết, nhân dân muốn ăn con gà cũng phải xin giấy phép của xô-viết, người bôn-sê-vích dìm dân trong bể máu khắp nơi ... Trong khi ấy, tại Hà Nội, toàn quyền Xa-rô đến hội “khai trí tiến đức” diễn thuyết đe “người An-nam không theo bọn quá khích như ở Nga”.

Xa-rô nói:

– Vừa rồi, tôi thấy trong mấy tờ báo Trung Quốc có đăng lời kêu gọi của bọn cách mạng An-nam. Bọn đó muốn đòi cho An-nam được độc lập... Họ lại muốn lúc này thay đổi nền chính trị của chúng tôi, muốn làm hay hơn, tốt hơn ... Nếu muôn mà nước An-nam lọt vào tay bọn đó cai trị thì chẳng bao lâu mà rối loạn lung tung cả ... Tỉnh Quảng Đông bên Trung Quốc đã thế, nước Nga bên châu Âu cũng đang như thế. Trong nước rối như bòng bong, dân cực khổ không sau kể xiết, không bị chết đói thì bị giặc giết ...

Tám màng dối trá và hần học mà bọn đế quốc giăng lên không ngăn được những tình cảm tốt đẹp nhất của anh Nguyễn hướng về đất nước và những người chặt đực một khâu mắc-xít quan trọng trong hệ thống toàn cầu của chủ nghĩa tư bản. Cùng toàn thể Đảng xã hội Pháp, anh Nguyễn đứng về phía cách mạng Nga vì đây là cuộc cách mạng của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản. Anh đi phát truyền đơn của Đảng xã hội nhan đề "Lời kêu gọi lao động Pháp" chống lại sự can thiệp vũ trang của Pháp vào nước Nga trong khi Mác-sen Ca-sanh lên diễn đàn Quốc hội Pháp đòi rút ngay về nước 10 vạn quân Pháp đang gay tội ác với nhân dân Nga. Anh Nguyễn xúc động chứng kiến cảnh hơn 2000 công nhân cơ khí bãi công nhiều ngày, ngồi trên hè đường Ba-ti-nhôn gần nơi anh ở húp bát súp loãng do nhân dân ủng hộ và hô: "Đả đảo can thiệp vào cách mạng Nga!".

Đường phố Pa-ri lúc này vang lên tiếng hát của nhân dân:

"Hãy trả lại tự do

Cho các thủy thủ chúng ta trên biển Đen

Hãy trả lại tự do

Cho những nạn nhân khốn khổ ấy.

Hãy luôn đấu tranh không mệt mỏi

Để thủ tiêu các cuộc chiến tranh đế quốc

Vì con người sống trên quả đất

Cần yêu nhau chứ không phải chém giết nhau."

Anh Nguyễn hòa tiếng nói của mình vào lời kêu gọi bảo vệ những người thủy thủ khởi nghĩa trên biển Đen, trong đó có anh thủy thủ Tôn Đức Thắng ở tàu Van-đét Rút-xô. Và khi anh gặp giữa Pa-ri Giắc Duy-clô mới giải ngũ về anh Nguyễn nói với Giắc:

– Này, Giắc ơi, cách mạng Nga đang bị tiến công. Những người làm cách mạng sẽ còn gặp nhiều khó khăn trước khi đi tới thắng lợi cuối cùng. Nhưng, dù thế nào chúng ta vẫn cứ đi tới. Trước khi đánh gục chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới, chúng ta còn trải qua nhiều gian truân, nhưng thắng lợi nhất định thuộc về chúng ta.

Anh Nguyễn sung sướng được nghe những đoàn đi thăm Nga về kể chuyện: tình hình mọi mặt trận ở Nga ngày càng tốt, cách mạng

vững bước tiến lên. Nhân dân Nga ăn đủ, mặt lành, làm việc hăng hái, có tinh thần kỉ luật cao, tới đến các rạp chiếu bóng, rạp hát đông kín người, các buổi biểu diễn vở ca kịch “Các-men” và “Con gái bà Ăng-gô” không bao giờ ít người xem.

Cuộc cách mạng Nga được cảm tình của đảng xã hội Pháp nhưng cũng gây ra sự xáo động lớn trong nội bộ nó. Trong toàn đảng nảy ra một cuộc tranh luận lớn: nên hay không nên học kinh nghiệm cách mạng Nga, nên hay không nên gia nhập Quốc tế thứ ba tức là quốc tế cộng sản do Lê-nin lãnh đạo. Số đảng viên cuối năm 1918 là 35.793 người, đến cuối năm 1919 lên tới 133.327 người, phần lớn là trẻ, chịu ảnh hưởng của cách mạng Nga và không bằng lòng với đường lối của Ban lãnh đạo Đảng xã hội ngày càng tỏ ra lạc hậu so với tình hình và phong trào quần chúng. Lực lượng trẻ ấy, trong đó có anh Nguyễn, muốn đảng rút khỏi Quốc tế thứ hai và gia nhập Quốc tế thứ ba. Những người chống lại việc gia nhập lấy lý do: kinh nghiệm cách mạng Nga không thích hợp với hoàn cảnh nước Pháp và 21 điều gia nhập do Quốc tế thứ 3 đề ra là quá khắc khe và thô bạo.

Người ta thảo luận rất sôi nổi và cũng rất kịch liệt. Anh Nguyễn nhìn vào cuộc xung đột quan điểm ấy bằng con mắt của người thanh niên Việt Nam yêu nước. Anh Nguyễn chỉ biết rằng Quốc tế thứ ba ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, còn Quốc tế thứ hai thì không.

Đề ra các điều kiện để gia nhập Quốc tế thứ ba là cần thiết nhằm ngăn chặn những phần tử cơ hội chủ nghĩa lọt vào và nhắc lại nghĩa vụ của các đảng cộng sản. Không có một tổ chức chặt chẽ thì những đảng và nhóm chính trị của Quốc tế thứ hai ừa vào cùng với nhiều quan điểm sai lầm của nó. Đối với anh Nguyễn, điều kiện thứ 8 trong số 21 điều kiện do Quốc tế đặt ra đem lại niềm vui mạnh và mở cho anh những hiểu biết mới về con đường giải phóng dân tộc. Điều thứ 8 nêu rõ:

“Trong vấn đề thuộc địa và các dân tộc bị áp bức, các đảng ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa hoặc áp bức các dân tộc thì phải có một đường lối hành động đặt biệt rõ ràng. Mọi Đảng thuộc Quốc tế thứ ba có nhiệm vụ tố cáo không thương tiếc thủ đoạn của những tên đế quốc “của họ” ở thuộc địa, ủng hộ không

phải bằng lời nói mà bằng việc làm mọi phong trào giải phóng ở các thuộc địa, đòi trục xuất bọn đế quốc ra khỏi thuộc địa, nuôi trong trái tim người lao động nước mình những tình cảm thật sự anh em đối với nhân dân lao động các thuộc địa và các dân tộc bị áp bức và duy trì trong quân đội chính quốc mọi hoạt động chống mọi áp bức các dân tộc thuộc địa”.

Một số người trong đảng xã hội Pháp lập ra Ủy ban Quốc tế thứ ba nhằm tuyên truyền, vận động các đại biểu họp Đại hội Đảng ở các cấp tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba và vận động chỉ bầu đi dự Đại hội những đại biểu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba. Anh Nguyễn viết thư cho Rô-nê Rây-nô, quyền thư ký Ủy ban Quốc tế thứ ba, nhà số 123, phố Mông-mác, pa-ri, xin gia nhập Ủy ban.

Những cuốn sách của Xu-va-rin viết về Quốc tế thứ ba, của Giác Sa-đun về chính quyền Xô-viết, cuốn cương lĩnh Đảng cộng sản Bôn-sê-vích, tuyên ngôn của quốc tế cộng sản bán rộng rãi trong Đảng càng làm cho anh Nguyễn tin tưởng vào sự ủng hộ của Quốc tế cộng sản đối với phong trào giải phóng dân tộc. Một số trong ban lãnh đạo Đảng xã hội Pháp, những người từng tham gia chính phủ tư sản và ủng hộ chiến tranh đế quốc nay vẫn giữ khư khư quan điểm lấy hoạt động ở nghị trường làm chính, không gắn với phong trào công nhân. Đội ngũ công nhân khắp nước Pháp sôi sục đấu tranh. Phong trào bãi công mùa Xuân 1920 to lớn và rầm rộ chưa từng thấy kể từ chiến tranh thế giới. Toàn thể công nhân xe lửa tổng bãi công, rồi tiếp đến công nhân sở xe điện ngầm, sở bưu điện, giao thông vận tải, bến tàu, kim khí, xây dựng. Lợi dụng lúc phong trào công nhân không có lãnh đạo đứng lại chia rẽ, giai cấp tư sản phản kích điên cuồng. Lực lượng cảnh sát vây ráp bắt nhiều cán bộ công đoàn và bắt cả hai thư ký của Ủy ban Quốc tế thứ ba là Lô-ri-ô và Xu-va-rin, 18.000 công nhân xe lửa bị sa thải. Bọn tư bản dùng cả quân đội đàn áp và giải tán các cuộc bãi công. Giu-a-nen, 38 tuổi, chánh thư ký công đoàn xe lửa, dùng súng lục tự tử. Đảng xã hội khủng hoảng. Những người của Ủy ban Quốc tế thứ ba, trong đó có anh Nguyễn, càng ráo riết hoạt động để mở rộng ảnh hưởng của mình và thúc đẩy việc gia nhập Quốc tế thứ ba. Lê-nin đánh giá cao vai trò của Ủy ban này, coi nó là “bộ phận gần với tư tưởng bôn-sê-vích nhất ở nước Pháp” lúc bấy giờ.

Đại hội Đảng xã hội Pháp tháng 2-1920 họp ở Xtrát-bua quyết định tiền đề của nó. Một bộ phận bảo thủ của Đảng muốn giữ Đảng ở lại trong Quốc tế thứ hai, gọi là để trung thành với truyền thống. Nhưng Quốc tế thứ hai đã phá sản cùng với việc để xảy ra chiến tranh thế giới. Đây là Quốc tế của những bộ trưởng, nghị sĩ, vua chúa, của những người chủ trương hợp tác giai cấp, của khuynh hướng cải lương và cơ hội chủ nghĩa. Người ta nhắc lại giữa Đại hội câu nói của Giô-rét:

– Trung thành với truyền thống không có nghĩa là quay về những thế kỷ đã tàn lụi để ngắm một dãy dài những bóng ma, mà trái lại đem hết sức mình tiến về phía tương lai, như dòng sông chỉ có chảy ra biển mới gọi là trung thành với ngọn nguồn của nó.

Đại hội Xtrát-bua không đem lại điều anh Nguyễn mong muốn. Nó tuyên bố rút khỏi Quốc tế thứ hai nhưng không gia nhập Quốc tế thứ ba. Đại hội quyết cử Mác-xen Ca-sanh, chủ nhiệm báo “Nhân đạo” của Đảng xã hội và L.Phrốt-xa, tổng thư ký Đảng, đi Mát-xcơ-va tìm hiểu tình hình nước Nga và điều kiện gia nhập Quốc tế cộng sản. Rất quen biết Mác-xen Ca-sanh, anh Nguyễn hiểu Ca-sanh là người rất có cảm tình với Cách mạng Nga, tha thiết muốn gia nhập Quốc tế cộng sản và thái độ của Ca-sanh sẽ có ảnh hưởng lớn trong việc kéo theo một số lớn đảng viên xã hội.

Từ Mát-xcơ-va, Ca-sanh và Phrốt-xa gửi về đảng xã hội Pháp bức thư sau đây:

“Chúng tôi ở Mát-xcơ-va đã được 13 ngày.

Chúng tôi được các đồng chí Nga đón tiếp rất nồng nhiệt, với tình nghĩa anh em.

Theo chỉ thị của Đảng, chúng tôi đã làm việc với các cơ quan có trách nhiệm của Quốc tế thứ ba. Trong vài ngày tới, Quốc tế sẽ họp đại hội.

Ban thường vụ Quốc tế cộng sản tha thiết mời chúng tôi dự Đại hội, không cần biết thái độ của Đảng ta sau này sẽ thế nào.

Chúng tôi sẽ dự với danh nghĩa tư vấn nhằm trao đổi tin tức. Chúng tôi đề nghị Ban lãnh đạo toàn quốc của Đảng ta cho phép chúng tôi nhận lời mời của Quốc tế cộng sản”.

Hai người dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ hai và được gặp Lê-nin. Anh Nguyễn phấn khởi theo dõi từng hành động của Ca-sanh ở Mát-xcơ-va và hi vọng chuyến đi của Ca-sanh sẽ dứt khoát đưa Đảng xã hội Pháp bước vào một hướng mới.

Ca-sanh trở về Pa-ri. Đảng xã hội Pháp tổ chức cuộc mít-tinh lớn ở rạp xiếc Mùa Đông để nghe đoàn đại biểu đi Nga về báo cáo. Người đến nghe rất đông, ai cũng muốn chen được vào bên trong và đứng gần diễn giả vì đạo đó chưa có máy phóng thanh. Anh Nguyễn đến sớm, tìm được một chỗ ngồi nghe tốt. Khi Ca-sanh tới, anh cùng cả biển người hát vang “Quốc tế ca” và hô: “Lê-nin muôn năm ! Ca-sanh muôn năm ! Ủy ban Xô-viết muôn năm!”.

Ca-sanh lên diễn đàn nói:

– Đối với một đảng viên xã hội lâu năm như tôi. Từ 30 năm nay mơ ước nhìn thấy một xã hội không có người bóc lột người, thật là sung sướng biết chừng nào được tới thăm nước Nga, ở đó nhân dân lao động đã dành được chính quyền. Cách mạng Nga tạo ra được một xã hội như thế phải qua nhiều đau khổ. Chúng ta cũng là những người gây ra sự đau khổ đó vì rằng chính đại bác Pháp, do chính công nhân Pháp sản xuất, do công nhân xe lửa và thủy thủ Pháp vận chuyển, đang giết bộ đội và nhân dân nước Nga xô-viết. Cách mạng Nga đã đứng vững sau 3 năm chiến đấu gian khổ, đứng vững trước sự bi quan của một số người, sự vu cáo của một số kẻ khác và sự điên cuồng can thiệp của thế giới tư bản chủ nghĩa. Chúng tôi đã được thấy một dân tộc vĩ đại. Chúng tôi đã được chứng kiến một cảnh tượng làm cho những người xã hội lâu năm như chúng tôi hết sức cảm động. Đây là cảnh tượng một nước Nga vĩ đại, vĩ đại nhất châu Âu, hoàn toàn rũ sạch giai cấp tư sản và hoàn toàn do công nông quản lý. Các đồng chí, sự việc lần đầu tiên mới thấy trong lịch sử đó, chúng tôi đề nghị tất cả chúng ta đem hết sức mình ra làm được như thế. Cách mạng Nga đang sống, đang được thiết lập vững vàng. Một nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa đã ra đời và kêu gọi các bạn đến cùng với nó chiến đấu trên mặt trận mới của Quốc tế mới mà nó đã lập ra”.

Đây chính là cuộc sống cách mạng mà anh Nguyễn muốn học tập và đây cũng là lý luận cách mạng mà anh cần nghiên cứu.

Trong hai ngày liền, 16 và 17-7-1920, lần đầu tiên ở Pháp, báo Nhân đạo, cơ quan của Đảng xã hội, công bố tác phẩm quang trọng của Lê-nin: “Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Buổi sáng mùa hè năm ấy, 9 năm sau ngày rời Tổ quốc, cầm tờ báo đăng 3 trang văn kiện của Lê-nin, anh Nguyễn thấy bừng lên một ánh sáng mới. Từng dòng, từng chữ quý giá hiện ra trước mắt anh. Đọc đi đọc lại nhiều lần anh hiểu được ý nghĩa chính. Mỗi câu, mỗi đoạn của Lê-nin là một phát hiện kỳ diệu đối với anh và là sự khác khao sâu sắc những điều mà anh Nguyễn trong cuộc đời bôn ba khắp năm châu:

“Cần đặt lên hàng đầu đường lối của quốc tế cộng sản việc xác nhập với nhau những người vô sản và quần chúng lao động tất cả các dân tộc nhằm tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chống bọn chủ và giai cấp tư sản”.

“Cần có chính sách thực hiện sự đoàn kết chặt chẽ tất cả mọi phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga xô-viết... Đoàn kết và liên minh giữa giai cấp vô sản và quần chúng lao động mọi nước và mọi dân tộc”.

“Các Đảng cộng sản cần giúp đỡ trực tiếp phong trào cách mạng ở các nước phụ thuộc hoặc bị tước quyền bình đẳng và ở các thuộc địa. Không có điều kiện sau cùng đặt biệt quang trọng này thì cuộc đấu tranh của các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa chống áp bức và sự công nhận quyền độc lập của họ chỉ là một nhãn hiệu bị bõm như người ta thấy trong các Đảng của Quốc tế thứ hai”.

“Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản ...”.

Văn kiện lịch sử ấy của Lê-nin mở ra trước mắt anh Nguyễn một chân trời mới rực rỡ và là ngọn đèn soi đường giải phóng cho nhân dân anh: Văn kiện xuất sắc ấy của Lê-nin làm cho anh xúc động, tin tưởng, vui mừng đến rơi lệ và anh reo lên trong buồng anh ở: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta !”.

Theo hiểu biết của anh, Lê-nin là người đầu tiên kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa, những thành kiến ăn sâu trong xương tủy nhiều công nhân và nhiều nhà hoạt động chính trị Âu, Mỹ ; Lê-nin là người đầu tiên bật lên ý nghĩa

quang trong của việc giải quyết đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới ; là người đầu tiên chỉ ra rằng nếu không có công nhân các nước thuộc địa tham gia thì không thể có cách mạng xã hội ; là người đầu tiên vạch rõ sự cần thiết kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân và vô sản thuộc địa với cuộc đấu tranh của vô sản ở chính quốc ; Lê-nin đã tạo ra bước ngoặt trong lịch sử đau khổ của cuộc đời nô lệ của nhân dân thuộc địa.

Từ đó, anh Nguyễn xông vào các cuộc tranh luận, anh nói sôi nổi tất cả ý nghĩ của mình, anh đập mạnh những ý kiến chống lại Lê-nin, chống lại Quốc tế thứ ba. Anh thường đặt câu hỏi: “Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí không bên vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?”.

Cho đến một tháng sau, anh đau phổi phải vào nằm ở bệnh viện Cô-sanh, buồng Pa-xơ, giường số 18, khi bạn bè, đồng chí vào thăm anh vẫn còn hớn hờ nói đến những lời giáo huấn quý báu của Lê-nin về cách mạng giải phóng dân tộc.

Anh ra khỏi bệnh viện thì được cử đi dự Đại hội lần thứ 18 họp tại thành phố Tua vào dịp Nô-en. Phòng họp đại hội là nhà Ma-ne-giơ cạnh nhà thờ Xanh Giuy-liêng trong thành phố, nhìn ra sông Loa rộng và nước chảy mạnh, bao quanh bởi 4 phố: Na-xi-ô-nan, Côn-be, Von-te và Ke Oóc-lê-ăng. Cửa đại hội cũng như trong hội trường treo tám biểu ngữ lớn: “Vô sản tất cả các nước, hãy đoàn kết lại !”. Phía sau đoàn Chủ tịch đại hội là dòng khẩu hiệu: “Giải phóng người lao động là nhiệm vụ của chính người lao động”. 285 đại biểu, thay mặt cho 89 tỉnh đảng bộ ngồi chia theo xu hướng và quan điểm, từ tả sang hữu. Anh Nguyễn Ái Quốc, đại biểu của Đông Dương, người Việt Nam đầu tiên dự đại hội một chính đảng Pháp, ngồi cùng với nhóm tả, trên dãy ghế phía trái nhìn từ đoàn chủ tịch xuống. Đây là nhóm chủ trương gia nhập Quốc tế thứ ba.

Đúng 10 giờ 35 phút ngày 25-12-1920, ban nhạc “Tương lai Nhân dân” cử bài Quốc tế ca, sau đó một ban đồng ca của địa phương hát bài ca cách mạng khai mạc phiên đầu tiên của Đại hội. Đoàn chủ tịch danh dự của đại hội là các thủy thủ khởi nghĩa trên biển Đen để tỏ cảm tình với cách mạng Nga và các đảng viên còn đang bị giam trong tù. Đó là 3 đồng chí Ray-mông Lơ-phe-brơ, Véc-

gia, Lơ-pơ-ti, nạn nhân của cuộc phong tỏa do giai cấp tư sản quốc tế tiến hành chống nước Nga xô-viết.

Theo chương trình nghị sự, Đại hội sẽ thảo luận báo cáo của Ban bí thư, của các ban tài chính kiểm tra quản lý báo Nhân đạo và cuối cùng là vấn đề gia nhập Quốc tế nào. Nhưng Tơ-ranh đại diện nhóm chủ trương gia nhập Quốc tế thứ ba, đứng phát dậy nói:

– Tôi đề nghị Đại hội thảo luận ngay vào vấn đề cốt tử hàng đầu là vấn đề gia nhập Quốc tế nào.

Một cuộc bỏ phiếu của Đại hội tiếp theo đó về sự thay đổi chương trình nghị sự và đa số phiếu tán thành ý kiến của Tơ-ranh. Đây là sự biểu dương lực lượng đầu tiên của phe chủ trương gia nhập Quốc tế thứ ba. Gần 80 người tham luận trước đại hội, xoay quanh tiền đề của Đảng xã hội và vấn đề có nên đi theo con đường của Lê-nin hay không. Hội trường náo nhiệt cả ngày lẫn đêm, tranh luận, phân tích, bàn cãi, triết lý.

Anh Nguyễn lắng nghe nhiều diễn giả nổi tiếng phát biểu ý kiến về chủ nghĩa, giai cấp, phong trào, về nhiều vấn đề mà anh chưa hiểu rõ lắm. Còn anh, anh muốn thu hút sự chú ý đại hội đến một vấn đề cực kỳ quang trọng là giải phóng các nước thuộc địa và anh muốn nói cụ thể về tình hình Việt Nam. Cả hội trường đứng dậy vỗ tay như sấm ran, khi đoàn chủ tịch đại hội giới thiệu mời anh phát biểu ý kiến. Phòng họp không có hệ thống phóng thanh, anh Nguyễn đứng tại chỗ nói:

– Thừa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng của thế giới, nhưng với một nỗi buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên xã hội để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời trên quê hương tôi.

Anh Nguyễn kể cho đại hội nghe sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân rồi anh nói:

– Đảng xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức.

Giăng Lông-giê ngắt lời anh:

– Tôi đã phát biểu ý kiến để bảo vệ người bản xứ.

Anh Nguyễn nghiêm nghị:

– Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lặng. Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có ý nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quang trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung sướng khi nghe tin sẽ thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu vấn đề Bắc Phi, và mai đây chúng tôi sẽ rất vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí của Đảng sang Đông Dương để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề của xứ đó, và nghiên cứu những hoạt động cần phải tiến hành.

Một đại biểu phái hữu phản đối. Anh Nguyễn lập tức trả lời:

– Hãy im đi, phái nghị viện ! Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh toàn thể đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: “Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi !”.

Giữa lúc lấy khuynh hướng hoạt động nghị trường làm chính còn ngợ trị vững vàng ở nhiều đảng viên xã hội, tính chiến đấu sôi nổi ấy của anh Nguyễn làm nhiều người phải chú ý. Giữa đêm 29-1, trong đại hội, cùng với 70% số 285 đại biểu phần lớn thuộc “thế hệ lửa đạn” như người ta nói, anh Nguyễn bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản. Số phiếu áp đảo nói trên đánh dấu bước tiến cực kỳ quan trọng của phong trào công nhân Pháp. Thiếu số đại biểu chống lại việc gia nhập Quốc tế cộng sản bỏ đi sang hội trường Ê-mô-phin, nhà số 72, phố La-ri-sơ tiếp tục họp Đại hội Đảng xã hội. Anh Nguyễn cùng phe đa số ở lại, quyết định thành lập Đảng cộng sản Pháp, phân bộ Pháp của Quốc tế cộng sản, trong tiến hô vang dậy hội trường: “Lê-nin muôn năm ! Lê-nin muôn năm !” và tiếng hát căng lồng ngực bài Quốc tế ca.

Chủ tịch Đoàn chủ tịch đồng dục tuyên bố: “Đại hội Đảng cộng sản Pháp của chúng ta bắt đầu. Mời đồng chí Phrốt-xa lên khai mạc”.

Lúc ấy là 3 giờ 20 phút sáng 30-12-1920. Giờ ấy xuất hiện người cộng sản Việt Nam đầu tiên là Nguyễn Ái Quốc. Giờ ấy, anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước chính thức đến với chủ nghĩa Lê-nin và bước theo con đường Lê-nin.

VI. VÀO TRẬN

Anh Nguyễn trở về Pa-ri nhận được được nhiều thư của bè bạn, đồng chí gửi đến hoan nghênh “Tất cả những gì anh đã nói và làm ở Đại hội Tua”. Người thanh niên cộng sản ấy từ nay mang trên vai mình những trách nhiệm mới. Nhiều công việc bề bộn chờ đợi anh. Vì nhê Đốc-tông, phụ trách báo “Lơ-li-béc-tê”, Ba-buýt, phụ trách báo “Diễn đàn An-nam” mời anh viết bài chống chủ nghĩa thực dân. Hội tương tế các nhà xuất bản mời anh viết sách. Anh lao vào chiến dịch quyên tiền, thuốc men, quần áo giúp nhân dân Nga, tới dự các buổi mít tinh đòi chính phủ Pháp chấm dứt bao vây kinh tế nước Nga, đòi nhanh chóng công nhận chính phủ Nga xô-viết. Tình cảm giai cấp của anh hồn hậu và nóng bỏng, gửi tới vô sản ở mọi chân trời. Thời ấy, vừa xảy ra vụ hai công nhân Mỹ là Sác-cô và Van-đét-ti bị chính quyền Mỹ vu oan. Số là một hôm có một chiếc xe ca chở tiền của một xí nghiệp đóng giày đang chạy thì bị một số người lạ mặt bắn làm chết hai người trên xe rồi xông vào cướp 18.000 đô-la để trong xe. Lúc đó Sác-cô và Van-đét-ti hai chiến sĩ công đoàn, ở rất xa nơi nơi xảy ra vụ cướp của. Nhưng tòa án Mỹ cứ đổ diệt cho hai anh là thủ phạm vụ giết người và quyết định xử tử cả hai trên ghế điện. Vợ Sác-cô gào thét giữa tòa án còn Sác-cô thì chỉ vào mặt lũ quan tòa: “Các người đã giết hai người vô tội”.

Bọn tư sản Mỹ bịa đặt chuyện để lấy cớ giết người và khủng bố tinh thần của giai cấp công nhân. Anh Nguyễn cùng toàn Đảng cộng sản, toàn thể giai cấp công nhân Pháp xuống đường hội họp nhiều lần phản đối vụ án và hết lòng bênh vực những người anh em cùng giai cấp là Sác-cô và Van-đét-ti.

Trung ương Đảng cộng sản Pháp lập trụ sở ở ngôi nhà số 12, phố La Phay-ét, Pa-ri, và báo Nhân đạo, “tờ báo xã hội” nay đổi tiêu đề là “tờ báo cộng sản”, trụ sở ở nhà số 142, phố Mông-mác. Anh Nguyễn, ngoài giờ đi làm thuê nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh, đến làm việc thường xuyên tại trụ sở Đảng để bắt tay vào việc thực hiện chỉ thị của Lê-nin và Quốc tế cộng sản.

Tháng 6-1921, theo đề nghị của anh Nguyễn, Ban lãnh đạo Đảng cộng sản Pháp lập ra Ban nghiên cứu thuộc địa, văn phòng ở ngay trong trụ sở của Đảng. Anh Nguyễn được cử vào nhóm phụ trách Ban này gồm một số đảng viên từng ở thuộc địa và am hiểu vấn đề thuộc địa. Đây là một cơ quan có nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu các vấn đề về thuộc địa, giúp các đại hội Đảng và giúp Ban lãnh đạo Đảng giữa hai kỳ đại hội định ra những chủ trương thích hợp về mặt lý luận, chiến thuật và tuyên truyền Ban chia thành 5 tiểu ban theo dõi 5 khu vực thuộc địa Pháp gồm: Bắc Phi, Tây Phi và Châu Phi xích đạo, Đông Dương, Ma-đa-gát-xca và thuộc địa cũ. Anh Nguyễn là trưởng tiểu ban nghiên cứu về Đông Dương. Các chi bộ Đảng ở các thuộc địa thường xuyên báo cáo về cho ban biết những tư liệu và vấn đề liên quan đến nước mình như: Tình hình địa lý, khí hậu, số dân, tình hình kinh tế, chính trị và xã hội, tình hình tuyên truyền các tư tưởng xã hội chủ nghĩa và các hình thức hoạt động cách mạng.

Nhiệm vụ công tác mới buộc anh Nguyễn phải làm việc nhiều. Tiếp xúc với những người dân thuộc địa Pháp sống ở Pa-ri, viết thư liên lạc với một số người quen ở Đông Dương để thu lượm tin tức, tìm hiểu tình hình, đọc nhiều sách báo để tham khảo. Phòng bưu điện quần 17 đưa đến nhà anh nhiều loại báo anh đặt nua dài hạn hoặc một số tòa báo biếu anh. Đây là các tờ: Diễn đàn bản xứ của Đảng Lập hiến ở Đông Dương, Tiếng nói An-nam xuất bản ở Sài Gòn, Miền tây châu Phi xuất bản ở Đa-ca, Đấu tranh xã hội của An-giê-ri, Tân thanh bằng trung văn xuất bản ở Pa-ri, Người cộng sản của Liên tỉnh ủy miền Tây nước Pháp, Đời sống công nhân của Tổng công đoàn Pháp và nhiều tờ báo khác ở Pa-ri và địa phương. Sức đọc và nghiên cứu rất khỏe của anh Nguyễn giúp anh vừa nâng cao trình độ lý luận vừa tổng hợp được tình hình các thuộc địa, hiểu rõ những nhu cầu cấp bách của nhân dân thuộc địa về các mặt kinh tế chính trị, xã hội và đề ra những chiến thuật cùng phương thức hoạt động ở các nước thuộc địa. Anh giành thời giờ nghiên cứu sâu Luận cương của Lê-nin vì anh tự đặt cho mình nghĩa vụ chính và lý tưởng cuộc sống là giải phóng nhân dân. Hòa mình vào giai cấp công nhân Pháp và giữa lòng giai cấp ấy, khám phá được những tư tưởng kiệt xuất của Lê-nin, anh Nguyễn mới thật hiểu rằng muốn giải phóng nhân dân không thể làm tùy tiện, gập chăng hay chớ.

Công cuộc giải phóng ấy chỉ có thể được thực hiện bằng thực tiễn và bằng tư tưởng của Lê-nin, nghĩa là một mặt phân tích hoàn cảnh, điều kiện theo quan điểm Mác-Lê-nin, mặt khác sử dụng những phương tiện đấu tranh mà chủ nghĩa Mác-Lê-nin đã chỉ ra, trước hết là phải thành lập Đảng cộng sản. Cách mạng phải có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo mới giải phóng được nhân dân.

Ban nghiên cứu thuộc địa gửi đến các nước thuộc địa những tờ truyền đơn in nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt do anh Nguyễn thảo, Truyền đơn kêu gọi:

“Các bạn lao động bản xứ ! Những người cộng sản ở chính quốc hiểu rõ nỗi đau khổ của các bạn... Các bạn bị hai lần bóc lột: là lao động và là dân bản xứ. Những người chủ các bạn từ chính quốc đến không hành động một mình. Những người quyền thế ở nước các bạn, bọn đại địa chủ và bọn cầm đầu muốn giữ của cải và quyền hành của chúng. Để bóc lột các bạn, chúng đã cấu kết với chính quyền thực dân và các công ty châu Âu. Như ở khắp mọi nơi trên thế giới, chúng tôi đã lập ra Đảng cộng sản lớn đấu tranh để giải phóng mọi người lao động.

Đảng muốn hoạt động ủng hộ những người anh em của mình ở thuộc địa. Nó đề nghị các bạn cho biết những sự đàn áp mà các bạn là nạn nhân. Nó dành cho các bạn báo chí của nó và sự giúp đỡ của những nhà hoạt động chính trị của nó. Nó đề nghị các bạn giúp đỡ nó tích cực và ở nước thuộc địa nào có chi bộ Đảng, chúng tôi mong các bạn coi đó là những cơ quan bảo vệ các bạn. Nó đề nghị các bạn đoàn kết lại giữa những người lao động ở nhà máy và nông thôn, bến tàu và có những mối quan hệ hữu nghị với những người lao động từ chính quốc tới ngày càng nhiều, họ thuộc cùng giai cấp với các bạn.

Vì nền hòa bình thế giới, vì tự do và ấm no. Những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức”.

Anh Nguyễn bỏ ra nhiều ngày để soạn bản dự thảo báo cáo cho tiểu ban Đông Dương để trình bày trước Đại hội Đảng sắp tới. Anh kết luận bản báo cáo:

“Ban nghiên cứu thuộc địa phân bộ Pháp của quốc tế cộng sản cho rằng việc nghiên cứu các vấn đề thuộc địa từ nay trở về sau phải là bộ phận không tách rời các đề cương đưa lên Quốc tế cộng

sản, vì cách mạng cộng sản chủ nghĩa không chỉ có mục đích ở châu Âu mà còn ở toàn thế giới. Vì vậy, không được để một nơi nào trên thế giới, do cầu thả hoặc không am hiểu vấn đề, lọt ra ngoài những hoạt động có ích cho mục đích cách mạng cộng sản chủ nghĩa”.

Lúc này những bài báo anh Nguyễn viết chống chủ nghĩa thực dân Pháp mang hơi chiến đấu mới và một giọng văn sắc sảo mới. Anh viết trên báo Lơ-bi-béc-tê số ra từ ngày 3-9 đến ngày 7-10-1921 bài “Sự quái đản của nền văn minh” và trong số ra từ ngày 7 đến ngày 14-10-1921 bài “Hãy yêu mến nước Pháp bảo hộ” tố cáo đanh thép tội ác của thực dân Pháp.

Cuối bài báo, anh Nguyễn viết dòng nhắn tin:

“Muốn biết có đồng chí nào biết đánh máy chữ và ở quận 17. Xin trả lời về tòa soạn”.

Dạo đó, anh Nguyễn bắt đầu viết cuốn sách lên án chủ nghĩa thực dân Pháp và một số tài liệu mà anh phải đi rất xa đến tận phố Clốt Béc-na, nhà số 27, để nhờ đánh máy bản thảo.

Anh Nguyễn bắt đầu tổ chức, nói đúng hơn là bắt đầu học tổ chức. Anh gặp giữa Pa-ri rất nhiều người cách mạng của châu Phi và châu Mỹ La-tinh. Tháng 7-1921, tại nhà số 9, phố Va-léc nơi ở của Môn-néc-vin, người thuộc địa Mác-ti-níc, anh Nguyễn cùng một số người cách mạng của thuộc địa lập ra Hội liên hiệp thuộc địa. Hội này khác với Ban nghiên cứu thuộc địa ở chỗ nó chỉ kết nạp những người gốc các nước thuộc địa học con cái của họ. Lúc đầu Hội có 200 hội viên và hai tổ chức người thuộc địa xin gia nhập toàn bộ vào Hội. Đây là Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp và Hội đấu tranh cho quyền công dân của người Ma-đa-gát-xca. Hội Liên hiệp thuộc địa họp đại hội đồng bầu ra ban thường vụ gồm 7 người đứng đầu là anh Nguyễn. Hội có mục đích, theo như Điều lệ Hội do anh Nguyễn tham gia thảo, tập hợp và hướng dẫn những người thuộc địa sống ở Pháp, giải thích những việc xảy ra ở Pháp cho những người thuộc địa biết để tăng cường đoàn kết và giải phóng họ, tranh luận và nguyên cứu mọi vấn đề về chính trị và kinh tế của thuộc địa. Hội phí mỗi người là 3 phrăng một tháng.

Anh Nguyễn tỏ rõ khả năng tổ chức tài tình của mình, một khả năng được bồi dưỡng qua nhiều năm gian khổ tự rèn luyện trong

phong trào công nhân. Và công tác của anh cũng mang tầm vóc lớn: lần đầu tiên trên thế giới, người thanh niên ấy dũng cảm lập ra mặt trận chung đoàn kết nhân dân các nước thuộc địa nhằm chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, đồng thời xây dựng tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các thuộc địa Pháp với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp. Anh cũng chính là người đầu tiên thực hiện một cách sáng tạo, cụ thể giáo huấn của Lê-nin về vấn đề thuộc địa.

Ban nghiên cứu thuộc địa bầu anh Nguyễn làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội Đảng cộng sản Pháp họp tại Mác-xây tháng 12-1921. Mác-xây vào tháng chạp vẫn còn nắng đẹp. Ngày khai mạc Đại hội, ở quanh Hội trường Bô-vi đường Sác-tơ-rơ, 500 cảnh sát vây kín theo bản đồ rải quân do chánh sở cảnh sát Ti-rôn vẽ. Bọn cảnh sát chưa quên lần Đại hội Đảng Tua năm trước, chúng bị một vố đau: nữ chiến sĩ Cla-ra Đéc-kin, đại diện Quốc tế cộng sản, bí mật từ Đức tới, bất ngờ xuất hiện giữa đại hội đọc bài diễn văn nổi tiếng rồi ra đi ngay cảnh sát không bắt được. Lần Đại hội này, cảnh sát muốn vây bắt Nguyễn Ái Quốc.

Đại biểu đến dự Đại hội bằng xe lửa. Anh Nguyễn vừa tới cửa Đại hội, sắp bước vào sân thì cảnh sát ập đến. Anh Nguyễn chạy rất nhanh vào hội trường. Bọn cảnh sát tức tối đứng chờ ngoài cửa. Anh được bầu vào đoàn chủ tịch Đại hội và đọc bản tham luận lên án chủ nghĩa thực dân Pháp và nêu nhiệm vụ của Đảng đối với các thuộc địa. Anh Nguyễn đấu tranh nghiêm khắc chống những tư tưởng thành kiến chủng tộc, tư tưởng sô-vanh đang tồn tại trong một số đảng viên và anh phê bình báo Nhân đạo ít nói đến vấn đề thuộc địa.

Tan phiên họp, một số lớn đồng chí, gồm cả các đồng chí là ủy viên Hội đồng thị xã và đồng chí nghị sĩ Quốc hội Ô-rô-lây phải đi kèm bên bảo vệ anh Nguyễn, chống sự can thiệp của cảnh sát và đưa anh về nhà trọ an toàn. Một số báo ở Pa-ri ngay hôm sau viết bài phản đối hành động thô bạo của cảnh sát Mác-xây. Lê-ô Pôn-đe viết trong “Báo của nhân dân”:

“Giai cấp công nhân Pháp không tha thứ những việc làm xấu xa và nhất trí đứng lên phản đối kịch liệt nếu bất chấp pháp luật, cảnh sát bắt Nguyễn Ái Quốc. Toàn thể Đảng cộng sản đồng tình với lời

tổ cáo đau thương nhưng hùng hồn của Nguyễn Ái Quốc để bên vực giai cấp vô sản bản xứ, nạn nhân của đế quốc thực dân. Muốn buộc chúng ta phải im tiếng thì không phải bắt giam riêng một đại biểu An-nam mà phải bắt giam toàn thể đại biểu dự Đại hội và toàn bộ đảng viên Đảng cộng sản”.

Với tính nguyên tắc và sự chu đáo vốn có của mình, trong phiên họp sau, anh Nguyễn trình bày trước Đại hội bản dự thảo nghị quyết về vấn đề “chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa”, mở đầu bằng việc nghiêm túc nhắc lại những chỉ thị của Quốc tế cộng sản. Toàn thể Đại hội tán thành và giao tay thông qua nghị quyết nói trên và cũng là hoan nghênh người học trò tốt của Lê-nin đã góp phần đáng kể vào việc thổi luồng gió tư tưởng cách mạng mới tới khắp các thuộc địa của đế quốc Pháp.

Cùng thời gian đó, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Xa-rô nhận được báo cáo mật của Ghét-xơ, tổng thanh tra lính Đông Dương tại Pháp, đề ngày 22-12-1921:

“Tôi qua tôi có cuộc nói chuyện với Phan Chu Trinh. Sau cuộc nói chuyện đó, tôi xin báo cáo tình hình hết sức túng bần của Phan Chu Trinh. Ông ta mệt mỏi, sống thiếu thốn, có ý muốn trở về nước.

Tình cảm của người An-nam này chắc ông đã biết. Tôi chỉ muốn nói thêm rằng tôi thấy ông ta không phải là loại làm cho chính quyền của ta lo ngại. Ông ta nuôi hi vọng trông thấy đất nước của ông ta một ngày kia được độc lập nhưng cũng tin ở sự cần thiết phải duy trì nền bảo hộ của chúng ta ở An-nam.

Điều đó chỉ cho chúng ta thấy những tư tưởng mà Phan Chu Trinh truyền bá, được thanh lọc sau 10 năm ở Pháp, rất khác xa tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc mà ông ta không tán thành và chê trách cách hoạt động của Nguyễn.

Tin chắc rằng chính sách tốt nhất lúc này là thỏa mãn yêu cầu của Phan Chu Trinh, tôi hân hạnh đề nghị Ngài cho phép ông ta trở về nước và chỉ thị cho ngân sách Đông Dương phải đài thọ việc hồi hương này.

Bằng cách làm ơn cho Phan Chu Trinh, giải pháp đó có thể sẽ làm giảm bớt, nếu không phải là làm mất hiệu lực mọi hành động

sau này của Phan Chu Trinh, một sự khước từ sẽ làm cho ông ta trở thành điên.

Để giúp Phan Chu Trinh sống tạm trong khi chờ đợi quyết định của Ngài tôi đã đưa ông ta vào làm chân sửa anh và rửa ảnh trong Triền lãm thuộc địa Mác-xây”.

Thực dân Pháp không còn lo ngại về Phan Chu Trinh, nhưng chúng càng lo sợ trước ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc. Người thanh niên yêu nước này đã tìm thấy con đường cứu nước, một con đường rất khác xa và cũng tiến vượt xa cả một thế hệ cách mạng đàn anh.

VII. ĐỒNG CHÍ

Anh Nguyễn sống trọn vẹn trong môi trường Đảng cộng sản và giai cấp công nhân Pháp. Tư tưởng, tình cảm và hạnh động của anh tập trung về một điểm duy nhất: chủ nghĩa Lê-nin. Tình thương yêu giai cấp, tấm lòng quốc tế vô sản cao đẹp và đảm thắm, trong sáng như nước trong nguồn mới chảy ra. Anh nhớ một buổi mít-tinh giữa Pa-ri để quyên tiền ủng hộ cách mạng Nga, những người lên diễn thuyết là Xu-va-rin, các đồng chí Ca-sanh và Cu-tuya-ri-ê. Khi nghe nói đến đóng góp tiền cho cách mạng thì toàn thể hội trường trăm người như một trong túi có bao nhiêu trút ra hết, không ai đến xem mình quyên ít hay nhiều. Một đồng chí công nhân già làm ở nhà máy điện Pa-ri thường cùng anh Nguyễn đi dự các cuộc mít tinh ở Pa-ri và chơi thân với anh. Một hôm khi cùng nhau từ cuộc họp về nhà, đồng chí công nhân ấy thủ thỉ với anh Nguyễn: “Chú này ! mình suốt đời lao động, có dành dụm được chút ít tiền. Mình không vợ không con, bao giờ mình nhắm mắt, mình để lại số tiền đó giúp chú làm cách mạng”.

Anh Nguyễn hoạt động công đoàn với An-phrê Cô-xtơ, thư ký công đoàn kim khí và là Ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Pháp.

Cô-xtơ mến đức tính giản dị, trung thực của anh thường đưa anh về nhà chơi. Có khi anh Nguyễn ngủ lại ở nhà Cô-xtơ, hai người nói chuyện với nhau về cách mạng, về phong trào công nhân đến khuya. Anh Nguyễn đem đến cho gia đình Cô-xtơ không khí vui vẻ và thân mật, và anh cũng sẵn tay áo làm việc này việc khác như người nhà. Cháu bé Giắc-cơ-lin, con anh chị Cô-xtơ, quấn quýt với chú Nguyễn, còn bà mẹ của Cô-xtơ thì khen anh Nguyễn là hiểu biết nhiều nhưng rất khiêm tốn và lịch sự. Bà cụ ví anh Nguyễn tài giỏi như Mác-sen Ca-sanh vậy.

Lần ấy, Cô-xtơ dẫn anh Nguyễn đến trụ sở công đoàn quận 17, phố La-giăng-đơ, một phố hẹp nhưng đông vui, ít cửa hiệu lớn nhưng có cái đầm ấm của nhân dân lao động. Cô-xtơ giới thiệu với

Hăng-ri Phra-đanh, thư ký công đoàn quận 17, cùng toàn thể cuộc họp hàng tuần vào ngày thứ hai của công đoàn quận:

– Hôm nay, đồng chí cho phép tôi giới thiệu đây là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đoàn viên công đoàn ngành kim khí từ nay tham gia công việc của Ủy ban liên công đoàn với chúng ta.

Anh Nguyễn tham gia thảo luận mọi vấn đề: Tiền lương, đời sống đất đỏ, tai nạn lao động và anh giới thiệu phong trào công đoàn của anh: “cuộc đấu tranh cho 100 xu”, nghĩa là đòi bọn chủ trả lương 100 xu một ngày. Anh Nguyễn nói bình tĩnh, rõ ràng, ngắn gọn và khi tranh luận anh dùng một lối phân tích có lý, có lẽ.

Đạo này anh ít đi Câu lạc bộ Phô-bua. Anh đến dự buổi nói chuyện của Xê-ma, thư ký công đoàn ngành đường sắt, về đề tài «quyền bãi công của công nhân», và anh gặp tại đây nhiều nhân vật: An-be Lơ-bơ-roong, nhà hoạt động chính trị Pháp ; bá tước Phê-lích Ka-lô-rích, nước Hung-ga-ri ; bác sĩ Bi-tông, nước Cô-lôm-bi ; A-lét-xăng Đờ-ri, nước Chi-lê ; Na-tét, xứ Rê-na-ni ; đại vương Na-ha-ra-gia Đờ Các-pu-ta-la, nước An-ba-ni. Anh Nguyễn không muốn mất nhiều thời giờ vào những cuộc tranh luận ít thiết thực. Anh muốn hành động và phải có hành động cách mạng cụ thể. Là người cộng sản, một thành viên của quốc tế cộng sản, một người yêu nước, một chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng nhân dân các thuộc địa, anh cống hiến tất cả sức lực và tâm hồn cho cách mạng. Gánh vác những trách nhiệm ấy không phải là dễ dàng giữa đất Pa-ri.

Lê-nin khi còn ở Pa-ri nhận xét rất đúng: “Đối với người ít tiền thì sống ở Pa-ri rất chật vật và cũng rất mệt. Nhưng nếu đến chơi vài ngày, đi thăm nó một vòng thì không có thành phố nào đẹp hơn và vui hơn”. Anh Nguyễn không phải là người du lịch. Anh là người lao động và người hoạt động cách mạng giữa Pa-ri. Ở đại hội Mác-xây về, anh được chủ hiệu Le-nê cho biết cảnh sát đến cửa hàng làm rầy rà luôn vì đã thuê mượn anh là một người “cộng sản quấy rối”. Le-nê bao3a phải đi xin được giấy căn cước thì cửa hiệu mới dám tiếp tục thuê, và trong khi chờ đợi, hạ lương anh từ 120 phrăng xuống còn 80 phrăng một tháng.

Đây là thủ đoạn của nhà cầm quyền hòng gây khó khăn cho anh. Chúng thấy anh là cái gai lớn đối với chúng, là sự đe dọa ghê gớm nền thống trị của chúng ở các thuộc địa. Chúng muốn tìm có bắt

giam anh nhưng chúng còn sợ dư luận. Anh Nguyễn đã trở thành một nhân vật có tên tuổi trong Đảng cộng sản Pháp. Bên cạnh anh là cả một lực lượng công nhân Pháp hùng hậu, là rất nhiều trí thức nghị sĩ nổi tiếng của Pháp, là những tòa soạn báo Pa-ri hết lòng ủng hộ và bên vực anh. Anh còn có một hậu thuẫn rất lớn là Đoàn thanh niên cộng sản Pháp mà anh thường đến thăm, nói chuyện và gửi tới những tình cảm triêu mến của người cùng lứa tuổi đồng thời là người cán bộ từng trải đã góp phần khai sinh Đảng cộng sản. Lần Trung ương Đoàn họp hội nghị cán bộ toàn quốc mở rộng ở phòng Lơ-gia-ri-te, phố Săm-brơ-ê Mơ-dơ thuộc Pa-ri, cả hội trường đầy sức trẻ ấy đứng lên vỗ tay hồi lâu chào đón anh Nguyễn Ái Quốc. Bằng lối nói dễ hiểu với những hình ảnh sinh động, thực trạng nhân dân thuộc địa và lịch sử đấu tranh của đồng bào anh.

Vào lúc này, bộ trưởng thuộc địa Pháp gửi điện mật cho toàn quyền Pháp ở Đông Dương cho biết chính phủ Pháp có ý định bắt giữ Nguyễn Ái Quốc rồi đưa về Việt Nam vì Nguyễn còn ở Pháp thì còn ảnh hưởng lớn đến tình hình các thuộc địa. Viên toàn quyền Đông Dương giãy nảy lên, điện trả lời không đồng ý, cho rằng cứ để Nguyễn Ái Quốc ở Pháp là thượng sách, đưa về Việt Nam thì càng lời thô to. Bộ trưởng địa lại gợi ý nên chẳng đưa Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu Văn, một nhượng địa của Pháp ở Trung Quốc. Toàn quyền Đông Dương cũng không tán thành, sợ Nguyễn Ái Quốc sẽ từ đó càng dễ chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Chính quyền Pháp đau đầu với vấn đề Nguyễn Ái Quốc.

Một buổi trưa, đi làm về, bà già giữ nhà đưa cho anh Nguyễn một bức thư. Đây là thư của bộ trưởng thuộc địa Pháp An-be Xa-rô mời anh đến gặp. Vài hôm sau, anh Nguyễn đến phố U-đi-nô, nơi đóng cơ quan Bộ thuộc địa. Một khu nhà chạy dọc ba mặt phố, tường xám mốc, lính gác oai vệ dưới vòm cửa nặng nề, qua cái sân lát đá thì bước vào phòng khách của Bộ. Anh Nguyễn vừa đến thì một viên tùy phái mặt áo đuôi tôm đen, mang xiềng bạc lủng lẳng trước ngực ra đón mời vào. Trong gian phòng rộng, lộng lẫy, bày nhiều đồ quý lấy từ các thuộc địa về, Xa-rô đầu hói nhẵn bóng, mang kính trắng một mắt, đang ngồi bên một cái bàn to. Thấy anh Nguyễn vào, y đứng dậy bắt tay và mời ngồi với một sự lễ độ giả dối.

Trước mặt anh Nguyễn là một tên trùm thực dân thét ra lửa, thống trị nhiều thuộc địa gồm bốn triệu ki-lô-mét vuông và 60 triệu dân, nói hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Y nắm trong tay tiền của, vàng bạc, binh lính, cảnh sát, mật thám, tòa án, trại giam... ở tất cả những nước đó. Còn anh Nguyễn, anh chỉ là một thanh niên yêu nước, một người trong số hàng chục triệu người bị Pháp bắt làm nô lệ. Xa-rô, chúa tể các thuộc địa, có thể bắt giải anh Nguyễn về Việt Nam, gán cho cái tội tuyên truyền cộng sản rồi đưa anh lên máy chém. Anh Nguyễn thì chỉ dựa vào chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pa-ri và toàn nước Pháp. Hai giai cấp, hai chế độ, hai thế giới quan ngồi đối diện mặt nhau. Thế nhưng anh Nguyễn cảm thấy Xa-rô sợ anh và sợ cách mạng.

Xa-rô nhìn anh Nguyễn chằm chằm, vừa lấy tay vẽ trên bàn vừa nói hùng hổ:

– Hiện nay có những kẻ ngông cuồng ở Pháp. Họ liên lạc với bọn ôn-sê-vích ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó. Họ âm mưu phá rối trật tự an ở Đông Dương và chống đối lại nước bảo hộ. Nước Mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Chúng tôi đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này...

Nói đến đó, Xa-rô nét mặt hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ một vật gì rất cứng rắn. Anh Nguyễn bình tĩnh, ung dung, mỉm cười để mặc y nói. Cái mỉm cười ấy làm cho Xa-rô vừa bực vừa sợ. Khi y dứt lời, anh Nguyễn hỏi:

– Ông nói xong rồi chứ?

Thấy dọa nạt không được, Xa-rô liền đổi giọng và nói ôn tồn:

– Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt nhưng, còn phải “thức thời” mới được.Ồ này ! Khi nào ông cần gì, tôi luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...

Anh Nguyễn nói:

– Cảm ơn ông ! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do. Tổ quốc tôi được độc lập. Ông ở lại, tôi xin phép về.

Anh ra khỏi Bộ thuộc địa, xuống ga xe điện ngầm Đuya-rốc ở ngay cạnh đó hơn trăm mét, cười trong bụng thủ đoạn của tên cáo già thực dân.

Anh Nguyễn đến quận cảnh sát 17, Pa-ri, xin giấy căn cước mới. Người ta đòi anh nộp nhiều thứ giấy tờ phức tạp và khai đầy đủ lý lịch cùng mọi hoạt động của anh từ khi rời Tổ quốc. Đây chì là âm mưu không cấp cho anh giấy căn cước để anh sẽ không thể đi lại dễ dàng trên đất Pháp. Viện lý anh không đủ giấy tờ hợp lệ và anh mắc bệnh đau phổi, chủ hiệu Le-nê không thuê anh làm nữa.

Sẵn nghề trong tay anh mở hiệu ảnh tư. Gọi là cửa hiệu, thật ra vẫn là căn buồng trọ tồi tàn của anh trong nhà số 9, ngõ Công-poanh, sắm thêm ít đồ chụp ảnh và rửa ảnh. Người ta đọc nhiều loại quảng cáo của anh đăng trên một số báo của Pa-ri hồi đó, như: “Ảnh chân dung nghệ thuật, từ 20 phrăng trở lên, có khung từ 40 phrăng, Nguyễn Ái Quốc, nhà số 9, ngõ Công-poanh, quận 17, Pa-ri. Đối với các tỉnh và thuộc địa: khách hàng chịu tiền đóng gói và cước gửi bưu kiện”. Hoặc: “Nếu bạn muốn giữ kỉ niệm sinh động về người thân và bạn bè của mình, hãy phóng đại ảnh tại nhà Nguyễn Ái Quốc, số 9, ngõ Công-poanh, quận 17. Ảnh chân dung tốt khung ảnh đẹp từ 45 phrăng trở lên”.

45 phrăng cả khung, theo thời giá, là quá rẻ, và người thợ ảnh phải lao động vất vả, tự làm lấy cả khung, cửa, bảo, ghép lấy gỗ mới giữ được giá đó.

Nghề ảnh không đủ sống, anh Nguyễn phải làm thêm nghề vẽ thuê trên quạt giấy, chụp đèn, vẽ giả đồ cổ Trung Quốc hoặc kẻ chữ biển hàng cho những nhà bán than trong quận, một loại cửa hàng khá phát triển sau chiến tranh. Mật thám Pháp theo dõi anh, báo cáo cấp trên và thông báo cho mật thám Đông Dương như sau: “Làm những nghề nói trên, Nguyễn Ái Quốc được trả tiền công rất tồi. Nguyễn sống cực khổ”. Mùa rét anh vẫn chỉ có viên gạch nung để sưởi. Nhiều ngày, anh tự kho cá để ăn dần. Anh còn hăng hái giúp đỡ một số kiều bào ta không có chỗ ăn đến ở chung tạm với anh ít ngày tại nhà số 9. Nhường giường, nhường cơm cho đồng bào, đồng chí, anh luôn vui vẻ, với tình thương yêu, đùm bọc chân thành, no đói, vui buồn có nhau. Những người ở nhờ anh thời gian tương đối lâu có: Trần Xuân Hộ, Tạ Đình Cao. Và anh lại dắt cả một lớp

người mới theo anh đi hoạt động cách mạng, vào hội Hội những Việt Nam yêu nước và một số được anh tuyên truyền, tổ chức đưa vào Đảng cộng sản Pháp. Có cả những kiều bào ở tình xa đến thăm anh, hỏi ý kiến anh như Nguyễn Văn Gi, tức đồng chí Bùi Lâm, ở nhà số 35 phố Ét-xti-man-vin, thành phố Lơ Ha-vrơ; Nguyễn Văn Liên, nấu bếp cho viên quan Ba Ru ở thành phố Tua ; Nguyễn Duyên, thợ ảnh ở Ca-xtơ-rơ, những người sau này về nước truyền bá rộng rãi tư tưởng và lời kêu gọi đấu tranh của anh Nguyễn, kể lại cho đồng bào trong nước nghe những câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của anh.

Ở Pa-ri xuất hiện một số tổ chức Việt kiều được thực dân Pháp nuôi dưỡng hòng chia rẽ phong trào Việt kiều yêu nước và tranh giành quyền chúng với Hội những Việt Nam yêu nước của anh Nguyễn. Đây là “Hội tương tế những người Đông Dương” ở phố Xom-mơ-ra và hội “Ái hữu những người lao động chân tay Đông Dương” ở phố Phơ-dăng-đơ-ri. Anh Nguyễn cùng anh em đồng chí dành thời giờ đi tuyên truyền, chỉ ra cho những kiều bào trong hai tổ chức nói trên thấy rõ âm mưu thâm độc của thực dân và vận động họ gia nhập tổ chức chân chính của những kiều bào yêu nước tại Pháp.

Ngày nào cũng thế, từ sáng đến trưa anh Nguyễn làm nghề ảnh, từ chiều đến tối đêm đi thư viện đọc sách, đi hoạt động cách mạng, đi họp, đi dự mít tinh và đến dự các buổi nói chuyện chính trị, hoạt đến các tòa báo cách mạng. Người thanh niên ấy, khi giác ngộ chủ nghĩa Lê-nin hăm hở lao vào quần chúng, vào cuộc đấu tranh, đem đường lối mà mình tin là tuyệt đối truyền tới quần chúng và nhấn nạy từng ngày xây dựng lực lượng cách mạng. Những ngày tháng này rất quý giá đối với anh, giúp anh học được cách tổ chức một Đảng và một phong trào tổ chức cho những người cùng chí hướng đấu tranh cho một mục đích chung. Ở con người anh toát lên sự say mê lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và giải phóng nhân dân, cùng với hòa bão nồng cháy được thực hiện cuộc cách mạng trên toàn thế giới. Từ lời nói đến việc làm, từ đời sống riêng đến công việc chung, từ tình bạn đến quan hệ đồng chí, tất cả ở anh là tinh thần quên mình cống hiến tất cả cho lý tưởng và niềm tin lạc quan phơi phơi ở thắng lợi cuối cùng, gạt sang bên mọi ham muốn vật chất và mọi tính toán cá nhân.

Buổi nói chuyện của anh ở Hội bác học nhà số 8, phố Đăng-tông, nơi Lê-nin từng năm lần đến diễn thuyết, đã thu hút hàng trăm người nghe. Anh nói về sự tàn ác của bọn thực dân ở Đông Dương, giới thiệu cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, tả tỉ mỉ những hành động khát máu của tên công sứ Đắc-lơ và anh kết luận: “Tình hình này đã quá kéo dài và nó phải chấm dứt. Chúng ta có đủ cách để chấm dứt nó và chúng ta tin tưởng sẽ chấm dứt được nó bằng cuộc cách mạng của chúng ta”.

Cách mạng, đó là điều nhân dân đang mong chờ, nhưng phải làm rất nhiều việc để mọi người hiểu được, như anh đã trình bày tại Đại hội Đảng ở Mác-xây, rằng muốn giải phóng mình, mỗi dân tộc phải trông vào sức mình là chính và tự mình tổ chức lấy cuộc vùng lên. Công cuộc này vô cùng khó khăn và hơn bất cứ ai, bằng cuộc khảo sát rộng lớn và những kinh nghiệm phong phú của mình, anh thấy được tất cả những trở ngại. Bọn thực dân Pháp là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và tạo ra một chế độ kìm kẹp rất tinh vi đối với dân thuộc địa. Một câu nói cách mạng, một tờ báo cách mạng đều là cái cớ để chúng tổng giam. Một chiến sĩ cách mạng nào định giáo dục đồng bào mình cũng dễ sa vào nanh vuốt quân thù. Nhân dân bị kìm hãm bởi chính sách ngu dân, tuy có tinh thần bất khuất, muốn độc lập, tự do, nhưng chưa hiểu biết nhiều. Diện tích các thuộc địa rất rộng, giữa xứ này với xứ khác trình độ văn hóa, kinh tế và chính trị khác nhau, trừ sự cùng khổ. Giai cấp vô sản ở chính quốc nói chung còn thờ ơ đối với vấn đề thuộc địa là gì và mọi khía cạnh của chủ nghĩa thực dân. Chủ nghĩa đế quốc tạo ra sự nghi kỵ lẫn nhau giữa giai cấp vô sản ở chính quốc và nhân dân cùng vô sản ở thuộc địa.

Anh Nguyễn đến làm việc ở ban nghiên cứu thuộc địa cùng nhóm phụ trách hoàn thành lời kêu gọi tháng 1-1922 gửi nhân dân thuộc địa:

“Chúng tôi hiểu nỗi đau khổ của các bạn, nhưng các bạn chưa hiểu nỗi đau khổ của chúng tôi. Có lẽ các bạn cho rằng tất cả mọi người ở Pháp đều có quyền hành và ai cũng muốn giữ các bạn trong vòng nô lệ.

Thật ra những người gây ra sự làm than cho các bạn và giữ các bạn trong cảnh khổ đó để lợi dụng chỉ là một số ít, chúng có quyền

hành vì chúng giàu. Chúng tôi là số đông và đang đấu tranh chống lại chúng vì chúng tôi cũng như các bạn là nạn nhân sự tàn bạo của chúng. Các anh em người bản xứ thấy rõ chúng tôi cùng với anh em có chung một kẻ thù là bọn chủ của chúng tôi. Chúng tôi thành lập ở đây một chính đảng lớn đấu tranh để giải phóng những người bản xứ ở thuộc địa bị bắt làm nô lệ.

Chúng tôi yêu cầu các bạn giúp đỡ chúng tôi trong nhiệm vụ đó, vì, các bạn và chúng tôi, chúng ta cùng chung một lợi ích. Chúng tôi yêu cầu các bạn coi chúng tôi như bạn và anh em của các bạn. Chúng tôi sát cánh với các bạn trong cuộc kháng chiến và đấu tranh của các bạn chống sự tham tàn của bọn thực dân, sự hung bạo của bọn cai trị và binh lính, bọn này có những tên đồng lõa là bọn quan lại bản xứ.

Ngày mà chúng ta sẽ được tự do nhờ ở thành công của sự thay đổi mà chúng ta đang chuẩn bị đây, sự làm than khổ cực của các bạn sẽ chấm dứt. Lúc đó các bạn sẽ có thể tự điều khiển lấy công việc của mình và kết quả lao động của các bạn sẽ thuộc về các bạn. Mối quan hệ giữa chúng tôi với các bạn sẽ là những mối quan hệ đoàn kết và liên minh”.

Anh Nguyễn đã làm việc nhiều cho sự hiểu biết lẫn nhau, đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân và vô sản thuộc địa và nhân dân cùng vô sản chính quốc. Chính anh là người đã tạo ra trong Đảng cộng sản Pháp những nhận thức đúng đắn và mối quan tâm sâu sắc hơn đối với vấn đề thuộc địa.

Trong phiên họp của Ban thường vụ Hội liên hiệp thuộc địa gồm Nguyễn Ái Quốc, phụ trách Đông Dương, luật sư Bác-kít-xô, phụ trách đảo Rê-uy-ni-ông, luật sư Blông-cua, phụ trách Đa-hô-mây, Giăng Báp-ti-xtơ, phụ trách Gu-a-đơ-lúp, Mô-ranh-đơ, phụ trách quần đảo Ăng-ti, Ô-nô-ri-ơ, phụ trách Guy-an, Môn-nec-vin, phụ trách Mác-ti-ních, mọi người sung sướng vỗ tay nghe Blông-cua báo cáo:

– Ở tất cả các thuộc địa Pháp đều đã có cơ sở của Hội liên hiệp thuộc địa.

Anh Nguyễn đi với các đồng chí của mình trên hè phố Pa-ri với niềm vui mới nhưng anh đã nghĩ đến những công việc tiếp theo của tư tưởng cách mạng thấm sâu hơn vào quần chúng. Pa-ri với nét

đặc biệt lâu đời là có nhiều quán cà phê, mọc lên ở bất cứ ngõ phố nào. Từ thời Von-te và cách mạng phá ngục Ba-xti, quán cà phê Pa-ri không chỉ là cái quày hàng cao cao, khách hàng ngồi trên những cái ghế lênh khênh để nhấp tách cà phê đặc sánh hoặc ly rượu mạnh. Nhiều khi những quán cà phê Pa-ri ấy còn đón khách là những nhà tư tưởng, nghị sĩ, văn hào và những nhà cách mạng. Và ở đây đã diễn ra những cuộc họp đã đi tới những quyết định làm đảo lộn và thúc đẩy sự tiến lên của thế giới. Lê-nin những năm sống ở Pa-ri hầu như ngày nào cũng ra quán cà phê, ở đây Người gặp những đồng chí của mình ở Pháp hoặc từ nước Nga tới để bàn về cách mạng Nga. Đi trên phố A-ra-gô rộng và yên tĩnh, có hàng cây dẽ cao to um tùm, có bờ tường chạy dài của nhà tù La Xăng-tê, người ta thấy bên dãy nhà số chẵn một quán cà phê nhỏ. Đây là quán cà phê “Hợp tác” mang biển số nhà 28. Ở đây, ngày 19-1-1922, anh Nguyễn Ái Quốc và Ban thường vụ Hội liên hiệp thuộc địa họp quyết định lập ra Hội hợp tác Người cùng khổ nhằm mục đích xuất bản tờ báo Người cùng khổ. Anh Nguyễn học được ở Lê-nin cách sử dụng một vũ khí vô cùng sắc bén và quan trọng là báo chí và anh thấy đã đến lúc phải ra báo để làm công tác tuyên truyền, giáo dục và tổ chức tập thể trong nhân dân các thuộc địa.

Với thói quen làm việc gì đều có chuẩn bị, có nguyên tắc, chế độ, kỷ luật rõ ràng, tiếp thụ được từ nền sản xuất đại công nghiệp, anh Nguyễn trình bày Điều lệ của hội hợp tác Người cùng khổ, được Ban thường vụ thông qua. Bản điều lệ gồm 25 điều khoản nêu rõ Hội hợp tác này là hội kinh doanh sản xuất, mỗi cổ phần đóng 100 phrăng, hùn vốn 15.000 phrăng để ra tờ báo Người cùng khổ, cơ quan bảo vệ các dân tộc thuộc địa Pháp, trụ sở đóng ở Pa-ri. Bản điều lệ còn định rõ tổ chức, quyền hạn, lề lối làm việc của ban nghị sự, ban kiểm soát, đại hội đồng, việc phân bố tiền lãi kinh doanh.

Anh Nguyễn cùng Xtéc-pha-ni, hội viên Hội liên hiệp thuộc địa, viết bản kêu gọi sau đây::

“Pa-ri, ngày 1-12-1922.

Đồng chí thân mến

Đồng chí đã hoặc sẽ nhận được một bản điều lệ của Hội hợp tác Người cùng khổ, Hội này đang được thành lập và sẽ xuất bản một tờ báo cùng tên.

. . . Các bạn ở chính quốc ! Các đồng chí ở thuộc địa !

Vì lợi ích của công lý, sự thật và tiến bộ, cần xóa bỏ khoảng cách giả tạo chia rẽ các bạn. Người cùng khổ là tờ báo đầu tiên có mục đích thực hiện nhiệm vụ không dễ dàng đó. Để có thể thành công trong việc này, chúng tôi kêu gọi sự tận tình của các đồng chí mà chúng tôi biết là luôn luôn vượt lên trên mọi thử thách.

Hãy gia nhập Hội hợp tác Người cùng khổ của chúng tôi hoặc ngay từ hôm nay gửi mua dài hạn báo Người cùng khổ của chúng tôi, hoặc tốt hơn, nếu có thể, đồng chí làm cả hai việc một lúc.

Thành công của chúng tôi tùy thuộc ở sự tận tình của đồng chí và tương lai các thuộc địa tùy thuộc ở sự thành công đó, chúng tôi không ngần ngại mà khẳng định như thế.

Cố gắng lên một chút để giúp chúng tôi, các bạn và các đồng chí sẽ đi theo sự nghiệp hòa bình của nhân loại”.

Tiếc rằng số người đóng cổ phần không đủ và cuối cùng Hội hợp tác Người cùng khổ không thành lập được. Anh Nguyễn quyết định vẫn cứ ra báo Người cùng khổ bằng cách quyên góp tiền trong số các hội viên Hội liên hiệp thuộc địa. Công việc chuẩn bị hết sức khẩn trương. Luật sư Blông-cua lo các vấn đề pháp lý của tờ báo, Xtê-pha-ni đi khảo giá các nhà in và cuối cùng nhà in Lê-măng-xi-pa-tơ-ri-xơ có giá rẻ hơn cả. Anh Nguyễn lo tổ chức bộ biên tập, tòa soạn và anh mời được đại văn hào Hăng-ri Bác-buyt đỡ đầu cho báo Người cùng khổ. Lúc đó Bác-buyt phụ trách hội Clác-tê, một hội quốc tế các nhà văn tiến bộ mà có lần Lê-nin gửi thư chào mừng. Bác-buyt là bạn thân của anh Nguyễn đã hăng hái nhường anh đóng trụ sở báo Người cùng khổ ngay trong cơ quan của hội Clác-tê, số nhà 16 Giắc-cơ Ca-lô.

Đúng ngày 1-4-1922, số đầu tiên báo Người cùng khổ ra mắt bạn đọc với lời chào như sau:

“Thật vậy, trong lịch sử của quần chúng bản xứ các thuộc địa Pháp chưa có một tờ báo nào lập ra để kêu gọi sự thống khổ và sự nghèo nàn chung của họ, không phân biệt xứ sở và chủng tộc. Báo Người cùng khổ ra đời do sự thông cảm chung của các đồng chí Bắc Phi, Trung Phi và Tây Phi thuộc Pháp, ở Ma-đa-ga-xca, ở Đông Dương, Ăng-ti và Guy-an.

Báo Người cùng khổ tố cáo sự lạm quyền về chính trị, độc đoán về hành chính, bóc lột về kinh tế mà nhân dân trên các lãnh thổ rộng lớn ở hải ngoại là nạn nhân. Báo kêu gọi họ đoàn kết lại để đấu tranh cho sự tiến bộ về vật chất và tinh thần chính họ, hô hào họ tổ chức lại nhằm mục đích đòi giải phóng những người bị áp bức khỏi những lực lượng thống trị, thực hiện tình yêu thương và hữu nghị.

Báo Người cùng khổ là vũ khí để chiến đấu, sứ mạng của nó đã rõ ràng: giải phóng con người”.

5.000 tờ báo đầu tiên được đưa về tòa soạn và anh Nguyễn tự tay gấp báo, dán băng, đề địa chỉ lên 200 số gửi về Việt Nam.

Đây là tờ báo đầu tiên tuyên truyền cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa yêu nước chân chính ở nước ta và các thuộc địa.

VIII. CÁCH MẠNG

Tên báo Người cùng khổ in bằng ba thứ tiếng: Pháp, A-rập và Trung Hoa do chính tay anh Nguyễn dùng bút lông viết. Chỉ điều ấy cũng đã nói lên tính quốc tế của tờ báo. Lần đầu tiên ở Pháp và trên thế giới, nhân dân nhiều nước thuộc địa khác nhau có một tổ chức và một tiếng nói đấu tranh chung. Là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo, anh Nguyễn Ái Quốc gieo hạt giống cách mạng khắp bốn phương và anh lãnh trách nhiệm bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa không chỉ riêng của nhân dân Việt Nam mà của nhân dân các thuộc địa.

Số 1 báo Người cùng khổ ra được nhờ quyết tâm của anh Nguyễn và nhờ tiền đóng góp của tám người: Nguyễn Ái Quốc cho 25 phrăng, Blông-cua: 100, Hát-gia-li: 50, Môn-véc-vin: 50, Xtê-pha-ni: 25, Ô-nô-ri-ơ: 10, Ra-lai-mông-gô: 10, Phuốc-ni-rê: 10. Anh Nguyễn tự nguyện ủng hộ báo đều đặn mỗi tháng 25 phrăng, mặc dù anh rất nghèo. Và anh đã giữ đúng lời hứa như thế.

Lúc đầu báo Người cùng khổ ra mỗi tháng một kỳ, một năm báo giá ba phrăng. Mỗi lần báo ra, ngoài 200 tờ anh Nguyễn lấy gửi về Việt Nam, tòa soạn còn gửi 500 tờ đi Ma-đa-gát-xca, 400 tờ đi Đa-hô-mây, 200 tờ đi Bắc Phi, 100 tờ đi châu Đại Dương. Nghị sĩ trùm thực dân U-tơ-rây, “đại biểu” của Nam Kỳ, nói ở hạ viện Pháp rằng mỗi tờ báo Người cùng khổ có hàng trăm tờ truyền tay nhau trong nhân dân Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nam Định. Lúc ấy có người mua tới mười đồng Đông Dương một tờ Người cùng khổ để xem.

Ban nghiên cứu thuộc địa của Trung ương Đảng cộng sản Pháp cử Ca-mi La-ri-be, đến giúp anh Nguyễn phát hành báo Người cùng khổ. La-ri-be, người An-giê-ri, mới từ An-giê đến Pa-ri học Đại học Y khoa. La-ri – anh Nguyễn thường gọi La-ri-be một cách thân mật như thế - kém anh Nguyễn năm tuổi, thường theo anh Nguyễn đi dự sinh hoạt Câu lạc bộ Phô-bua và được anh Nguyễn chỉ cho biết các diễn giả cùng quan điểm của họ. La-ri thấy nhiều diễn giả là bạn quen của anh Nguyễn. Đây là nhà thơ, nhà báo Gioóc-giơ Pi-ô-sơ,

người tôi béo, có tính thương người, một thời gian ngắn làm bí thư Đảng bộ tỉnh Xen và có thời kỳ bị anh em đồng chí phê phán cái quan niệm cho rằng Đảng là “tổ chức của tình hữu nghị vĩ đại”. Đây là nhà thơ vô chính phủ Han Ri-ne. Đây là Ra-pô-po, người bảo vệ chủ nghĩa mác-xít khoa học.

La-ri còn đi với anh Nguyễn để giúp bảo vệ anh những lần anh diễn thuyết về chống chủ nghĩa thực dân. Ở hội trường Hội bác học, thường có bọn phản động đến phá phách và quấy rối các buổi nói chuyện của phe tả. Hồi đó, bọn bảo hoàng trong tổ chức “Ca-mô-lô đuy Roa”thuộc phe đảng “Hành động Pháp” làm chúa đường phố trong khu la-tinh ở Pa-ri, mỗi lần anh Nguyễn đến phòng họp phải đề phòng bọn chúng khiêu khích hành hung.

Hàng tuần, đến kỳ báo Người cùng khổ in xong, La-ri tới đóng gói thành những bó 10, 20 hoặc 50 số một, còn anh Nguyễn thì ngồi viết tay lên băng báo địa chỉ người nhận rồi tự anh đem ra bưu điện gửi hoặc đem phát hành lấy. Anh Nguyễn đem báo đi bán trong bà con kiều bào, kể cả trong số anh em công nhân Việt Nam đang làm tại Pháp. Họ không biết chữ Pháp để đọc Người cùng khổ nhưng họ vẫn thích mua vì họ biết báo này chửi thực dân Pháp, mua rồi họ nhờ anh em công nhân Pháp đọc cho họ nghe. Ở Pa-ri có những quầy bán báo lấy tiền hoa hồng. Một số quầy này là của các đồng chí đảng viên cộng sản anh Nguyễn quen, các đồng chí ấy bán hộ báo cho anh Nguyễn mà không lấy tiền hoa hồng và bán được khá nhiều báo. Các số báo Người cùng khổ vừa ra bán tại Pa-ri đều được Bộ thuộc địa Pháp cho người đi mua gần hết. Máy chuyển đầu tiên báo Người cùng khổ gửi đi các thuộc địa, đều bị mật thám, cảnh sát tịch thu, người đưa báo thì bị bắt vào tù. Về sau, anh Nguyễn nhờ anh em thủy thủ Pháp lập cả một hệ thống bí mật chuyển báo về các thuộc địa thì không xảy ra việc gì, vì họ là người Pháp không bị khám xét. Nhưng rồi bọn thực dân cũng dò thấy. Sau cùng anh Nguyễn dùng đồng hồ có chuông, tháo máy ở trong ra, bỏ báo Người cùng khổ vào để chuyển về các thuộc địa. Cách gửi như vậy hơi đắt, nhưng báo về được tới các thuộc địa truyền bá tư tưởng cách mạng.

Anh Nguyễn đem báo đến bán ở các cuộc mít tinh đông người dự. Anh phát không báo cho mọi người rồi rồi anh lên diễn đàn nói:

“Báo này nói cho các bạn biết bọn thực dân áp bức chúng tôi như thế nào. Báo này để biểu thôi. Nhưng bạn nào có lòng tốt giúp báo, một xu, một quan cũng được, thì chúng tôi cảm ơn”.

Nhiều người hăng hái cho tiền và anh Nguyễn có đủ tiền để trả những khoản phí tổn về báo. Nhiều kiều bào ở Pa-ri và các tỉnh bí mật gửi tiền ủng hộ báo của anh Nguyễn vì sợ mật thám theo dõi hoặc sợ liên lụy. Một hôm, một anh sinh viên Việt Nam con một tay cờ lớn của thực dân đến tòa báo anh Nguyễn, đặt lên bàn năm phrăng nói là để ủng hộ báo rồi chạy nhanh như sợ cọp vồ.

Số người ủng hộ cho báo Người cùng khổ này một nhiều và số người mua báo dài hạn cũng tăng. Anh Nguyễn sung sướng nhận được thư của nhiều kiều bào ta ở Pháp, của người đọc ở những thuộc địa xa xôi gửi về Pa-ri hỏi mua báo, có người muốn mua lại từ số đầu. Một hôm anh nhận được bức thư dưới đây của một người dân thuộc địa:

“Kính gửi ông Nguyễn Ái Quốc,

Hôm qua, khi ra khỏi khách sạn ở tại số nhà 12 phố Ê-côn, Pa-ri, tôi gặp một ông đẹp trai đưa tay tôi một số báo Người cùng khổ. Tôi rất sung sướng được cầm tờ báo. Tôi mới tới Pa-ri được một tuần nay. Đúng như lời người ta đồn, báo Người cùng khổ luôn luôn mở chiến dịch bảo vệ chủng tộc chúng tôi. Tôi xin sẵn sàng gửi tới Bộ biên tập báo sử dụng một vài bài nhỏ nói về tình hình của nước Cộng hòa Ha-i-ti của chúng tôi.

Trong khi chờ đợi tôi xin mua một năm báo của ông.

Kính chào ông.

Lơ-vay-ăng Ca-đê

Khách sạn “Vườn Mông giơ”

Số nhà 12, phố Ê-côn, Pa-ri.”

Và nhiều thư khác từ Mác-ti-ních, Xê-nê-gan, Đa-hô-mây, từ nhiều nơi trên đất Pháp gửi đến cổ vũ anh.

Anh Nguyễn là người phụ trách chủ chốt của tờ báo nhưng anh nêu ra một lối làm việc cụ thể. Ban biên tập báo thường xuyên họp, định nội dung số báo tới, đề tài các mục, phân công người viết và duyệt tập thể các trang báo. Anh Nguyễn viết khỏe nhất và nhiều nhất, có số anh viết tới ba, bốn bài.

Chính từ đây và từ năm 1922 này, người đọc được thấy những bài báo đầy tính chiến đấu mãnh liệt của anh Nguyễn, với một lối viết điêu luyện có chất lượng cao vượt hẳn một bậc so với những bài anh viết những năm trước. Đến thời điểm này, vốn kiến thức uyên bác, vốn sống phong phú và vốn hiểu biết thời sự chính trị rất sâu sắc của anh được phát huy đến mức cao với tất cả độ trong sáng và tính vững vàng. Anh đã chua cay với tất cả những cái gì là tàn ác, xấu xa, lố bịch của kẻ thù dân tộc. Anh bảo vệ thiết tha và hăng say, với tất cả tấm lòng cách mạng của mình, mọi nguyện ước và ước mơ của các dân tộc thuộc địa.

Anh kể, anh tả cuộc sống của người dân thuộc địa ở các châu khác nhau và anh khái quát lại:

“Đác-uyn, nhà đại thông thái Đác-uyn, từng biết rằng con người của một con ếch xứ Ô-véc-nhơ tròn hơn con người một con ếch xứ Nốt-tinh-ham, và đuôi con chim bồ câu ở Mê-hi-cô có nhiều hơn đuôi chim bồ câu ở Thụy Điển ba cái lông ; nhưng ông hoàn toàn không biết gì đến một loài động vật rất đông đúc mà ai cũng biết, và do số lượng và tính chất của nó, loài động vật này có thể liệt vào hàng đầu các loài động vật.

Đấy là loài dân bản xứ thuộc địa, *colonide indigena*”. Thật là cười ra nước mắt và căm hờn.

Anh Nguyễn viết công kích bọn tay sai thực dân bán rẻ lương tâm và Tổ quốc:

“Trong đám tang ông toàn quyền Lông, ông Nguyễn Khắc Vệ, tiến sĩ luật, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế, làm việc tại viện công tố Sài Gòn, đã quả quyết rằng nếu có thể phát biểu ý kiến thay đoàn thể Đông Dương, thì ông sẽ đau đớn nói lên lời cảm tạ thiết tha đối với quan toàn quyền về tất cả những công ơn của ngài đối với dân tộc Việt Nam. Rồi ông Vệ cất cao giọng lên nói tiếp:

“Những người nhờ chính sách đại lượng của ngài, ngày nay được tham dự cùng các vị đại diện của Nhà nước bảo hộ vào việc xây dựng xứ Đông Dương ngày càng thêm cường thịnh, những người ấy đã cảm thấy mối ơn sâu sắc của ngài và tôn kính ghi sâu hình ảnh của ngài. Kinh tế là vấn đề ngài lo nghĩ nhiều nhất. Ngài đã muốn cho Đông Dương cũng có đủ trang bị về kinh tế để trở thành

một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp hùng cường ở Viễn Đông, một chi nhánh của nước cộng hòa Đại Pháp.

Ngài đã đem hết tâm hồn trí não vào sứ mệnh của ngài là khai hóa cho một dân tộc bị ngừng trệ trên con đường tiến bộ vì nhiều điều kiện lịch sử và khí hậu. Ngài là người chiến sĩ vô song của tiến bộ và là sứ giả của văn minh”.

Còn ông Cao Văn Sen, kỹ sư, hội trưởng Hội những người Đông Dương tại Pháp, thì nói rằng việc ông Lông chết sớm là cái tang đau đớn cho Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài diếu văn bằng những lời sau đây:

“Thưa quan toàn quyền, chúng tôi chân thành khóc ngài, bởi vì, đối với tất cả chúng tôi ngài là một ông chủ bao dung, khoan hậu như một người cha:.

Về những việc này tôi xin kết luận rằng, nếu quả thật tất cả mọi người Việt Nam đều rập mình sát đất như cái lũ được chính phủ Pháp vẽ mào vẽ mặt ấy, thì người Việt Nam có phải chịu số kiếp nô lệ, cũng là đáng đời !”.

Anh Nguyễn còn sôi nổi tuyên truyền ủng hộ cách mạng tháng Mười Nga, giới thiệu chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối của Quốc tế cộng sản. Giữa lúc bọn đế quốc và giai cấp tư sản thi nhau đả kích, vu cáo, xuyên tạc Quốc tế cộng sản thì báo Người cùng khổ lớn tiếng bênh vực, ca ngợi Quốc tế cộng sản và đường lối giải phóng các dân tộc thuộc địa của nó. Trang nhất báo có những bài viết:

“Quốc tế cộng sản đấu tranh không ngừng chống sự tham tàn của bọn tư sản ở tất cả mọi nước trên thế giới.

Liệu Quốc tế cộng sản có thể quay đi một cách đạo đức giả từ bỏ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không?

Quốc tế cộng sản đã tuyên bố công khai rằng nó ủng hộ và tham gia cuộc đấu tranh đó, và, trung thành với mục tiêu đã đề ra, nó tiếp tục tăng cường sự ủng hộ đó”.

Báo Người cùng khổ còn có bài với lửa nhiệt tình cộng sản chủ nghĩa như sau:

“Hỡi anh em lao động ở các xứ thuộc địa ! Anh em hãy biết rằng không phải bọn tư sản nuôi chúng ta mà bằng sự lao động của anh em, chính chúng ta làm cho chúng ta sống giàu sang. Nếu anh em vùng dậy một cái thì cái đám ký sinh trùng ấy sẽ tan rã.

Anh em đông hơn rất nhiều bọn chủ, nếu anh em biết đoàn kết với tất cả những người bị bóc lột trên thế giới cùng nhau đấu tranh thì anh em sẽ sống một đời sống thực sự tự do trên quả đất này.

Hỡi anh em lao khổ ! Hãy đoàn kết lại ! Xiết chặt hàng ngũ của chúng ta chung quanh lá cờ Quốc tế cộng sản, lá cờ này là lá cờ duy nhất để giải phóng những người bị áp bức...

Để bắt đầu hiểu học thuyết của Quốc tế cộng sản, chúng tôi mời anh em nghiên cứu sách vở của Các Mác.

Vả lại anh em đã trông thấy cái gương xán lạn của sự thực hiện học thuyết Mác, chính là chế độ xã hội mới của Nga xô-viết.

Từ sáu năm nay, chế độ xã hội này đánh thắng tất cả các sự can thiệp và âm mưu của chủ nghĩa tư bản thế giới ; mặc dù nó phải đụng đầu với những khó khăn vô cùng như phản cách mạng, chiến tranh, phong tỏa, hạn hán, đói rét, nó vẫn tiếp tục sống và tiếp tục giàu mạnh lên.

Điều đó chứng tỏ rằng nó có một sức sống không gì lay chuyển nổi.

Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta mới tìm được sự giải phóng của chúng ta”.

Anh Nguyễn nhiều lần khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của giai cấp công nhân và chỉ có Đảng cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân, mới lãnh đạo được cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn. Vào những đầu thế kỷ, lúc chủ nghĩa đế quốc còn rất mạnh, giai cấp công nhân ở Việt Nam và các thuộc địa còn rất nhỏ bé, tư tưởng ấy của anh Nguyễn là một quan điểm rất cách mạng, táo bạo và sáng suốt. Từ cuộc gặp gỡ của anh với tư tưởng vĩ đại của Lê-nin, anh thấy sự cần thiết phải trang bị cho cách mạng Việt Nam tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và một chính đảng của giai cấp công nhân.

Trong các bài báo, anh Nguyễn thường đưa ra những sự việc cụ thể, so sánh và phân tích có sức thuyết phục, định rõ thái độ của

mình một cách dứt khoát, rút ra những bài học và kinh nghiệm, từ đó toát ra lý luận cách mạng sâu sắc và sáng tạo của anh. Toàn bộ những bài viết của anh Nguyễn trên báo Người cùng khổ cũng như toàn bộ tờ báo mang rõ nội dung giai cấp, dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Anh Nguyễn còn là họa sĩ chính của báo Người cùng khổ, tác giả của rất nhiều tranh châm biếm in trên trang nhất với những nét vẽ giản dị, phóng khoáng mà dí dỏm, trào lộng như phong cách của anh. Tất cả những bức tranh ấy là bản cáo trạng chủ nghĩa thực dân và đề tài là từ cuộc sống mà anh nhìn thấy: Tây bụng phệ ngồi trên xe tay vênh mặt lên quát người kéo chạy nhanh, dân thuộc địa kiêu Tây thực dân trên vai, lính Tây quát roi đánh người bản xứ...

Anh Nguyễn là người duy nhất độc thân trong ban biên tập báo sống độc thân. Anh vui vẻ làm các việc trình bày báo, đưa bài đi nhà in, sửa bài, chuyển báo từ nhà in về tòa báo ... để các đồng chí khác có vợ con ở Pa-ri có thời gian lo việc gia đình. Ở anh Nguyễn không ai thấy một chút biểu hiện nào của tính ích kỷ, sự hẹp hòi hoặc vun vén của mình, mà chỉ thấy nổi lên ở con người anh đức tính quên mình vì mọi người, hào hiệp và cởi mở. Ban biên tập thay phiên nhau thường trực ở trụ sở báo vào những ngày thứ tư, thứ sáu, chủ nhật để tiếp khách, nhất là tiếp nhiều người các nước thuộc địa đến để kể tình hình và hỏi ý kiến. Nhiều lần các đồng chí của anh bận việc nhà không đến cơ quan báo được, anh Nguyễn lại sốt sắng làm thay.

Bộ thuộc địa Pháp ra lệnh cấm đưa báo vào các thuộc địa. Tờ Tin điện thuộc địa của bọn thực dân phản động ở Sài Gòn viết bài công kích báo Người cùng khổ và gọi anh Nguyễn là "một con người đầy tham vọng". Ban biên tập Người cùng khổ họp quyết định phê phán ngay giọng lưỡi láo xược của tờ lá cải thực dân và giao cho Nguyễn Thế Truyền, một Việt kiều anh Nguyễn mới giới thiệu vào Hội liên hiệp thuộc địa, viết bài trả lời trên báo Người cùng khổ:

"Con người có tham vọng ư? Đúng.

Nguyễn Ái Quốc là con người như thế đấy. Nhưng anh Nguyễn tham vọng cái gì? Tham vọng giải phóng anh em của anh bị rơi vào vòng nô lệ, bị bóc lột dã man bởi bọn thực dân tham tàn. Có tham vọng nào cao quý hơn thế không?

Người viết bài không xưng danh trên Tin điện thuộc địa kia ! Vì người không biết con người của anh Nguyễn, ta muốn giới thiệu cho mà biết. lúc còn ít tuổi, anh đã trông thấy người Pháp chặt đầu đồng bào anh mà anh không hiểu vì sao. Căm giận, anh ra đi, đi xa khỏi cảnh bất công ấy để có thể kêu lên ở nơi khác: Công lý ! Tạm biệt gia đình. Tạm biệt Tổ quốc. thế là anh phải trải qua những gian nguy của di cư và khổ cực, chỉ có sự ủng hộ duy nhất trên thế giới đối với anh là lý tưởng của anh, nhiệt tình của anh và niềm tin ở sự giải phóng đồng bào đau khổ của anh. Ngày nay, anh đấu tranh kiên quyết bên cạnh những người anh em châu Phi và châu Âu. Với nghề “sửa ảnh” nhỏ bé, anh sống vất vả, nhưng trong sạch hơn rất nhiều những quan chức rất quan cánh của thuộc địa.

A, không, anh Nguyễn không phải là bọn người ấy đâu. Không có tiền hô hậu ủng nào theo bước anh đi. Ngực anh không phủ huân chương. Túi anh không có ngân phiếu của chính phủ. Nhưng anh mang nguyện vọng của nhân dân và niềm hy vọng của một dân tộc bị áp bức. Năm ngoái, khi về Đông Dương, tôi được nghe rất nhiều câu chuyện cảm động về anh Nguyễn, nói một cách bí mật, truyền từ cửa miệng này đến cửa miệng khác. Một bà cụ già có hai cháu bị Pháp bỏ tù. Cụ nói với tôi: “Ông ơi, ông có biết ông Nguyễn Ái Quốc không?”. Một đứa trẻ kháu khỉnh nhớ đến người cha, một nhà nho nổi tiếng, bị tình nghi về tư tưởng, bỗng một ngày bị sen đầm Pháp giải đi như một con chó. Đứa trẻ hỏi tôi, trong óc nó còn đầy hình ảnh những anh hùng: “Ông ơi ! Ông Nguyễn Ái Quốc có phải là người bằng xương bằng thịt không, ông?”

Người viết báo Tin điện thuộc địa kia, người không hiểu hoặc vu khống một sự nghiệp cao cả và một sự hy sinh vĩ đại, người hãy câm mồm đi !”

Anh Nguyễn làm việc không chỉ vì đồng bào anh mà còn vì các dân tộc thuộc địa và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Theo đề nghị của anh tại Đại hội Đảng ở Mác-xây, báo Nhân đạo lập ra mục “Nhân đạo với các thuộc địa”. Hàng tuần vào ngày thứ năm, mục này chiếm phần lớn trang ba của báo với nhiều bài do anh Nguyễn viết, thường xuyên nói đến cuộc đấu tranh ở khắp các thuộc địa Pháp và tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Anh cùng với Uy-lít-xơ và Lơ-ri-sơ, trong Ban nghiên cứu thuộc địa, phụ trách mục này và lần đầu

tiên ở Pháp có một tờ báo hàng ngày dành vị trí đặc biệt cho các thuộc địa như thế.

Lần này, Lơ-ri-sơ cùng Ê-ơ-re, cũng trong Ban nghiên cứu thuộc địa hẹn gặp anh Nguyễn có việc cần hỏi bốn giờ chiều tại quán “Vua cà-phê” góc đường Gô-bơ-lanh và đường Xanh Mác-xen. Anh Nguyễn cầm ở tay một túi xách con đến sớm 15 phút. Buổi ấy Ê-ơ-rê cùng Lơ-ri-sơ thông báo để anh Nguyễn biết: Trung ương Đảng cộng sản Pháp quyết định giúp mỗi tháng 350 phrăng cho đảng bộ thuộc địa và báo Người cùng khổ. Hai người còn bàn với anh Nguyễn chủ trương phê phán cuộc họp quốc hội Pháp sắp tới bàn về việc tăng cường khai thác và bóc lột các thuộc địa theo chính sách của Xa-rô. Sau hi đưa tiễn hai đồng chí người Pháp lên xe buýt chạy đường Gô-bơ-lanh – Nốt-đam đờ Lo-rét, anh Nguyễn đến nhà ông Phan Văn Trường ăn cơm và ngủ lại. Hôm sau anh đi rủ Ra-pô-po, nhà lý luận của Đảng, đến gần tòa Quốc hội Pháp để nghe tin diễn biến phiên họp quốc hội. Cảnh sát được tăng cường khá đông, không cho người đi đường đến gần nhà quốc hội, anh Nguyễn không dừng lại ở sự tố cáo tội ác thực dân đã đi sâu phê phán các chính sách phản động của thực dân.

Anh thấy có nhiều việc và nhiều đề tài để tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân. Và người ta có thể dùng nhiều hình thức, thể loại khác nhau. Những truyện của A-na-tôn Phrăng-xơ và Lép Tôn-xtôi cứ đến trong óc anh và theo gương hai nhà văn bậc thầy ấy, anh Nguyễn viết thử một truyện ngắn về đời sống của công nhân Pa-ri mà anh biết rất rõ vì chính anh là công nhân. Viết xong, anh đưa đến ban văn nghệ báo Nhân đạo và nói:

– Đây, tôi viết thử bài này, nhan đề “Pa-ri”. Các đồng chí đảng cho, chỗ nào cần phải sửa thì nhờ các đồng chí sửa cho, tôi không có tính tự ái đâu. Nhờ các đồng chí sửa để tôi học thêm.

Truyện “Pa-ri” đang hai kỳ trong mục “Truyện và ký” ở báo Nhân đạo ra ngày 30 và 31-5-1922, giữa lúc báo đang tập trung công kích chính sách phản động của Poanh-ca-rê. Sau đó, cũng trong mục nói trên, anh chỉ viết chuyện thật ở nước ta và các thuộc địa Pháp. Các đồng chí người Pháp rất thích đọc truyện và ký của anh vì có nhiều chuyện ở thuộc địa mà các đồng chí ấy không biết, cả người dân Pháp bình thường cũng không biết. Sức viết của anh Nguyễn lúc

này rất khỏe và người đọc đón xem những truyện và ký của anh, những bài văn nhẹ nhàng, cô đọng nhưng hết sức phong phú, đầy trí tuệ và giục giã đấu tranh.

Cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân châu Âu giúp anh nhiều kinh nghiệm chủ động tiến công kẻ thù và lợi dụng mọi sơ hở của chúng để đánh trả chúng nhanh nhạy và sắc bén. Anh nhớ nhiều đến kinh nghiệm của Đảng cộng sản Pháp chống tên phản động Poanh-ca-rê cầm đầu chính phủ Pháp lúc bấy giờ. Khi đến thăm một nghĩa địa có hàng nghìn mộ lính Pháp, Poanh-ca-rê nhăn răng cười. Đảng cộng sản lấy được bức ảnh đó cho in ra hàng triệu tấm dưới đề chữ “Poanh-ca-rê nó cười” và bán khắp nước Pháp. Bức ảnh đó gây một phong trào sôi nổi chống Poanh-ca-rê và cuối cùng chính phủ của hắn đổ.

Thực dân Pháp lúc này thi hành một chính sách khai thác triệt để các thuộc địa. Nhằm khuyến khích đầu tư vào các thuộc địa, một triển lãm thuộc địa được dựng lên ở Mác-xây. Khu Đông Dương của triển lãm có đền Ăng-co thu nhỏ, có những ngôi chùa Việt Nam, một phốp của Hà Nội dựng lại, có đoàn múa Khor-me và những chiếc xe tay chạy khắp triển lãm chở “ông tây, bà đầm”. Nhưng thực dân cần có một cái gì đặc sắc hơn đề mua vui người xem và biết ca ngợi nước Mẹ Đại Pháp.

Chiều 21-6-1922, chiếc tàu Poóc-tốt của hang Đầu Ngựa cắm cờ ba góc nền vàng hai vạch đỏ của triều đình Huế cập bến Giô-li-ét trong cảng Mác-xây đưa đến Pháp một ông vua bù nhìn: Khải Định đội chiếc khăn vàng, mặc áo gấm dài thêu đầy rồng, theo sau là đứa con 10 tuổi: Vĩnh Thụy. Một tốp quan lại đội khăn xếp, mặc áo thụng lam đứng trên bến lái lậy. Anh Nguyễn vạch ra sự lố bịch của thứ màn kịch vụng về này. Anh lấy ngay câu chuyện mới xảy ra ở Việt Nam: một tên thực dân Pháp thiêu cháy một công nhân sở xe lửa người Việt Nam gác đường tàu chặn đường khi có tàu chạy, chỉ vì người này mở chậm đường cho hắn đi.

Anh Nguyễn viết:

– Ở Mác-xây người ta trưng bày sự phồn vinh của Đông Dương, còn ở Việt Nam thì dân chết đói. Ở đây người ta ca ngợi lòng trung thành, còn ở Việt Nam thì người ta giết người ! Các ông thấy sao, Đức Hoàng... nghìn lần thượng Khải Định và ngài Xa-rô !

Tái bút: Trong khi cái thân người An-nam như con chó không đáng một trinh thì viên tổng thanh tra Ranh-hác bị xước một tí tay được phụ cấp 120.000 phrăng. Bình đẳng ! Ôi, bình đẳng mến yêu !”

Anh Nguyễn viết kịch thời vở kịch Con rồng tre để chế giễu Khải Định. Đại ý vở kịch như sau: Có những cây tre thân hình quần quẹo. ngừng người chơi đồ cổ lấy đẽo gọt thành con rồng. là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diên có tên và hình dáng của con rồng. Tuy vậy, nó chỉ là một quái vật vô dụng. Khải Định là thứ quái vật đó.

Lê-ô Pôn-đê, chủ nhiệm câu lạc bộ Phô-bua, biết tin, gửi thư cho anh Nguyễn.

“Chủ nhiệm câu lạc bộ Phô-bua: Lê-ô Pôn-đê.

Văn phòng: 38 phố Mát-xơ-va, Pa-ri

Gửi Nguyễn Ái Quốc thân mến,

Tôi nảy ra một ý nghĩ: Báo Nhân Đạo tổ chức vào chủ nhật tới 18-6-1922 một ngày hội lớn tại Gác-sơ có rất đông quần chúng tham dự.

Tôi đã viết thư cho ban tổ chức ngày hội biết rằng Câu lạc bộ Phô-bua cũng như các nhóm khác muốn giúp vào ngày hội không lấy tiền và đề nghị họ cho trình diễn vở kịch chưa từng diễn ở đâu của Nguyễn Ái Quốc kèm theo một cuộc nói chuyện.

Nguyễn gửi ngay cho tôi bản thảo vở kịch của Nguyễn vào ngày thứ ba trước buổi trưa.

Thân ái

Lê-ô Pôn-đê”

Tạp chí văn học nghệ thuật “Câu lạc bộ Phô-bua” số ra ngày 8-6-1922 đăng tin: “Chủ nhật tới, ở ngoài trời, tại Gác-sơ, một thị xã êm đềm gồm hai vạn dân ở ngoại ô Pa-ri, dự ngày hội hàng năm của tờ báo cộng sản Nhân Đạo. Anh Nguyễn Ái Quốc, tay cầm tạp báo Người cùng khổ, đi trong đám đông người tiến về trung tâm khu hội. Trên sân khấu ngoài trời, giữa một công viên đầy bóng mát, trước khi vở kịch Con rồng tre bắt đầu, tác giả Nguyễn Ái Quốc xuất hiện giữa tiếng vỗ tay vang dậy và trước khi giới thiệu vở kịch, anh báo tin: Cúng lúc với những cuộc bãi công của công nhân ở Pháp, ở Việt Nam cũng có những cuộc bãi công của công nhân ở Gu-a-đơ-lúp,

nông dân chống thực dân Pháp bán ruộng đất của xứ này cho bon công ty Mỹ, ở Đa-hô-mây, nhân dân nổi dậy ở Tuy-ni-di, những người cộng sản chống lại cảnh sát.

Cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở thuộc địa, hai cánh của con chim cách mạng vô sản đang hình thành, sẽ vỗ lên và bay cao.

IX. TỔ QUỐC

Bộ trưởng bộ thuộc địa Xa-rô đội mũ dạ, đứng dưới chân thang tàu Poóc-tốt, đưa tay ra đỡ Khải Định. Khải Định tâng bốc: “Nước Pháp là người thầy của chúng tôi. Nước Pháp cầm tay dắt chúng tôi đến tương lai. Từ sự tiếp chạm hai bàn tay đó nảy ra mối thiện cảm và hai chúng ta cùng bước chung nhẹ nhàng trên cùng một con đường”.

Đấy là con đường thực dân và phong kiến ra sức bóc lột nhân dân ta. Triển lãm thuộc địa Mác-xây sắp đóng cửa sau sáu tháng hoạt động thì Xa-rô cũng vừa viết xong cuốn sách dày 675 trang nhan đề “Khai thác các thuộc địa Pháp”. Đây là cương lĩnh của thực dân Pháp vơ vét kinh tế, bòn rút tài nguyên, tiền của trên quy mô lớn ở tất cả các thuộc địa sau chiến tranh thế giới. Tập sách dày ấy kèm theo 15 bản đồ thuộc địa đề ra kế hoạch khai thác triệt để từng thuộc địa và con số cụ thể về lợi nhuận cần thu về Pháp. Xa-rô nói rõ cuốn sách ấy nhằm “thu hút sự quan tâm của mọi người dân Pháp đến những tài sản kỳ diệu ở nơi xa xôi, ở đây, thiên tài có đầu óc thực tế vừa nòi giống Pháp, vì hạnh vận và vinh quang cho Tổ quốc, sẽ đem lại một sáng tạo đẹp nhất của loài người mà truyền thống dân tộc Pháp có thể tự hào”. Xa-rô nói với Ăng-đơ-rê, một tay thuộc địa cáo già khác, bạn chí cốt của Xa-rô và là người giúp Xa-rô sưu tầm tài liệu, số liệu để viết cuốn sách nói trên:

“Dưới bầu trời của nước Pháp ở châu Á, cố gắng của anh giúp đỡ cố gắng của tôi, và hai chúng ta, vì vinh quang và sự giàu mạnh của nước Pháp, chúng ta đã nghĩ ra một kế hoạch khai thác mạnh mẽ nguồn của cải thuộc địa. Mong rằng tập sách này sẽ giúp vào việc thúc đẩy các giai đoạn khai thác đó. Đối với tôi, đấy là tham vọng duy nhất muốn thực hiện vào cuối đời tôi, với tư cách là một người thực dân khiêm tốn, tôi mang công sức cuối cùng của mình vào việc trông nom trang trại mà tôi mơ ước có ở đất nước kia, trước mắt Thái Bình Dương, giữa những đồng cỏ ngát hương thơm ngậy ngát của Chă-m-pa”.

Một người bạn đưa cho anh Nguyễn mượn đọc cuốn “Khai thác các thuộc địa Pháp” của Xa-rô để nghiên cứu. trong buổi họp của ban biên tập báo Người cùng khổ, anh Nguyễn báo tin này, mọi người đề nghị anh Nguyễn ra phố đi mua ngay cuốn đó về để anh giới thiệu, phân tích cho ban biên tập hiểu ý đồ của bọn thực dân. Anh Nguyễn đến tiệm sách đường Xanh Giéc-manh mua về một cuốn, và sau những nhận xét của anh về kế hoạch của Xa-rô, ban biên tập quyết định báo Người cùng khổ từ số tới phê phán nhiều hơn chính sách kinh tế của thực dân tại các nước thuộc địa.

Báo bắt đầu bán chạy hơn. Blông-cua bàn với anh Nguyễn nên mở rộng báo từ hai trang thành bốn trang và từ một tháng ra một kỳ thành một tháng ra hai kỳ. Blông-cua là bạn thân ý hợp tâm đầu của anh Nguyễn. Hơn anh Nguyễn ba tuổi, người đảo Gu-a-đơ-lúp, Blông-cua làm nghề luật sư, có hai con, gia đình ở một khu buồng rộng trên gác sau nhà số 10B. phố Po Roay-an. Blông-cua có nhiều cảm tình với Việt Nam, cho đấy là một nước thuộc địa khổ nhất trong các nước thuộc địa của Pháp. Hai người thường trao đổi ý kiến, bàn bạc công việc chung, chuẩn bị những dự kiến lớn cho Hội liên hiệp thuộc địa và cho tờ báo. Gia đình Blông-cua coi anh Nguyễn như người nhà thân thiết. mỗi lần anh đến chơi, cả nhà vui hẳn lên, cháu gái Ê-li-an tám tuổi trèo lên đùi chú Nguyễn bắt chú dạy toán, dạy chữ La-tinh, và chị An-béc-tin, vợ Blông-cua, vội vã làm món xúp khoai mà anh Nguyễn ưa thích.

Blông-cua gợi ý với anh Nguyễn lúc này tờ báo đang phát triển, nên đi tìm thuê một chỗ làm trụ sở riêng cho tờ báo, không nên nhờ mãi hội Clác-tê. Anh Nguyễn dựa vào kiều bào sống rất đông trong khu la-tinh tìm được một ngôi nhà, nói đúng hơn là một nhà kho chật hẹp trong phố Mác-sê-đê Pa-tơ-ri-ac-sơ, quận 5, Pa-ri, một phố hẹp, hầu như không có cửa hàng buôn bán. Tầng một ngôi nhà số 3 mà anh Nguyễn thuê được gồm một buồng ngoài giáp phố mỗi bề khoảng ba mét, thông với một buồng xép ở phía trong chỉ đủ kê một cái bàn con. Buồng ngoài có một cầu thang gỗ gắn gần như dựng đứng dẫn xuống một buồng con dưới hầm. Nhà không có nước, không có lò sưởi và không cầu tiêu, thuê mất 100 phrăng một tháng, vừa túi tiền của Người cùng khổ giữa Pa-ri.

Tòa soạn báo Người cùng khổ chuyển từ Giắc-cơ Ca-lô về số 3. phố Mác-sê-đê Pa-tơ-ri-ác-sơ. Nhà ày cũng trở thành trụ sở của Hội liên hiệp thuộc địa. Buồng ngoài dùng làm bàn giấy tiếp khách, buồng trong là chỗ làm việc, có khi là chỗ ngủ lại đêm của người thường trực cơ quan báo. Buồng dưới hầm làm nơi phân phối báo và hội họp cho được kín đáo vì suốt ngày đêm trước cửa nhà có cảnh sát, mật thám đi đi lại lại nhòm ngó và nhất là tướng Vây-găng, chỉ huy lính Pháp ở Bắc Phi vừa mới đề nghị chính phủ Pháp phải xóa bỏ sự tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản ở thuộc địa từ gốc của nó là tòa soạn báo Người cùng khổ.

Buổi họp đầu tiên của ban phụ trách báo ở trụ sở mới vào ngày 20-9-1922 có anh Nguyễn dự bàn nhiều công tác mới, duyệt dự toán chi tiêu cho việc mắc ba ngọn điện ở ba buồng hết 250 phrăng và tán thành đề nghị của anh Nguyễn định lại giờ giấc thường trực tiếp khách tại trụ sở như sau: chủ nhật từ 10 giờ sáng đến 12 giờ trưa, thứ ba và thứ năm từ 20 giờ đến 22 giờ, vì tối thứ tư nhiều đồng chí mắc bận, anh Nguyễn đi họp chi bộ Đảng hàng tuần ở quận 17, Môn-néc-vin đi học tiếng Anh. Sáu người được chỉ định thay phiên nhau thường trực gồm: Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Văn Ái, Blông-cua, Xtê-pha-ni, Môn-néc-vin và La-pô-lô-nhơ.

Hầu hết các ngày trong tuần anh Nguyễn có mặt ở tòa soạn, kể cả những hôm không phải phiên trực của anh. Trong ngôi nhà bé nhỏ và ẩm thấp này, đã diễn ra nhiều cuộc họp lịch sử, đã đi tới nhiều quyết định quan trọng và đã nghe, đã thấy anh Nguyễn tỏ chức tài tình những hoạt động muôn màu, muôn vẻ của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Ở đây, anh Nguyễn đã trình bày bản báo cáo sửa đổi điều lệ của Hội liên hiệp thuộc địa: giới thiệu và phân tích biên bản cuộc thảo luận ở quốc hội Pháp về ngân sách thuộc địa để mọi người hiểu rõ âm mưu của thực dân ; đề nghị được thông qua việc lập một văn phòng lo tìm việc làm cho người thuộc địa ở Pa-ri ; đọc bản dự thảo diễn văn tại lễ tang những người dân Mác-ti-ních bị tàn sát ; đọc những bài báo anh viết để tập thể góp ý kiến ; nhận xét công tác của Hội, của báo hàng tháng ; nhắc nhở các đồng chí người thuộc địa trong lời ăn tiếng nói bất cứ đâu phải theo đúng nguyên tắc và cương lĩnh củ Quốc tế cộng sản ; phê phán một vài đồng chí chỉ quan tâm đến diễn văn ở quốc hội mà không chú ý đến hoạt động thực tế và phong trào quần chúng.

Duy trì một tờ báo ở Pa-ri không phải là việc dễ và đến nỗi mỗi cuộc họp của Hội, của tòa soạn báo, mọi người lại quyên góp tiền cho số báo sau. Vốn không có, giá cả ngày một đắt đỏ, chính quyền gây áp lực và khó khăn, anh Nguyễn cùng các đồng chí của mình lo chạy từng số báo. Trên cương vị phụ trách cơ quan và ban trị sự, với tác phong chính xác và cụ thể, anh Nguyễn làm tờ báo cáo gửi ban biên tập về hoạt động của Người cùng khổ. bản báo cáo này của anh do chính tay anh đánh máy:

“Dự án ban đầu là trước hết thành lập một hợp tác xã xuất bản. Dự án đó không thực hiện được do các đồng chí chưa hăng hái đóng góp, mặc dù chúng ta đã kêu gọi nhiều lần và việc này làm chúng ta tốn kém 120 phrăng.

Một nhóm nhỏ tám đồng chí cam kết dù sao cũng phải cho xuất bản ngay tờ Người cùng khổ. Đã có những lời hứa như sau: Blông-cua cho 100 phrăng mỗi tháng, Hát-gia-li: 50, Môn-néc-vin: 50, Xtê-pha-ni: 25, Nguyễn Ái Quốc: 25, Ô-nô-ri-ơ: 10, Ra-lai-mông-gô: 10, Phuốc-ni-rê: 10. Tổng cộng là 280 phrăng. Người cùng khổ bắt đầu ra mắt ngày 1-4-1922, cho đến ngày 31-12-1922, ngân sách của nó chia ra như sau:

Thu:

A.- Tiền quyên góp của các đồng chí nói trên: Ra-lai—mông-gô: 50 phrăng, Nguyễn Ái Quốc: 175, Môn-néc-vin: 100, Blông-cua: 0, Ô-nô-ri-ơ: 10, Hát-gia-li: 200, Xtê-pha-ni: 50, Phuốc-ni-rê: 0. Tổng cộng là 585 phrăng.

B.- Ủng hộ báo từ 1-4 đến 31-12-1922: 593 phrăng.

C.- Tiền bán báo dài hạn: $141 \times 3 = 423$ phrăng,

D.- Tiền bán báo lẻ từ số 1 đến số 9 = 170 phrăng 40.

Tổng số thu là: 1.771 phrăng

Chi:- Chi phí ban đầu (kể cả số tiền 120 phrăng nói ở trên): 170 phrăng

– Đồ dùng: 34,80.

– Cước phí bưu điện: 156,80.

– Chi phí tiền in: 2.483,80.

Tổng số chi là: 2.845,40.

Ngoài số chi nói trên còn ba quý tiền thuê nhà hết 900 phrăng do sự ủng hộ của các đồng chí đài thọ, đặc biệt do số tiền 450 phrăng đồng chí Blông-cua nhận được từ Đa-hô-mây.

... Xin nhận xét rằng trong chín tháng qua, trong chín tháng qua, trong số tám đồng chí hứa cho tiền hàng tháng thì có: 1 đồng chí đi vắng không đóng xu nào, 1 chưa đóng, 1 mới đóng 1 tháng, 2 đóng 2 tháng, 1 đóng năm tháng, 1 đồng chí đóng đầy đủ (anh Nguyễn).

Để trả được số nợ cũ cho chủ nhà in và tìm một nhà in khác với điều kiện thuận lợi hơn cho báo, thì các đồng chí cần giữ đúng những lời đã hứa góp tiền.

Từ 1-1-1923, quyết định ra báo hai kỳ một tháng và ra bốn trang, trang bốn dành đăng quảng cáo d963 tờ báo có thể sống được. Nhân dịp này, các đồng chí quyết định nộp tiền trả ngay tiền in số 10 là là 535 phrăng.

Từ 1-2, việc cho đăng quảng cáo phải mang lại một số tiền đủ co việc ra báo. Đồng chí Xtê-pha-ni được giao tổ chức việc lấy quảng cáo.

Mặc dù việc quảng cáo mới được đặt ra và do đó chưa được hưởng ứng nhiều, mới đem lại cho các số báo 10, 11 và 12 một số tiền ít ỏi, đồng chí Xtê-pha-ni bảo đảm với chúng ta rằng, với các số tới, ngân sách 1923 sẽ được cân đối, do đó Xtê-pha-ni hứa rằng từ số 13 sẽ không yêu cầu các đồng chí đóng góp nữa. Xtê-pha-ni tin chắc rằng, trong tương lai rất gần, việc nhận đăng quảng cáo không những giúp trang trải tiền thuê in báo mà còn có thể trả công cho một số đồng chí chuyên trách gánh mọi công việc của tờ báo như gửi thư đi, kiểm soát, giữ thường trực, v.v... và còn trả được tiền thuê nhà. Trong khi chờ đợi, các đồng chí phải chịu bỏ tiền ra để trả tiền thuê nhà.

Hãy dũng cảm, có nghị lực và bắt tay vào việc.

Nguyễn Ái Quốc”.

Rất nghiêm túc và có ý thức tổ chức, trong phiên họp ban thường vụ Hội liên hiệp thuộc địa chủ nhật 8-10-1922, anh Nguyễn xin phép không dự cuộc họp hàng tháng của Hội vào chủ nhật 8-10-1922 vì anh được cử làm đại biểu Ban nghiên cứu thuộc địa đi dự Đại hội Đảng cộng sản khai mạc tại Pa-ri vào ngày 15-10. Mọi người quyết

định chờ khi nào anh Nguyễn đi dự đại hội Đảng về mới họp vì anh là cán bộ phụ trách chính, vắng anh khó thảo luận. Anh cũng báo cáo với tập thể những anh bận việc khác như anh đến nói chuyện tại Hội nghị đại biểu toàn quốc Đoàn thanh niên cộng sản, đi dự đại hội của Đoàn thanh niên quận 17, đi tham gia cuộc biểu tình của thanh niên chống đế quốc và chống chiến tranh ở quảng trường Cộng hòa, trong cuộc này, Nguyễn Thế Truyền cùng đi với anh Nguyễn vừa thấy lực lượng cảnh sát xuất hiện. Truyền đã bỏ chạy về nhà.

Đại hội Đảng Cộng sản Pháp lần thứ hai họp tại hội trường số nhà 33, phố Grăng-giơ Ô Ben, một nơi quen thuộc với anh Nguyễn vì là trụ sở của Đảng bộ tỉnh Xen mà anh là đảng viên thường đến họp ở đấy. Đại hội mở màn tưởng nhớ đến bốn công nhân ở cảng Lơ Ha-vrơ vừa hy sinh trong một cuộc đấu tranh, phần nọ khi nghe tin đại biểu Đảng Ý đến đại hội bị bắt. Và đại hội đứng dậy hát Quốc tế ca chào mừng Ma-nuyn-xki, thay mặt Thường vụ Quốc tế cộng sản đến dự đại hội Ma-nuyn-xki gặp trên đoàn chủ tịch đại hội một người châu Á thông minh và nói sôi nổi về công tác Đảng Cộng sản đối với các thuộc địa. Người ấy chính là Nguyễn Ái Quốc. Anh Nguyễn đến đại hội này ngồi suốt mấy ngày nghe tranh luận rất gắng mới thấy hết vị trí quan trọng của ý thức tổ chức và kỷ luật trong Đảng Cộng sản. Và đại hội Pa-ri là đại hội đấu tranh quyết liệt chống bọn cơ hội hữu huynh, bọn chia rẽ và vô kỷ luật trong Đảng, Đại hội của sự thanh lọc mới trên bước đường tiến lên của Đảng. Nhưng đối với anh Nguyễn, vấn đề bức thiết vẫn là giải phóng các nước thuộc địa. Trên diễn đàn đại hội, anh lại một lần nữa phê phán Đảng chưa quan tâm đúng mức công tác ở các nước thuộc địa, nêu lên ý chí của người cộng sản đưa cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa đến thắng lợi hoàn toàn. Anh Nguyễn cùng một số đảng viên khác người thuộc địa đưa ra trước đại hội kiến nghị sau đây:

“Nhận thấy rằng đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ tư sắp tới bàn đến vấn đề thuộc địa và việc đó phải là công tác hàng đầu của những người cộng sản Pháp, trong khi giai cấp tư sản hăm trong vòng áp bức rất nhiều nhân dân thuộc địa.

Quyết định rằng vấn đề thuộc địa sẽ được đưa vào chương trình nghị sự của Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Trong khi chờ đợi, thông qua lời kêu gọi nhân dân thuộc địa do Ban nghiên cứu thuộc địa thảo và đề nghị đảng lời kêu gọi đó trên báo Nhân đạo.

Yêu cầu các đảng bộ cộng sản ở thuộc địa tăng cường công tác tuyên truyền và kết nạp đảng viên trong số người bản xứ và yêu cầu cử càng nhiều càng tốt những người bản xứ đi dự Hội nghị toàn quốc”.

Đại hội thông qua kiến nghị nói trên và chủ tịch đại hội Phéc-đi-năng Pho thay mặt đại hội hứa với anh Nguyễn rằng toàn Đảng sẽ quan tâm nhiều hơn nữa đến công tác Đảng đối với các thuộc địa.

Anh Nguyễn đã thấy sự bức thiết phải có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, của Đảng Cộng sản mới giành được thắng lợi trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Trang báo Người cùng khổ của anh dạt dào niềm tin ở lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và triển vọng giành lại độc lập cho nhân dân dưới sự dẫn đường của đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Dịp kỷ niệm Công xã Pa-ri vào đầu năm 1923, anh Nguyễn đến nghĩa trang Pe La-se-dơ yên tĩnh như một cánh rừng và trồng tía như một công viên. Anh đứng phát cho từng người đến viếng mộ các chiến sĩ công xã tờ truyền đơn do chính anh viết:

“Dự kiến những sự kiện nghiêm trọng có thể xảy ra ngày một ngày hai, bạn đừng đợi gì mà chưa mua báo Người cùng khổ và hô hào bạn bè mua nó. Tờ báo này là tờ báo của bạn, giúp bạn thoát khỏi cảnh nô lệ và sẽ phát hành rộng rãi trong tất cả các thuộc địa, nhằm dắt dẫn mọi người bị bóc lột thuộc mọi màu da đoàn kết lại dưới nếp cờ đỏ búa liềm để trong một phong trào cách mạng quốc tế rộng lớn quét sạch mọi kẻ bóc lột mà chúng ta là những Người cùng khổ.

Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay

chỉ là những vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau.

Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới.

Lao động tất cả các nước hãy đoàn kết lại !”

Trước mộ các chiến sĩ Công xã Pa-ri bằng đá xám, thép chữ vàng, anh thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc kêu gọi vùng lên tiến theo lá cờ của Đảng Cộng sản, lá cờ duy nhất sẽ giúp anh và dân tộc anh thực hiện lý tưởng cao quý: giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Đối với bà con kiều bào ta ở Pa-ri, tết đến là dịp gặp lại nhau và cũng là lúc nhớ nhiều đến Tổ quốc. Ngày 17-2-1923, anh Nguyễn đến vui tết âm lịch với kiều bào yêu nước, mừng rỡ thấy đội ngũ của mình đã đông lên. Giữa buổi vui, anh nói với mọi người về việc củng cố phong trào và gây tình đoàn kết. Đạo ấy, cụ Phan Chu Trinh đang ở Ca-xtơ-rơ, miền Nam nước Pháp, tại nhà ông Nguyễn Duyên, hiệu ảnh. Anh Nguyễn ngỏ ý với ông Phan Văn Trường nên mời cụ Phan về Pa-ri ở để cụ giúp thêm tay cho phong trào của kiều bào. Ông Phan Văn Trường không tán thành, cho rằng cụ Phan biết rất ít tiếng Pháp, cụ về Pa-ri không có gì để nuôi cụ, hơn nữa ông Phan không muốn làm việc gì chung với cụ Phan. Anh Nguyễn thấy đã đến lúc cần ra một tờ báo tiếng Việt để tuyên truyền cách mạng trong kiều bào và đồng bào trong nước.

Nhưng báo Người cùng khổ của anh cũng đang gặp những khó khăn mới. Ban biên tập họp bàn việc chấn chỉnh phát hành báo và Blông-cua đề nghị mọi người theo gương tốt của Nguyễn Ái Quốc. Anh Nguyễn chịu khó mang báo Người cùng khổ đến bán ở các nơi hội họp của Đảng cộng sản, của công đoàn, ở các phố ngõ chung quanh nhà anh ở và mỗi kỳ bán được một số lượng báo nhiều nhất. Anh báo cáo tình hình tài chính với tờ báo và nói: “Chúng ta phải, bằng bất cứ giá nào, làm cho tờ báo sống. Nó mất đi thì sẽ là một thiệt hại to lớn đối với tổ chức của chúng ta và nhất là đối với công tác tuyên truyền lúc này cần thiết hơn lúc nào hết của giai cấp vô sản thế giới chống lại giai cấp vô sản bóc lột”.

Anh Nguyễn đưa ra một đề nghị với tập thể: để cơ quan báo có thêm tiền và để tiện làm việc, anh sẽ dọn về nhà số 9, ngõ Công-

poanh đến ở buồng trong nhà số 3, phố Mác-sê đề Pa-tơ-ri-ác-sơ, trụ sở báo, và sẽ nộp vào quỹ công số tiền phải thuê ở nhà số 9. Ngày 14-3-1923, anh dọn về ở ngay trong trụ sở báo Người cùng khổ, mang theo một cái giường cá nhân và cái va ly mà mật thám Pháp đến khám chỉ thấy toàn sách ở trong. Mang lưới mật thám theo dõi anh tại Pa-ri tăng lên từ khi bộ thuộc địa lập một tổ chức mới chuyên theo dõi những người Đông Dương ở Pháp. Bọn chúng đến khám xét cả những người nước ngoài sống ở Pa-ri hay liên lạc bằng thư từ hoặc đi lại chơi bời với anh Nguyễn. Trong số những người đó có các sinh viên Nga Mi-khai-lốp-xki, Pê-tô-rốp ở nhà số 6, phố Gay Luy-xắc, có nhà yêu nước Ấn Độ A-li-ta-ba Gô-dơ, mấy nhà yêu nước Ai-rơ-len ở gác ba số nhà 12, phố Ca-puy-xin, nhà văn Nhật Bản Ki-ô-si Cô-mát-xư ở trọ nhà họa sĩ Xa-ca-mô-tô... Trong một bức thư ngỏ gửi bộ trưởng thuộc địa Xa-rô đăng trên báo chí Pa-ri, anh Nguyễn công kích khá sâu cay cái bộ máy mật thám to lớn ấy như sau: “Trở thành người cầm đầu tối cao của các thuộc địa, sự quan tâm đặc biệt của ngài đối với những người Đông Dương chỉ tăng thêm với uy quyền của ngài. Ngài đã lập ở ngay Pa-ri một cơ quan đặc biệt chuyên theo dõi những người bản xứ – nhất là người Đông Dương, theo một tờ báo thuộc địa – sống ở Pháp.

Nhưng “theo dõi” có lẽ chưa đủ đối với lòng yêu thương cha con của ngài và ngài đã muốn làm hơn thế. Ngài đã ban cho mỗi người Việt Nam – người Việt Nam yêu quý như ngài nói – những quan hầu đặc biệt. Tuy còn rất sơ đẳng trong nghề trình thám của Séc-lốc Hôm, những người đó rất tận tâm và đặc biệt là nhã nhặn... Chúng tôi thành thật xúc động về vinh dự mà ngài có lòng tốt ban cho chúng tôi, chúng tôi nhận nó với sự biết ơn tốt đẹp nhất nếu nó không phải là việc thừa và không gây ra những ham muốn và sự ghen tị.

... Chúng tôi trân trọng khước từ sự chiếu cố đầy khích lệ đó đối với chúng tôi nhưng lại quá tốn kém cho đất nước.

Nếu ngài muốn biết chúng tôi làm gì hằng ngày thì không có gì dễ bằng: mỗi sáng chúng tôi sẽ công bố một bản tin hoạt động và ngài chỉ có việc chịu khó đọc nó.

Vả lại thời khóa biểu của chúng tôi rất đơn giản và hầu như không thay đổi:

Sáng: từ 8 đến 12 giờ, làm ở xưởng thợ.

Trưa: ở bàn giấy các tòa báo (phe tả, lẽ dĩ nhiên) hoặc đến các thư viện.

Tối: trong buồng của chúng tôi hoặc trong những cuộc họp có tính giáo dục.

Chủ nhật và ngày lễ: thăm viện bảo tàng hoặc những nơi thú vị khác.

Chỉ có thế ! Hy vọng rằng phương pháp thuận tiện và hợp lý đó sẽ làm ngài hài lòng”.

Ra-lai-mông-gô, một người nước ngoài thuộc địa Ma-đa-gát-xca, cho anh Nguyễn biết Sa-nen, một quan chức cấp cao ở bộ thuộc địa vừa có giấy gọi Ra-lai-mông-gô cùng mọi người Ma-đa-gát-xca sống ở Pa-ri đến bộ nghe hấn dọa nạt đủ điều. Anh Nguyễn cho viết ngay một bài trên báo Người cùng khổ tố cáo vụ này. Ít ngày sau đó, Ra-lai-mông-gô báo cáo với Hội liên hiệp thuộc địa xin trở về nước hoạt động. Buổi chia tay, anh Nguyễn giúp Ra-lai-mông-gô 15 phrăng để thêm tiền đi tàu vì anh nói rồi cũng sẽ đến lượt anh về nước vì đây là tiếng gọi của nhân dân và Tổ quốc.

Nghĩ đến đồng bào ruột thịt của mình và công tác đầu tiên để thức tỉnh họ là tuyên truyền, giáo dục, anh Nguyễn quyết định ra một tờ báo tiếng Việt lấy tên là Việt Nam Hồn. Anh cũng tự tay viết tờ truyền đơn cổ động mua báo và cũng chính tay anh đi phát ở nhiều nơi trong các giới kiều bào ở Pa-ri. Lời văn của truyền đơn mộc mạc và dễ hiểu, thể viết cũng rất thích hợp với người Việt Nam thời bấy giờ:

“Ở trong thế giới, ông nói tàu bay, việc lạ tin hay, ngày ngày thường có. Nào ai muốn rõ, phải có nhật trình. Mình ở gia đình, mắt soi vạn lý. Á, Âu, Úc, Mỹ, rút lại một tờ. con trẻ đàn bà, ai ai cũng biết.

Mình người nước Việt, khách địa làm ăn. Chẳng đọc Hán văn, không xem Pháp tự. Việc đời hay dở, lành dữ mặc ai, tuy có mắt tai, cũng không nghe thấy, vạn nước thế nào, anh chị đồng bào, có hay chẳng nhẽ. Cũng vì nghĩ thế, tôi muốn làm ra, một báo tiếng ta, cho đồng bào đọc. Chẳng nài khó nhọc, giám kể công trình. Mong mỗi người mình, mở mày mở mặt.

Báo này sẽ đặt tên Việt Nam Hồn. Một tháng hai lần, mỗi lần trăm bản. Xin anh em bạn, ai có muốn coi, cắt gửi cho tôi, cái toa mãi chỉ.

Mấy lời chung thủy, thư bất tận ngôn.

Chúc Việt Nam Hồn.

Vạn tuế, vạn tuế.

Cắt gửi toa này cho ông Nguyễn Ái Quốc số nhà 3, phố Mác-sê-đề Pa-tơ-ri-ác-sơ, Pa-ri, quận 5:

Tôi tên là:

Ở số nhà:

Tỉnh:

Gửi lại 12 quan để mua báo Việt Nam Hồn 6 tháng.

Anh Nguyễn đi khảo giá nhiều nhà in để tìm nơi cho thuê in rẻ nhất. Một nhà in viết thư trả lời anh:

“Thành phố Tua, ngày 22-5-1923.

Nhà in Hội hợp tác công nhân số 10, phố Mét gửi đồng chí Nguyễn Ái Quốc số 3, phố Mác-se-đề Pa-tơ-ri-ác-sơ, Pa-ri.

Đồng chí thân mến,

Tiếp theo yêu cầu của đồng chí, chúng tôi xin báo để đồng chí rõ: in một tờ báo xuất bản tháng một lần trên giấy báo nhẵn, với khoảng 45 – 50.000 tờ, kiểu báo Người cùng khổ thì giá một nghìn tờ đầu là 280 phrăng, nghìn thứ hai: 50 phrăng. Chúng tôi có thể giúp cho đồng chí một người quản lý. Để làm tờ báo, chúng tôi phải có bản thảo bài tám ngày trước khi ra báo. Về các bản kẽm thì giá tùy theo kích thước và loại hình (bản kẽm hai cột giá 40 phrăng). Giá các thứ nói trên sẽ lên xuống tùy theo giá nguyên liệu và lương công nhân viên chức.

Tôi xin sẵn sàng trả lời những điều đồng chí cần biết rõ thêm và xin gửi lời chào đồng chí.

Giám đốc

Bê-ti-nát”

Giữa lúc ấy, ở báo Người cùng khổ xảy ra vụ Xtê-pha-ni tham ô 1.500 phrăng, tiền các nơi thuê đăng quảng cáo. Ban biên tập báo họp quyết định không nhận đăng quảng cáo nữa, cách chúc Xtê-

pha-ni và buộc trao trả toàn bộ sổ sách, tiền nong lại cho anh Nguyễn Ái Quốc. Giấy chuyển giao viết như sau:

“Sở bưu điện, giấy số 776.

Giấy cho phép nhận hoặc rút những thư bảo đảm và lĩnh thư chuyển tiền.

Tôi là Xa-mu-en Xtê-pha-ni hiện ở Pa-ri, số nhà 9, phố Clôt Bác-na và sẽ dọn đến ở Cla-ma, cho phép ông Nguyễn Ái Quốc ngụ tại Pa-ri, quận 5, số nhà 3, phố Mác-se-đề Pa-tơ-ri-ác-sơ , được nhận tại nhà tôi hoặc lấy ra ở hòm thư bưu điện số 29, Pa-ri, tất cả những thư bảo đảm đề gửi tên tôi, đồng thời được lĩnh những thư và điện chuyển tiền các nơi gửi cho tôi, do đó được ký mọi sổ sách và giấy tờ, và nói chung được là mọi việc cần thiết

Làm tại Pa-ri ngày 28-3-1923

Người có thẩm quyền ký:

NGUYỄN ÁI QUỐC

Giám đốc sở bưu điện ký

Người giao lại trách nhiệm ký:

XTÊ-PHA-NI

Chứng nhận chữ ký của

Xtê-pha-ni

Giám đốc sở cảnh sát ký”

Dù sao báo Người cùng khổ cũng đã trưởng thành và bước sang năm hoạt động thứ hai, còn Hội liên hiệp thuộc địa thì sắp bước sang năm thứ ba. Trong một phiên họp, Ban thường vụ Hội liên hiệp thuộc địa tán thành sáng kiến do anh Nguyễn đề ra: để đánh dấu bước phát triển của Hội, tuyên truyền ảnh hưởng của Hội và có thêm tiền giúp báo Người cùng khổ, sẽ có một buổi tối biểu diễn nghệ thuật ở Pa-ri lấy danh nghĩa Hội liên hiệp thuộc địa đứng ra làm. Cuộc họp giao trách nhiệm cho anh Nguyễn tổ chức tối liên hoan ấy vì anh quen nhiều nghệ sĩ có thể đến giúp biểu diễn.

Dao ấy ở Pa-ri có một nhóm nghệ sĩ cách mạng ở phố Bro-ta-nhơ lấy tên là Nàng thơ đỏ. Nhiều báo chí Pa-ri lúc đó thường xuyên quảng cáo:

“Mỗi chủ nhật, vào 20 giờ 30 Nàng thơ đở phân phát tiếng hát và tiếng cười”

“Nàng thơ đở sẵn sàng phục vụ các tổ chức tiến bộ bằng cách tham gia toàn bộ hoặc từng phần vào các cuộc vui của họ. Liên hệ tại trụ sở: 49, phố Brơ-ta-nhơ. Thường trực vào các buổi tối, lúc 18 giờ 30”.

Khi sống ở Pa-ri, Lê-nin có vài lần nhờ đến sự cộng tác của nhóm này. Anh Nguyễn cũng quen thân với nhóm nghệ sĩ này và họ sốt sắng đáp lại lời mời của anh trong bức thư sau đây:

“Nàng thơ đở

Nhóm nhà thơ, ca sĩ và nghệ sĩ cách mạng thành lập từ năm 1901.

Tạp chí tuyên truyền cách mạng bằng nghệ thuật.

Trụ sở số nhà 49, phố Bra-ta-nhơ.

Pa-ri, ngày 15-5-1923

Gửi đồng chí Nguyễn Ái Quốc thân mến,

Tôi đã nhận được thư của Hội liên hiệp thuộc địa đề ngày 10-5 vừa rồi.

Tôi đã ghi nhận buổi tối liên hoan của đồng chí sẽ tổ chức vào thứ bảy 26-5 tới, tại hội trường Thanh niên cộng hòa, số nhà 10, phố Pơ-ti Tu-a. Ba nghệ sĩ của Nàng thơ đở sẽ đến giúp đồng chí và không lấy tiền. Nhân dịp này, tôi nói để đồng chí rõ là chúng tôi không muốn quảng cáo tên từng người và nếu thông báo cho đồng chí thì chỉ nên nói: có sự tham gia của đồng chí ca sĩ và nghệ sĩ nhóm Nàng thơ đở.

Chúc đồng chí thành công và xin gửi đồng chí những tình cảm anh em”.

Anh Nguyễn cho in thiệp mời gửi đến nhiều người ở các nước thuộc địa và anh lo mọi công việc chuẩn bị. Tối 26-5, ở hội trường Thanh niên cộng hòa thật là một buổi hội lớn, một buổi hội cách mạng và kêu gọi đấu tranh.

Rất đông Việt kiều ở nội, ngoại thành Pa-ri tới dự và đông nhất là những kiều bào ở Bô-bi-nhi và Bu-lô-nhơ. Anh Nguyễn khai mạc đêm văn nghệ bằng những lời lên án chủ nghĩa thực dân và ca ngợi

tinh thần đấu tranh của nhân dân các thuộc địa cùng thành tích của Hội liên hiệp thuộc địa. Câu chuyện của anh được minh họa bằng một số bộ phim quay về đời sống nhân dân thuộc địa. Anh công nhân người da đen Ma-rơ-pô lên đọc bài thơ ngụ ngôn “Con quạ và con cáo” của La Phong-ten rồi anh lại đọc một bài thơ dân gian của đất nước anh. Các nghệ sĩ Nàng thơ đứng lên hát nhiều bài ca cách mạng trong tiếng nhạc sôi nổi ý chí đấu tranh. Cả phòng họp vui nhộn lên khi anh Nguyễn mang lên sân khấu một đồ gốm Việt Nam, những cái quạt giấy Việt Nam và mấy quyển sách để quay xổ số lấy thưởng. Trước khi kết thúc đêm liên hoan, Anh Nguyễn đứng dậy thay mặt Hội liên hiệp thuộc địa cảm ơn các nghệ sĩ đã đến giúp vui và anh chúc mọi người hăng hái ủng hộ Hội và báo Người cùng khổ để năm tới sẽ có những tối liên hoan đông vui hơn.

Nhưng ngày hẹn ấy có bao giờ đến với anh Nguyễn? Ngày 20-6-1923, một ngày đáng ghi nhớ đối với anh Nguyễn, trong phiên họp Ban biên tập báo Người cùng khổ, anh báo cáo xin nghỉ việc một thời gian để đi dưỡng bệnh ở một nơi xa Pa-ri. Người duy nhất biết lý do thực sự anh Nguyễn nghỉ là Blông-cua. Và Blông-cua người đồng chí cộng sản thân tín của anh, lúc đó điều khiển buổi họp, thay mặt Ban biên tập chúc anh đi may mắn và giao lại công việc của anh cho Môn-néc-vin tiếp tục.

Tháng 7-1923, mật thám Pháp bắt hút anh Nguyễn, liền báo cáo với bộ thuộc địa:

“Nguyễn Ái Quốc tuyên bố đi nghỉ hè chừng 10 ngày mà đến cuối tháng 7 vẫn chưa thấy về. Người bản xứ An Nam ấy giữ vai trò chủ chốt của phong trào cộng sản ở thuộc địa cho nên khi Nguyễn không có nhà thì các đồng chí của Nguyễn hình như lúng túng.

Nguyễn đi vắng lâu, cuối cùng Hội liên hiệp thuộc địa và báo Người cùng khổ quyết định báo lại tiếp tục ra ngày 20-7 không có Nguyễn phụ trách và ngày 29-7, Hội liên hiệp thuộc địa lại tiếp tục họp không có Nguyễn”.

Công văn mật số 3.555 của sở mật thám Pháp viết như sau:

“Pa-ri, ngày 8-10-1923.

Kính gửi ông bộ trưởng thuộc địa.

Trong điện số 832 ngày 30-8 vừa qua, ông có báo cho chúng tôi biết về việc mất tích Nguyễn Ái Quốc, người cách mạng An Nam có chân trong tổ chức cộng sản và là chủ bút báo Người cùng khổ, ngụ tại số nhà 3, phố Mác-sê đề Pa-tơ-ri-ác-sơ.

Tôi hân hạnh báo để ông biết là Nguyễn Tất Thành, quen biết dưới tên gọi Nguyễn Ái Quốc, cho đến nay được lung tìm ráo riết nhưng không có kết quả.

Hơn nữa, không có nguồn tin nào trong các giới cộng sản mà Nguyễn Ái Quốc thường lui tới, nhất là ở Câu lạc bộ Phô-bua, cho phép các cuộc tìm hiểu được dễ dàng.

Các nhân viên của tôi đang ra sức dò tìm Nguyễn Ái Quốc và nếu Nguyễn bị phát hiện thì tôi sẽ báo ngay lập tức để ông biết.

Thay mặt bộ trưởng nội vụ
Giám đốc sở an ninh Pháp
L. Ma-sanh”

Tháng sau lại thêm một công văn mật khác số 4.116, đề ngày 24-11-1923:

“Tiếp theo điện số 822 ngày 30-8 của ông về việc mất tích Nguyễn Ái Quốc, người cách mạng An Nam, có chân trong các tổ chức cộng sản, chủ bút báo Người cùng khổ, ngụ tại số nhà 3, phố Mác-sê đề Pa-tơ-ri-ác-sơ, tôi hân hạnh báo để ông rõ là chúng tôi đang lung tìm Nguyễn Ái Quốc ở Hốt Xa-voa (Miền núi phía Đông nước Pháp), có thể là nơi Nguyễn nghỉ dưỡng sức, nhưng cho đến nay, chưa có kết quả.

Thay mặt bộ trưởng nội vụ
Giám đốc sở an ninh Pháp
L. Ma-sanh”

Toàn bộ mạng lưới mật thám Pháp đã thua anh Nguyễn. Sự thật là, sau đêm liên hoan ở hội trường Thanh niên cộng hòa, anh Nguyễn đến nhà Blông-cua tâm sự với bạn nguyện vọng thiết tha của anh trở về nước, huấn luyện và tổ chức nhân dân, tổ chức cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do ngay trên mảnh đất của Tổ quốc mình.

Từ cách đây hai năm anh đã viết trên Tạp chí cộng sản ở Pa-ri: “Người Đông Dương che giấu một cái gì đang sôi sục, đang gầm thét và khi thời cơ đến nó sẽ bùng nổ mãnh liệt. Những người tiên phong phải thúc đẩy cho thời cơ mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất, chủ nghĩa xã hội chỉ việc gieo hạt giống giải phóng”.

Ngày đêm anh nghĩ về Tổ quốc và lúc này, sau hơn mười năm lao động, học tập, rèn luyện và đấu tranh, xuất phát từ lòng yêu nước nồng cháy và lòng giác ngộ triệt để chủ nghĩa Mác – Lê-nin, anh đã tìm ra một con đường cách mạng cho nhân dân anh, một con đường tuyệt đối đúng mà anh tin tưởng sẽ giải phóng đồng bào anh. Giữa lúc anh mong muốn trở về nước và đã nói điều đó với Đảng Pháp thì một hôm Trung Ương Đảng mời anh đến và báo tin anh được cử đi dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản với danh nghĩa là “đại biểu nhân dân thuộc địa”. Ma-nuyn-xki, trong Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, người sẽ đọc báo cáo chính về vấn đề dân tộc và thuộc địa ở Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ năm, người đã thấy sự hoạt động xuất sắc của anh Nguyễn tại Đại hội Đảng Pháp năm 1922, Ma-nuyn-xki đề nghị Quốc tế cộng sản mời đích danh anh Nguyễn Ái Quốc.

Buổi anh Nguyễn chia tay gia đình Blông-cua trên gác nhà số 10B, phố Po Roay-an cảm động không nói lên lời, chỉ có tiếng khóc của chị An-béc-tin. Vĩ phải giữ bí mật, anh gửi lại Blông-cua tất cả giấy tờ, sổ sách, hồ sơ và quỹ báo của cơ quan và anh nhờ Blông-cua chuyển lại lời chào anh em đồng chí trong Hội liên hiệp thuộc địa và báo Người cùng khổ, những người cùng hội, cùng thuyền và cùng cảnh ngộ với anh mà trong buổi gặp mặt cuối cùng ngày 20-6 anh không được phép nói rõ mục đích anh đi và anh cũng không có điều kiện để ôm hôn từng người.

Sa-rốt cùng làm ở báo, còn gửi thư cho anh giữa lúc anh chuẩn bị cuộc ra đi:

“Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thân mến,

Blông-cua báo tôi biết anh sẽ đi về nông thôn nghỉ vài tuần vì sức khỏe,

Nếu anh chưa đi ngay, tôi muốn nhờ anh phóng đại hộ tôi một tấm ảnh. Xin gửi kèm đây bản gốc. Tôi muốn phóng ra khổ 40 x 30

cen-ti-mét. Nếu anh làm xong thì gửi trả ngay lại cho tôi bản gốc mà anh rất cần vì tôi đã bóc tấm ảnh ấy ra ở sổ lương hưu và tôi phải dán lại ngay”.

Anh Nguyễn vẫn dành thời giờ phóng đại ảnh giúp cho Sa-rốt và trả lại đầy đủ bản gốc.

Hồi đó từ Pháp đi Nga là một việc rất khó khăn và nguy hiểm, nhất là đối với một người dân thuộc địa của Pháp. Anh Nguyễn đã từng dự nhiều cuộc mít tinh ở Pa-ri phản đối bọn đế quốc giết đồng chí Ray-mông Lơ-phe-vơ và nhiều đảng viên cộng sản Pháp khác trên đường đi Nga hoặc từ Nga về. Nhiều người bị chúng bắt hoặc thủ tiêu một cách dã man vì chúng quá khiếp sợ ảnh hưởng lớn của cách mạng Nga. Tất cả những nguy hiểm ấy và sự canh gác ráo riết của bọn mật thám Pháp không làm anh Nguyễn chùn bước. Anh đi tìm kiếm trong anh em công nhân Pa-ri một đồng chí làm ở đầu máy xe lửa nhận giúp đưa anh từ Pa-ri đến Bá-linh và sẽ nói với anh em công nhân xe lửa Đức giúp anh Nguyễn đi tiếp.

Để che mắt bọn mật thám, anh Nguyễn làm ra vẻ không còn hoạt động chính trị nữa. Suốt mấy ngày liền, cứ sáng đi làm, chiều vào thư viện, tối đi xem chiếu bóng, anh lừa được bọn mật thám và dần dần chúng không kiểm soát anh chặt chẽ như trước nữa. Một buổi tối đầu tháng bảy, anh đi xem chiếu bóng và giữa chừng anh ra khỏi rạp bằng một cửa khác, rồi anh đi nhanh thẳng đến ga Duy No. Một đồng chí công nhân chờ sẵn đưa cho anh một cái va-li con và một cái vé hạng nhất. Ga Duy No với vòm mái rất cao và rất rộng, ở đó một đồng chí người Pháp đã đón sẵn đưa anh lên tàu. Đúng 12 năm sau ngày rời Tổ quốc và gần sáu năm sau ngày đến Pa-ri, anh Nguyễn từ già nước Pháp, nơi anh gửi lại nhiều kỷ niệm thân thiết và là nơi chứng kiến cả một thời thanh niên sôi nổi mà cũng là một thời hoạt động oanh liệt của anh. Nhiệm vụ lịch sử của anh trên đất Pháp đã hoàn thành và lúc này những nhiệm vụ mới của Tổ quốc đặt ra đang chờ đợi anh.

Đến tận tháng 10-1924, chính phủ Pháp mới nhận được bức điện sau đây gửi từ Mát-xcơ-va về của đại sứ quán Pháp mới lập tại Liên Xô:

“Mật điện. Xin báo: từ tháng 1-1924, xuất hiện tại tại Mát-xcơ-va người cộng sản gây rối Nguyễn Ái Quốc”.

Anh Nguyễn an toàn đặt chân lên đất nước của Lê-nin trên chặng đường vạn dặm trở về Tổ quốc ! Một thời kỳ hoạt động mới đến với anh và cùng với anh, cách mạng Việt Nam cũng sang trang mới.

HẾT.